Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC, VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 53

SỐ 37 (2174)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM — THỨ BẢY — 15-9-2001

Đất lành

Truyện ngắn của

PHAN ĐỨC NAM

Minh họa của HÀ TRÍ HIẾU

Từ khi ông Hai cắt mẫu đất sát vườn nhà bán cho Công ty Rượu Quốc tế thì ngã ba vườn Trảm nhộn nhịp hẳn lên.

Đầu tiên là Hùng - con trai lớn của ông Hai - cấp tốc mở quán giải khát chuẩn bị phục vụ cho hàng trăm thầy thợ xây dựng nhà máy Rượu.

Chính vợ chồng ông Hai cũng bận rộn suốt tuần lễ, lo việc ăn uống và điều động người chặt cây tràm giao đất trắng. Tiền thu từ cây tràm cũng sắm được chiếc Honda. Lần này ông đã có điều kiện và nhất định mua xe.

Hồng - con gái kế của ông - hí hởn ra mặt. Sáng Hồng dậy thiệt sớm, nấu nước pha cà phê và trà cho cha, rồi giặt giũ quét dọn, nấu cơm nấu cám...

"Nó mừng và siêng năng sốt sắng cũng phải! Mình mua xe cho nó đi là chính. Thằng Hùng có vợ có xe rồi, còn thằng út lâu lâu mới về...".

"Ba uống cà phê con pha được không? " - Hồng hỏi cha. Ông Hai gật đầu, chép miệng: "Ngon! Mày pha phin kiểu này uống được" - "Con học ở quán Trung Nguyên trên Dĩ An đó ba, để phụ anh Hai bán cạnh tranh với người ta".

Ông Hai gục gặc đầu. Vậy là có thêm một đứa con máu kinh doanh. Không như ông hồi xưa, cho tới tận bây giờ, cũng chỉ biết cày cuốc với ruộng vườn.

Vườn tràm vừa được dọn là tường rào cũng bắt đầu xây. Đông thợ nên xây rất lẹ, mới mấy bữa mà dãy tường đã dài tắp. Ông Hai cứ ngơ ngẩn nhìn bức tường chắn ngang khu vực nhà máy với nhà ông... Ngày xưa bên đó là đất của dòng họ ông bà ông, rồi là của ông, biết bao mồ hôi công sức, biết bao kỷ niệm!...

Nhưng thôi! Mỗi thời mỗi khác, giờ ôm cho lắm chỉ cực thân ông. Thằng Hùng lo năm sào vườn nhà nó - mà ông đã chi cho rồi - còn chưa xong. Nó bỏ mặc cho vợ để ôm vô lăng, giờ còn mở thêm quán... con Hồng thì yếu, thằng Hiển lang bạt kỳ hồ... Để đất hoang phí thu hoạch chẳng được bao nhiêu, bán bớt đi cũng phải.

Nghĩ vậy nhưng ông vẫn thấy buồn buồn...

"Chú Hai nghĩ gì vậy?" - Một giọng trầm ấm vang bên tai làm ông giựt mình quay lại. Thì ra anh chàng kỹ sư của nhà máy Rượu, anh đang kiểm tra thi công...

Ông Hai lúng túng chưa biết trả lời câu hỏi các có đó ra sao thì chàng kỹ sư như đọc được tâm tư ông, chậm rãi nói tiếp: "Cá nhân cháu cũng không thích những bức tường trắng toát, trên gắn mảnh chai, chông nhọn... Nhưng khu vực nhà máy phải bảo vệ chú à. Dẫu sao nhìn nhau qua bờ hoa vẫn đẹp và thân thiện hơn. Phải không chú?".

Ông Hai ngơ ngẩn gật đầu. Kỹ sư mà có tâm hồn nhậy cảm đến vậy sao? Anh ta nói như thơ...

Ông nhìn chàng kỹ sư với vẻ đầy thiện cảm. Anh ta cười, chỉ cho ông thấy một đống cây giống xếp gần đó: "Cháu sẽ trồng nhiều cây xanh và rất nhiều hoa - nhất là hoa leo. Rồi đây hoa sẽ leo sang vườn nhà chú, chú sẽ thấy vui hơn".

Ông Hai khoái chàng kỹ sư tên Chung từ đó.

*

Những xe chở đất đá ầm ầm san lấp mặt bằng, rồi xe ủi đất, xe lăn, cộng thêm máy trộn bê tông, máy khoan, máy hàn, đua nhau gào rú làm không gian quanh đó như muốn bể tung. Tiếng động và gió bụi mịt mù của công trường đang xây dựng, làm những người sống gần đó bực mình khó chịu, bởi lâu nay họ sống êm ả quen rồi.

Gia đình ông Hai ở sát bên nên chịu trận nhiều nhứt. Nhưng phải chịu chớ biết sao! Riết rồi cũng phải quen.

Ông Hai biểu vợ: "Hay bà về ngoại vài tháng, coi thằng Út có mò về đó không? Để tui với con Ba coi nhà cho". Bà Hai lắc đầu: "Thằng Út không có ở đó đâu. Có thì dì dượng nó đã biên thư. Tui tính... mở quán bán cơm ông à... Ông thấy sao?...".

Trời! Giờ chính bà vợ khoai mì khoai lang của ông cũng đòi làm kinh tế. Gần bốn chục năm trời sống với nhau sao bả không trổ tài? Để mình ông trần lưng làm rẫy cực muốn chết!...

À chắc thằng Hai hay con Ba xúi...

Mà cũng phải thôi! Nhà mình có lợi thế sát bên Công ty, không lẹ thì thua người ta. Mật đâu ruồi đó, sơ sơ đã có ba quán cà phê, hai quán cơm, một tiệm sửa chữa xe, và một quán thịt cầy...".

"Mình thấy nhà máy chưa xây xong mà đã nhiều xe hơi du lịch chạy lên chạy xuống, có cả ông Tây bà đầm - Họ làm ăn lớn đây! Rồi lại thấy hàng đống công-ten-nơ đổ xuống nhiều máy móc thiết bị mới tinh... Nhiều kỹ sư, cán bộ ngày đêm lắp ráp trông coi... Tối tối họ qua quán thằng Hai uống nước, bàn

(Xem tiếp trang 18)

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN

MỘT ĐẠO LUẬT PHI LÝ VÀ PHI PHÁP

NGÀY 6-9 vừa qua, Hạ nghị viện Mỹ đã thông qua Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ ký ngày 13-7-2000. Đây là một bước tích cực, mở đường cho Thượng nghị viện Mỹ xem xét. Sau khi được hai Viện Quốc hội Mỹ thông qua, Hiệp định sẽ trở thành có hiệu lực trong việc bình thường hoá quan hệ thương mại hai nước, có lợi cho cả đôi bên.

Thế nhưng, cũng trong lúc đó, Hạ viện Mỹ còn thông qua cái gọi là "Đạo luật về nhân quyền Việt Nam" do một nhóm nghị sĩ soạn thảo, với nội dung sặc mùi sô-vanh nước lớn, đặt "quyền con người" ở Việt Nam phải do Mỹ nhận xét, và "việc gia tăng tài trợ chỉ được tiến hành song song với những tiến bộ về nhân quyền ở Việt Nam"?

Rất rõ ràng, đây là một đạo luật cực kỳ phi lý và phi pháp, can thiệp trắng trợn tình hình nội bộ Việt Nam, vi phạm thô bạo các chuẩn mực sơ đẳng của luật pháp quốc tế, mưu toan cột chặt quan hệ thương mại bình thường với điều kiện áp đặt trịch thượng về chính trị. Xin hỏi: Mỹ có quyền gì để ban hành một đạo luật về nhân quyền ở Việt Nam, nhất là cái gọi là "đạo luật" này lại soạn thảo giữa lúc ngay trên đất Mỹ đang còn tồn đọng nhiều tệ nạn phân biệt chủng tộc và tệ nạn xã hội, quyền con người luôn luôn bị vi phạm, đe doạ, uy hiếp, hơn nữa chính Mỹ lại vừa mới bị loại khỏi Uỷ ban Nhân quyền của Liên Hợp Quốc thì làm sao còn đủ tư cách bàn chuyện nhân quyền của nước khác?

Nhân dân Việt Nam đã từng chiến đấu hy sinh để giành lại độc lập cho Tổ quốc, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân, thống nhất, hoà bình cho đất nước. Đó là những quyền con người thiêng liêng nhất, đẹp đẽ nhất. Nhân dân Việt Nam cũng đã từng trải qua, không chỉ trong bom đạn tàn bạo mà cả những chuỗi ngày dài bao vây, cấm vận của Mỹ, mãi tới 1995 hai nước mới thiết lập quan hệ với nhau. Nhưng chính Việt Nam đã nêu cao và thực hiện khẩu hiệu "Xoá bỏ hận thù, gác lại quá khứ, hướng tới tương lai", bắt tay giao hảo với Mỹ, với thiện chí rõ rệt. Vậy thì tại sao ở Mỹ vẫn cứ xuất hiện dai dẳng một số nhân vật, thỉnh thoảng lại giơ lá cờ "nhân quyền" đã cũ và rách; mưu toan phá hoại tình hữu nghị, hợp tác vì hoà bình và phát triển giữa hai dân tộc?

Những đầu óc thiển cận này, càng dùng gậy mục thọc bánh xe lăn, nhất định càng bị dư luận ngay trên đất Mỹ lên án, và chỉ chuốc lấy thất bại như đã nhiều lần thất bại.■

VĂN NGHỆ

QUA BÁO CHÍ NƯỚC NGOÀI

KHÚC DẠO ĐẦU CỦA MỘT KỊCH BẢN

Những ngày gần đây sự kiện bắt giữ và dẫn độ Cựu Tổng thống Nam Tư Slôbôđan Milôsêvích đang làm rung động dư luận toàn thế giới. Nhiều người cho rằng sự kiện trên được thực hiện theo một kịch bản được Hoa Kỳ và các nước đồng minh NATO vạch sẵn. Nhưng những sự kiện sau đây góp phần phản ánh phần nào mối quan hệ "có đi có lại" giữa Hoa Kỳ và Cựu Tổng thống Milôsêvích...

GHENAĐI XUSÔEP

KỊCH bản mà các nhà dân chủ Xécbi soạn thảo được thực hiện theo từng bước. Sau việc bắt giữ chiến hữu thân cận nhất của cựu Tổng thống, Sếp ngành mật vụ Rade Marcôvích, nhiều quan chức cao cấp của ngành an ninh quốc gia cũng đã bị bắt giữ. Cuộc điều tra đã kết thúc bằng việc thu thập các chứng cứ để bắt giữ ông Milôsêvích. Nhưng ở đây lại diễn ra những điều chưa được lường trước.

Hồi tháng Ba, Đại sứ Hoa Kỳ tại Nam Tư Uyliam Môntêmeri đã gửi một công văn cho các nhà lãnh đạo Nam Tư và Xécbi, trong đó ông này đã đặt điều kiện dành cho Belgrát một khoản viện trợ tài chính của Hoa Kỳ khoảng 100 triệu đô la Mỹ. Chỉ có 2 điều kiện chủ yếu: Bắt giữ và dẫn độ Slôbôđan Milôsêvích trước 31 tháng Ba và thể hiện cụ thể sự sẵn sàng của Belgrát hợp tác với Toà án quốc tế La Hay từng yêu cầu giao nộp cựu Tổng thống Nam Tư.

Đây rõ ràng là một bức tối hậu thư ngỏ đối với các nhà dân chủ Xécbi và đặt họ vào một tình huống cực kỳ tế nhị. Việc bắt giữ ông Milôsêvích theo những điều kiện trên có nghĩa là công nhận rằng chính quyền mới ở Nam Tư đang hành động theo lệnh của Oasinhtơn. Về điều này những người ủng hộ ông Milôsêvích đã từng phê phán một cách cay độc: Đấy, chúng ta thừa biết rằng các nhà dân chủ chỉ là những con rối của phương Tây mà thôi.

Một trong những thủ lĩnh của những nhà dân chủ Xécbi, Đại sứ Liên bang Nam Tư tại Hoa Kỳ ông Milan Prôtích, cố gắng làm dịu tình hình. Ngay trước khi bức tối hậu thư trên được công bố, ông này tuyên bố rằng ông Milôsêvích sẽ bị bắt ngay tức khắc: "Đây là một điều không đơn giản, nhưng chúng tôi sẽ làm được điều này. Và sẽ thực hiện trước 31 tháng Ba. Tôi có thể đảm bảo với các bạn về điều đó".

Nhưng sau đó vụ việc lại hoàn toàn ngược lại. Tổng thống Nam Tư Vôixláp Kôxtunixa đã kịch liệt phê phán vị Đại sứ. Theo ông, thông báo của ông Prôtích "không phù hợp với lập trường chính thức của Chính phủ". Tổng thống còn khuyên Đại sứ "hãy phát ngôn với quan điểm chính thức", đồng thời ông cũng phê phán bà Trưởng công tố Toà án La Hay Karla del Pôntê.

Sự bất đồng trong hàng ngũ các nhà dân chủ Xécbi mà mọi người loan tin, đã lên đến cực điểm. Bằng bức tối hậu thư của mình, Hoa Kỳ đã quẳng cây bài phăng teo (joker) vào cỗ bài cho các nhà chính trị Xécbi, những người muốn chống lại việc nhanh chóng giao nộp ông Milôsêvích cho Toà án. Tổng thống Nam Tư Kôxtunixa thuộc về số này. Thủ tướng Xécbi Đjinjic, người luôn ủng hộ quan điểm cho rằng ông Milôsêvích phải chịu trách nhiệm hình sự, cũng đành phải làm dịu đi lập trường của mình. Ông tuyên bố rằng vụ án hình sự chống lại Cựu Tổng thống Liên bang Nam Tư sẽ được khởi tố sau khi thu thập những chứng cứ cần thiết về tội ác của ông ta: "Quyết định về thời hạn bắt giữ ông Milôsêvích không phải do bản thân tôi, không phải do bà Karla del Pôntê và Giôocgio Buso, mà là do vị công tố và quan toà ở Belgrát thông qua".

Theo cách nhìn đầu tiên của lôgic hợp lý trong các hoạt động này hoàn toàn không có những chiến binh Anbani. Ở Maxêđônia những người gốc Anbani thực tế đã nhận được tất cả những gì họ muốn. Họ có một phần ba số ghế Bộ trưởng trong Chính phủ của đất nước, họ có trường đại học, có đảng phái và những tờ báo của riêng mình. Ở Xécbi có những quận do người Anbani sinh sống (Buinôvat, Presevô và Métvetgie) đã rơi vào vùng đệm, bao quanh Côxôvô. Sự có mặt của Xécbi ở vùng này - thuần tuý chỉ là tượng trưng: một số lượng nhỏ cảnh sát trang bị vũ khí hạng nhẹ và không hề có quân đội. Và ở chính Côxôvô đang diễn ra một quá trình độc lập cho người gốc Anbani dưới sự bảo vệ của lực lượng kiến tạo hoà bình quốc tế.

Nói cách khác, hiện nay những người gốc Anbani có mọi quân chủ bài trong tay: sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế. Chính những cuộc tấn công của những chiến binh đã bắt đầu thay đổi tình thế gây bất lợi cho người gốc Anbani. NATO đã đồng ý thu hẹp vùng đệm. Belgrát có quyền đưa quân đội của họ vào đó (trước mắt, thực tế là, vào khu vực giáp giới với Maxêđônia, nhưng tiến trình này đã diễn ra). Hoạt động tích cực của những kẻ quá khích gốc Anbani có thể quay lưng lại với chính những người anh em của họ tại Maxêđônia, bởi vì nó sẽ đặt một cú đấm phá vỡ những gì mà họ đã có ở đó.

Cuộc gặp gỡ lịch sử 1997 giữa Onbrai (trái) và Milôsêvích

Mặt khác, những chiến binh gốc Anbani bắt đầu một cuộc đấu tranh không những với Xécbi, nước đã từng một lần bị lôi kéo vào cuộc chiến tranh với người Anbani, mà còn với cả Maxêđônia nữa. Mặc dù một đội quân Maxêđônia khoảng 12 nghìn người chưa phải là một lực lượng quân đội hùng mạnh, phương Tây luôn đứng đằng sau Skôpie. Cuối cùng, những người Anbani kêu gọi các lực lượng kiến tạo hoà bình quốc tế trong thành phần KFOR đang đóng tại Côxôvô, mà thực chất là NATO, lực lượng đã chỉ đạo toàn bộ chiến dịch Côxôvô. Hơn nữa, hành động của các tay súng này đã không nhận được sự ủng hộ của các nhà chính khách chính thức người gốc Anbani - ở Anbani, cũng như ở Maxêđônia và Côxôvô.

Thành ra, các cuộc tấn công của các tay súng chỉ là kết quả của sự thiếu cân nhắc của các chỉ huy chiến trường của họ. Song, chưa chắc những cuộc tấn công này có thể giải quyết được vấn đề một cách độc lập.

Cách đây không lâu tuần báo Anh *Người quan sát* thông báo một tin đầy ấn tượng dựa vào lời của một số quan chức cấp cao KFOR. Hoá ra là, các tay súng Anbani xâm nhập vào các vùng Nam Xécbi và phía Bắc Maxêđônia được đào tạo với sự ủng hộ bí mật của Cục tình báo trung ương Mỹ (CIA) tại các trại đặc biệt trong khu vực do Mỹ kiểm soát ở Côxôvô. "Người Mỹ cho phép những băng nhóm Anbani ly khai tiến hành huấn luyện chiến đấu, vận chuyển vũ khí và thực hiện các cuộc tấn công qua biên giới" - các nguồn tin tại KFOR từng xác nhận.

CIA đã đào tạo các tay súng dường như để chiến đấu với chế độ Milôsêvích, song, khi chế độ ấy sụp đổ, thì Hoa Kỳ "không thể đảm bảo kiểm soát hoạt động của những kẻ ly khai này". Và bây giờ chúng đã vuột khỏi tầm tay và không biết còn gây ra những trò gì nữa đây.

Liệu sự khẳng định gần đây có phù hợp với thực tế - thật khó mà khẳng định một chiều được. Nhưng trong ấn phẩm của "Người quan sát" một sự thật quan trọng là sự thừa nhận rằng các cơ quan đặc vụ của Hoa Kỳ có liên quan đến việc đào tạo các tay súng người gốc Anbani. Và do vậy, họ đã không giữ được những hành động hiện nay của chúng. Bởi vì những hành động này hiện có lợi cho người Mỹ. Cũng như trong trường hợp đối với Slôbôđan Milôsêvích.

Trong suốt những năm 90, người có công giúp Hoa Kỳ đạt được những mục đích đinh ra, thật kỳ lạ, lại chính là người mà người Mỹ từng gọi là kẻ thù độc ác nhất của mình, - Slôbôđan Milôsêvích. Không có sự giúp đỡ tích cực của vị Cựu thủ lĩnh người Xécbi này, quân đội NATO chưa chắc đã có thể đặt chân vào được Bôxnia. Nếu như không có chuyện làm trong sạch các ngôi làng của người gốc Anbani do Milôsêvích khởi xướng ở Côxôvô, thì Hoa Kỳ và NATO không thể có cớ cho các cuộc ném bom Nam Tư và không bao giờ quân đội NATO có thể hiện diện tại Côxôvô.

Tổng thống Nam Tư hiện nay Vôixláp Kôstunixa ngay ngày thứ hai sau cuộc bầu cử mang lại chiến thắng cho ông trước đối thủ Milôsêvích, đã đưa ra một tuyên bố đầy thú vị. Ông nói rằng chính sách của phương Tây và trước hết là Hoa Kỳ đã thúc đẩy Slôbôđan Milôsêvích bảo vệ chính quyền. Thực ra, trong rất nhiều tình huống Milôsêvích từng là đối tác tuyệt vời đối với Oasinhtơn.

Toàn bộ lịch sử quan hệ qua lại giữa Hoa Kỳ và Milôsêvích là hết sức thú vị và đầy mâu thuẫn. Một mặt người Mỹ luôn luôn gán ghép cho Milôsêvích bằng những lời lẽ gay gắt nhất, họ từng gọi ông là kẻ thù chính của mình. Mặt khác, trong những thời điểm phức tạp nhất đối với Milôsêvích Hoa Kỳ (dù vô tình hay hữu ý) đã giúp đỡ ông giữ vững chính quyền, vì lợi ích tạm thời của Mỹ.

Năm 1990 trong thời điểm đối đầu quyết liệt nhất với Tổng thống Xécbi Slôbôđan Milôsêvích, vị Thủ tướng - nhà cải cách Nam Tư Antê Marcôvích từng yêu cầu Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) cho vay khoảng 4 tỷ đô la Mỹ. Tổ chức IMF, nơi Hoa Kỳ luôn có tiếng nói quyết định, đã từ chối cho vay, và Milôsêvích đã dễ dàng đạt được việc phế truất đối thủ của mình. Năm 1992, Hoa Kỳ không tin tưởng Thủ tướng Nam Tư Milan Panic (người không chỉ mang quốc tịch Nam Tư mà còn mang cả quốc tịch Mỹ), từ chối ủng hộ ông trong cuộc chiến với Milôsêvích và kết cục Panic đã thất cử. Năm 1999 sau khi bắt đầu các cuộc khủng kích Nam Tư, trong đó không quân Hoa Kỳ đóng vai trò chính, uy tín của Milôsêvích đã tăng lên rõ rệt, còn phe đối lập thì hầu như bị dồn xuống tận đáy.

Khi Hoa Kỳ có lợi thế, họ dễ dàng đạt được những nhượng bộ của Milôsêvích. Chỉ tính riêng trong năm 1995, đại diện của Hoa Kỳ ông Risớt Hônbrúc (Richard Hallbrook) đã 2 lần bay tới Belgrát và đối thoại tay đôi với Milôsêvích, ông này lập tức chấp nhận các đề nghị của Hoa Kỳ, mà không một nhà ngoại giao Nga hoặc Châu Âu nào có thể làm được điều này. Và ngay trong tháng 3 năm 1999, khi cỗ máy quân sự NATO đã bắt đầu cuộc vận hành để ném bom Nam Tư, Hônbrúc đã vội vàng bay đến Belgrát, nhưng cũng không thể (hoặc là không muốn) thuyết phục nổi Milôsêvích nhằm tìm kiếm những thoả hiệp cần thiết. Hoa Kỳ bấy giờ mới nói rằng hầu như tội ác chính của Milôsêvích tập trung ở cuộc chiến tranh Bôxnia năm 1992-1995. Nhưng cuối năm 1995 Milôsêvích (cùng với các thủ lĩnh vùng Bancăng khác là Phranhô Tugiơman và Alia Idetbêtôvích) gần như cả tháng trời làm khách của Tổng thống Mỹ Bill Clinton tại Đâyton, uống uýtxki cùng Tổng thống và thoả thuận những chi tiết của Hiệp ước hòa bình về Bôxnia. Năm 1995, người Mỹ từng gọi Milôsêvích không gì khác hơn là "người đảm bảo cho Hiệp ước Đâyton". Và chỉ một vài năm sau đó Hoa Kỳ mới sực nhớ về những "tội ác" của ông ta ở Bôxnia.

Hoa Kỳ, lẽ đương nhiên, chờ đón việc các nhà dân chủ Xécbi lên nắm quyền. Tuy nhiên, cho đến bây giờ Hoa Kỳ vẫn chưa có những trợ giúp thực tế cho họ. Hơn nữa, một số hành động và tuyên bố của Oasinhtơn không mang lại điều gì, ngoài những điều bất lợi cho các nhà dân chủ ở Belgrát.

"Những yêu cầu trong bức tối hậu thư về Milôsêvích và sự không kiên quyết trong việc ngăn chặn những bọn quá khích gốc Anbani gần như là nối giáo cho những người ủng hộ Milôsêvích, - như nguồn tin từ phe cánh của Thủ tướng Xécbi từng thú nhận. - Chúng ta cần phải hành động gấp, cơ hội để thực hiện công cuộc cải cách không còn nữa. Nhân dân đòi hỏi chúng ta những kết quả về kinh tế".

Các nhà dân chủ Xécbi hiểu rằng họ còn đủ thời gian: những cải cách cơ bản cần phải tiến hành trong vòng một năm hay một năm rưỡi. Sự căng thẳng xã hội đang lên không cho phép đẩy mạnh các cuộc cải cách theo nhịp độ nhanh. Ngoài ra, ít nhất là một năm phe đối lập cánh tả chưa kịp hoàn hồn bởi cú đánh vừa qua, vì vậy sự chống đối chính trị đối với cải cách trong năm nay sẽ chỉ ở mức độ tối thiểu.

Thực hiện công cuộc cải cách do các nhà dân chủ Xécbi soạn thảo cho phép nước này hội nhập với Châu Âu. Định hướng tham gia vào EC của nước cộng hoà này trong tương lai sẽ trở nên sáng sủa hơn. Song điều đó nhất định sẽ dẫn tới hạn chế sự ảnh hưởng của Hoa Kỳ đã hình thành trong những năm gần đây trong khu vực. Người Mỹ đã ràng buộc Hiệp định hoà bình Đâyton với Bôxnia, chính họ cũng đã từng đóng vai trò chủ chốt trong cuộc khủng hoảng Côxôvô. Tuy nhiên, sau khi chế độ Milôsêvích sụp đổ (một điều, chắc là, người Mỹ luôn luôn tán thưởng) tình hình bắt đầu phát triển không có lợi cho họ. Và họ, dường như đã quyết định: để cho ông Milôsêvích biến mất không để lại dấu vết là một việc làm quá sớm của tội ác đã được tính toán từ trước.■

NGỌC ĐIỂN

(Dịch theo "Kommercant - Vlast, Nga, số 11)

NGHĨ MÀ COI !?

THỜ... QUỶ SATAN!

MINH TÂM

THEO truyền thuyết phương Tây, Satan là một tên quỷ dâm ác bạo tàn, gây nhiều tai hoạ cho loài người, nhiều lần bị Đức Chúa trời trừng phạt giam trong địa ngục nhưng lại trốn thoát và... vẫn tồn tại!

Hơn nữa, tại Pháp lại có một giáo phái suy tôn Satan là Thượng Đế, lập đền thờ và truyền bá "đạo Satan". Theo điều tra của nhà báo Pháp Robert Serrou hiện nay trên đất Pháp đang có tới hơn 200.000 tín đồ đạo Satan. Tại Canada, Hy Lạp, Israel... đạo Satan cũng được truyền bá.

Vẫn theo nhận xét của nhà báo Robert Serrou trong phóng sự điều tra đăng trên tờ Le nouvel observateur *(Người quan sát mới) hầu hết các tín đồ đạo Satan đều thuộc lứa tuổi thanh thiếu niên chơi bời, lêu lổng, hay quậy phá. Bọn này rủ nhau theo đạo Satan để tận hưởng những đêm hành lễ cuồng loạn, nhảy múa, hò hét rồi đua nhau thực hiện những trò đập phá, gây gổ, cưỡng hiếp... theo Chúa Satan. Mới đây, các tín đồ theo đạo Satan còn "tuyên chiến" với các tín đồ theo đạo Thiên Chúa, đạo Hồi, đạo Do Thái... gây rối loạn tại nhiều nước phương Tây.*

Dĩ nhiên, cảnh sát đã nhiều lần truy lùng, bắt giữ những tên càn quấy. Nhưng, trong cái "thế giới tự do" vô tổ chức của chế độ tư bản, khi lứa tuổi trẻ thiếu sự chăm sóc chu đáo của gia đình, sự giáo dục toàn diện của nhà trường và sự quản lý chặt chẽ của xã hội thì đạo Satan vẫn còn cơ hội phát triển bên cạnh nhiều tà đạo khác.■

TỔNG KẾT CUỘC THI TIỂU THUYẾT 1998-2000 CỦA HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

Sáng ngày 7-9 vừa qua, Lễ trao giải Cuộc thi tiểu thuyết của Hội Nhà văn tại Trụ sở của Hội.

Đến dự có các đồng chí: Nhà thơ Hữu Thỉnh, Tổng Thư ký, Trưởng Ban tổ chức cuộc thi, Chủ tịch Hội đồng Chung khảo, cùng một số nhà văn khác trong Ban Chấp hành; hai nhà thơ Nguyễn Đình Thi, Chủ tịch và Huy Cận, uỷ viên Đoàn Chủ tịch Uỷ ban toàn quốc liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật, nhà văn Vũ Tú Nam, thành viên Hội đồng Chung khảo; đồng chí Nguyễn Tấn Phương, Vụ trưởng Vụ Văn nghệ Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương; trung tá Hà Nguyên Cát, Giám đốc Công ty Cao su Phú Riềng, người thay mặt Công ty đã tài trợ cho cuộc thi. Một số nhà văn, nhà thơ trưởng, phó các ban, các Hội đồng cũng có mặt.

Nhà văn Nguyễn Trí Huân, Phó Tổng thư ký, Trưởng Ban sáng tác, đọc bản báo cáo của Hội đồng Chung khảo.

Nhà văn Nguyễn Đình Thi, nhà thơ Hữu Thỉnh, trung tá Hà Nguyên Cát và nhà văn Vũ Tú Nam trân trọng trao bằng chứng nhận tác giả đoạt giải.

Nhà văn Nguyễn Đình Thi nói lời chúc mừng. Ông còn chúc mừng riêng một tác giả nữ duy nhất, được trao tặng thưởng, đó là nhà văn Hoàng Ngọc Hà. Ông nhấn mạnh trường hợp tác giả Phùng Khắc Bắc. Sinh thời, nhà văn Phùng Khắc Bắc lặng lẽ, giấu mình. Khi không còn anh nữa, mọi người mới hiểu rõ anh là một nhà văn, nhà thơ có tài, một nhân cách đáng kính trọng. Ông cho rằng đã được mùa tiểu thuyết là dấu hiệu cho thấy văn học đã đủ mạnh.

Tác giả Nguyễn Hữu, một thương binh bị liệt hai chân, hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Bắc Ninh, được nhận tặng thưởng với tiểu thuyết Cõi thực, tâm sự về hoạt động sáng tạo đầy gian nan của mình.

Lần này là lần thứ hai bà Nguyễn Thị Tuất dự lễ trao thưởng thay cho chồng. (Lần trước là vào năm 1994, tác phẩm thơ Một chấm xanh được trao giải khi tác giả đã qua đời mấy năm). Bà nghẹn ngào nói lời cảm ơn Hội Nhà văn và các bạn đồng nghiệp của nhà văn Phùng Khắc Bắc.

Nhà thơ Hữu Thỉnh nói lời kết thúc Lễ trao giải. Ông nhắc lại rằng cuộc thi tiểu thuyết này là một trong 11 công việc của Hội Nhà văn Việt Nam nhằm triển khai Nghị quyết 8 của Trung ương. Ông cho rằng cuộc thi đã thành công nhưng còn ít tác phẩm viết về công cuộc đổi mới đất nước hôm nay.■

P.V

Từ trái sang: Các nhà văn Nguyễn Xuân Khánh, Trung Trung Đỉnh, bà quả phụ Nguyễn Thị Tuất (vợ cố nhà văn Phùng Khắc Bắc) và ông Hà Nguyên Cát - Giám đốc Công ty Cao Su Phú Riềng, nhà tài trợ cuộc thi.

Ảnh: PHAN HỮU ĐỐ

TIỂU THUYẾT - DÒNG CHẢY LIÊN TỤC VỚI THỜI GIAN

(Trích *Báo cáo* của Hội đồng Chung khảo)

238 bản thảo đã gửi tới tham dự cuộc thi trong vòng thời gian tính từ ngày 1-4-1998 đến 31-6-2000, là cái kết quả đầu tiên về số lượng có thể đo đếm được. Số lượng, đối với văn chương vẫn chỉ là số lượng; nhưng ở đây, lần này, số lượng cũng có thể nói được điều hệ trọng hơn bản thân nó. Nó là sự hưởng ứng rầm rộ, nó thể hiện một tiềm năng sáng tạo rất đáng nể trong của đông đảo các nhà văn từ Bắc chí Nam, ở nhiều lĩnh vực đời sống, thuộc đủ các thế hệ, từ các cây bút chuyên nghiệp trước cách mạng đến lớp nhà văn thời chống Pháp, chống Mỹ, các cây bút trẻ và gần một phần ba là những cây bút lần đầu tiên đến với thể loại này.

Những nỗ lực sáng tạo của tiểu thuyết trong cuộc thi này ở phần dễ nhìn thấy nhất trước hết được biểu hiện ở mặt chất liệu. Chất liệu! Quả nhiên, không có nó thì một tài năng lớn cũng trở nên bất lực. Và chẳng, yêu cầu đầu tiên của một tiểu thuyết thành công chẳng phải là khám phá ra một lĩnh vực chưa được biết tới đó sao? Tiểu thuyết, thể loại mang tính dân chủ cao nhất về mặt nào đó cũng thể hiện ý nghĩa ở mặt này. Và như vậy, những bản thảo tham dự cuộc thi, cho ta nhận xét sau đây: Gần như toàn bộ cuộc sống với tính đa dạng của nó, đã có thể tìm thấy hình bóng mình trong mối quan hệ tương hợp ở sự phản ánh của tiểu thuyết. Tuy nhiên nét *mới mẻ* khá thú vị ở đây còn là, chất liệu tự truyện xáo trộn với hư cấu được thể hiện trong nhiều tiểu thuyết, như một dạng thức tổng kê cuộc sống, có tính chất *nhìn lại*, xuất hiện khá nhiều tác phẩm, đặc biệt là của các cây bút chuyên nghiệp. Lịch sử, ở những chương khúc phức tạp đầy kịch tính; Cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, những thời điểm thử thách lớn lao; Cuộc sống ngày hôm nay, những thời đoạn các giá trị bị xáo trộn và xác định lại. Ở đây, chất liệu tiểu thuyết không còn chỉ là những vận động mang tính cơ học chuyển đổi liên tục. Mà là tâm thái con người trong hiện thực đời sống và tâm lý học tương tượng, phần ẩn chìm khuất lấp, tính đa tạp và đa đoan của các số phận.

Không thể nói một tiểu thuyết hay nếu tác phẩm không tham gia vào sự sáng tạo, đổi mới hình thức tự sự. Trong cuộc thi này, bên cạnh tiểu thuyết viết theo thi pháp truyền thống vẫn là dòng chủ lực; cũng đã thấy hiệu quả rõ rệt của bút pháp cộng hưởng giữa hiện đại và cách tân; Ở đây thành công quan trọng là lối tiếp cận nhân vật theo kiểu thân tình, chan hoà, là giọng kể của nhà văn hoà vào từng nhân vật và thế giới riêng của họ; hơn nữa, cũng đã thấy không ít tác phẩm mang ý thức tìm kiếm một hướng đi mới, không bị ràng buộc bởi thi pháp cổ điển trong nghệ thuật thể loại; cố gắng tạo nên nhiều cách thức, kiểu dạng biểu hiện, trong đó quan trọng là để cho các ngẫu hứng tự nhiên của đời thường được tự do trôi dạt trong sự tuân thủ những quy ước chặt chẽ của cấu trúc. Ở đây, những thủ pháp nghệ thuật như đồng hiện, kỹ thuật dòng ý thức, độc thoại nội tâm, mô típ giấc mơ, hồi ức, hoài niệm, đã tỏ ra có hiệu lực bộc lộ được những nỗi niềm sâu kín của con người.; Ở đây cái ngổn ngang, bề bộn và khuynh hướng tự do trong hành ngôn và sự co giãn của kết cấu cũng đã góp phần tạo nên một giọng điệu mới, hơn nữa, còn có thể nói lên được một cái gì đó khá chuẩn xác về một tâm thái có thật và rất khó phát hiện ở cuộc sống hôm nay. Cạnh giọng kể rì rà tâm tình, phân thân vào nhân vật, đã có lối hành văn có tốc độ nhanh mà vẫn giữ được sự sâu trầm, gây ấn tượng, cảm giác mạnh. Những giọng điệu mới mẻ tuy không nhiều, nhưng cũng đã là điều thu hái rất đáng kể được ở cuộc thi này. Và dẫu còn những khiếm khuyết này nọ, những tác phẩm thuộc loại này cũng đã được Hội đồng Chung khảo biểu dương nhiệt liệt.

Không bằng lòng với cái nhìn đơn chiều, sơ lược, dễ dãi, thể hiện sự lười biếng và tình trạng kém cỏi của sức sáng tạo, tiểu thuyết ở cuộc thi này có thể được coi như có bước tiến quan trọng trong việc miêu tả số phận con người, với cái nhìn đa diện, sâu sắc về thế giới nội tâm, phần ẩn chìm, trong bóng tối sâu kín, chưa được nói ra của họ. Vấn đề không phải là chắt chồng sự kiện theo lối kể lể dài dòng, mà là kéo căng từng sự kiện ra. Không chỉ là hành động, mà còn là tâm trạng. Nhân vật và tâm trạng thân phận luôn là trung tâm hấp dẫn và cội nguồn của mối xúc động của bạn đọc hôm nay. Tham dự cuộc thi, các nhân vật tiểu thuyết, ngoại trừ số ít không đáng kể là những nhân dạng hoá của những tư tưởng, lối sống xa lạ, còn hầu hết là biểu tượng sinh động của lương tâm hướng thiện, niềm thao thức về lẽ phải, sự công bằng và dồi dào khát vọng sống đẹp và có ích, hơn nữa, các nhân vật ấy còn có thể gây cho bạn đọc khoái cảm sâu xa và cảm giác khắc khoải lo âu, những mỹ cảm sâu sắc kỳ lạ chỉ có thể có được nhờ những áng văn chương đích thực. Miêu tả con người và cuộc sống như nó vốn có. Đó cũng là một đặc điểm nữa thấy rõ ở cuộc thi văn chương này. Đã bỏ qua thời kỳ xốp nổi, thậm chí ở trong vòng hoang mang dao động, bị kích động, mất thăng bằng, dẫn đến thiên vị, thiếu hợp lý công bằng trong phản ánh, thẩm định hiện thực. Văn chương bộc lộ rõ hơn đâu hết trạng thái tâm hồn người viết. Tiểu thuyết tham dự cuộc thi bộc lộ tâm thái yên hoà, điềm tĩnh và một cái nhìn thấu triết, minh triết của nhà sáng tạo. Không rơi vào cái vụn vặt đời thường, tính ngẫu nhiên của sự vật, không lảng tránh cái cao cả, cái tốt, cái đẹp, khuynh hướng thẩm mỹ chủ yếu của nghệ thuật lớn. Cuộc sống ở đây được trình bày không phải bằng sự áp đặt những thiên kiến chủ quan, hoặc tụng ca một chiều, hoặc nghiệt ngã góc gách, mà là dưới lăng kính của sự xét đoán thẩm mỹ của nhà văn, với chuẩn mực của cái đẹp vừa giàu chất lý tưởng vừa mang hơi thở của đời sống hiện thực.

*

Ban Sơ khảo gồm các nhà văn: Ngô Văn Phú, Nguyễn Kiên, Lê Minh Khuê, Đỗ Chu, Nguyễn Khắc Trường, Nguyễn Trọng Tân, Chu Lai, Nguyễn Phan Hách, Bùi Bình Thi đã được thành lập ngay khi cuộc thi được phát động. Công việc đọc sơ khảo được tiến hành ngay từ khi nhận được bản thảo đầu tiên. Mỗi bản thảo ít nhất được hai thành viên ban sơ khảo đọc. Trường hợp có ý kiến bất đồng sẽ tham dự đọc thêm của thành viên thứ 3. Nhìn chung với tinh thần trách nhiệm cao, lề lối làm việc chu đáo, cẩn thận, các uỷ viên trong Ban Sơ khảo làm việc với tinh thần thực sự cầu thị, chí công vô tư, không bỏ sót dù là một dấu hiệu nhỏ của tài năng sáng tạo trong bất cứ một bản thảo của bất cứ một tác giả nào. Kết quả của vòng sơ khảo là 56 bản thảo đã được chuyển lên vòng Chung khảo.

Hội đồng Chung khảo cuộc thi tiểu thuyết được thành lập từ 31-8-2000 gồm các đồng chí: Hữu Thỉnh (Tổng thư ký - Chủ tịch), Nguyễn Trí Huân (Phó tổng thư ký - Phó Chủ tịch) và các uỷ viên: Vũ Tú Nam, Nguyễn Khải, Nguyễn Quang Sáng, Ma Văn Kháng, Lê Lựu, Nguyễn Phan Hách, Cao Tiến Lê. Làm việc theo quy chế, từ 4-9-2000, từng thành viên Ban Chung khảo đã lần lượt đọc toàn bộ số tác phẩm dự vòng chung khảo và đã trải qua 5 cuộc họp bàn bạc, trao đổi đánh giá từng tác phẩm cụ thể. Ngày 25-8-2001, tại phiên họp cuối cùng, Hội đồng Chung khảo đã thảo luận đánh giá kết quả cuộc thi, kiểm điểm hoạt động của Ban Sơ khảo, Hội đồng Chung khảo, xem xét lại mọi hoạt động điều hành của Ban Tổ chức và tiến hành bỏ phiếu kín để xếp hạng tác phẩm đoạt giải. Căn cứ vào thực tế cuộc thi, Hội đồng cho rằng, đánh giá kết quả cuộc thi một cách hợp lý thoả đáng nhất là sắp xếp việc khen thưởng làm hai loại. Loại 1: **Giải chính thức** dành cho những tác phẩm đạt chất lượng cao về mọi mặt; Loại 2: **Tặng thưởng** dành cho những tác phẩm đạt chất lượng tốt về từng mặt đáng được biểu dương khuyến khích.

Kết quả cuộc thi, qua phiếu kín của Hội đồng Chung khảo, được sự chuẩn y của Ban Chấp hành Hội Nhà văn họp ngày 30-8-2001 là: Ba tiểu thuyết: *Đời thường*, *Hồ Quý Ly*, *Lạc rừng*, đạt **Giải chính thức** và 11 tiểu thuyết khác đạt **Tặng thưởng** của cuộc thi.

*

Với số phiếu thuận cao của Hội đồng Chung khảo, tiểu thuyết *Đời thường* của nhà văn quá cố Phùng Khắc Bắc được xếp loại *Giải chính thức*.

Tác giả *Một chấm xanh* được giải thưởng thơ của Hội

(Xem tiếp trang 6)

TẶNG THƯỞNG THÁNG 8-2001 CỦA BÁO *VĂN NGHỆ*

THẾ mới biết, sáng tác văn học là cực khó. Gần chục truyện ngắn in trong tháng 8, lúc báo mới ra, dư luận bàn tán cũng xôm, người khen truyện này, người thích truyện kia, sau chốt cùng nhau ngồi lại cân bình, sao thấy khó chọn cho được một truyện tiêu biểu nhất. Ban biên tập không kéo tiêu chuẩn lên để làm khó cho các tác giả, mà phải đặt nó trong tương quan với các truyện đã được tặng thưởng của các tháng trước. Ưu điểm chung cũng dễ thấy, đó là những mảng sống, những mẩu đời của nhiều vùng, có những câu chuyện đã lùi xa vào quá khứ, nhiều chuyện của ngày hôm nay. Ánh lên trong từng truyện, vẫn tìm thấy những tình cảm đẹp, những ấn hướng gây ấn tượng, cả những cố gắng của tác giả muốn đổi một cách viết. Nhưng ngẫm cho kỹ, những vẻ đẹp ấy còn tản mạn, chưa đủ dụng nên một hình tượng có sức lay động mạnh, không khí một câu chuyện kể còn nhiều. Đáng tiếc có truyện sa vào khai thác những cái ngẫu nhiên, vụn vặt, thái độ thẩm mỹ của người viết không rõ.

Thơ đa dạng hơn. Xu hướng suy tưởng về thế sự khá rõ. Có một tín hiệu mới đáng mừng là dụng ý bớt đi cái phần trang trí để dồn đúc cho những liên tưởng có chiều sâu. Thơ thuộc hơn mà sức lan toả lại rộng.

Phần báo chí được nhiều bạn đọc biểu dương ở khía cạnh đề cập trực diện đến các vấn đề xã hội đang được mọi người quan tâm. Sau đây là danh sách tặng thưởng của tháng 8-2001.

A/ **Tặng thưởng**

- Truyện ngắn: Không có
- Thơ: Hai chùm thơ của hai tác giả ***Lê Thanh Xuân*** và ***Inrasara*** số 33 (18-8-2001)
- Biết đến đâu nói đến đó: Loạt bài ***Nhìn lại mình để phát triển*** của ***Tạ Đình Vinh.***
- Tư liệu dịch: ***Chu Dung Cơ không phải huyền thoại*** của ***Thái Nguyễn Bạch Liên***.
- Nhân đàm: ***Bàn về chữ Liêm*** của ***Ông Văn Tùng*** V.N số (32 11-8-2001)
- Bút ký, phóng sự: ***Phú quý sinh lễ nghĩa*** của ***Nguyễn Công Viễn***, V.N số 32 (11-8-2001)
- Lý luận phê bình: Bài ***Cảm nhận về văn học và thời gian*** của ***Nguyễn Duy Bắc***, V.N số 32 (11-8-2001)

B/ **Biểu dương:**

- ***Suy nghĩ về một bài báo*** của ***Trần Anh Tuấn*** V.N số 34 (25-8-3001)
- ***Số phận những người con trai của Stalin*** do ***Ngọc Điển*** dịch V.N, số 31 (4-8-2001)
- Bạn đọc với Văn nghệ: Về bài ***Vấn nạn bằng cấp giả*** của ***Bùi Thiết***, bài viết của bạn Mai Văn Lược, V.N số 31 (4-8-2001)
- Bài ***Còn đó những trăn trở*** của bạn ***Tân Lê*** , V.N số 33 (18-8-2001)

Ban biên tập Tuần báo *Văn nghệ*

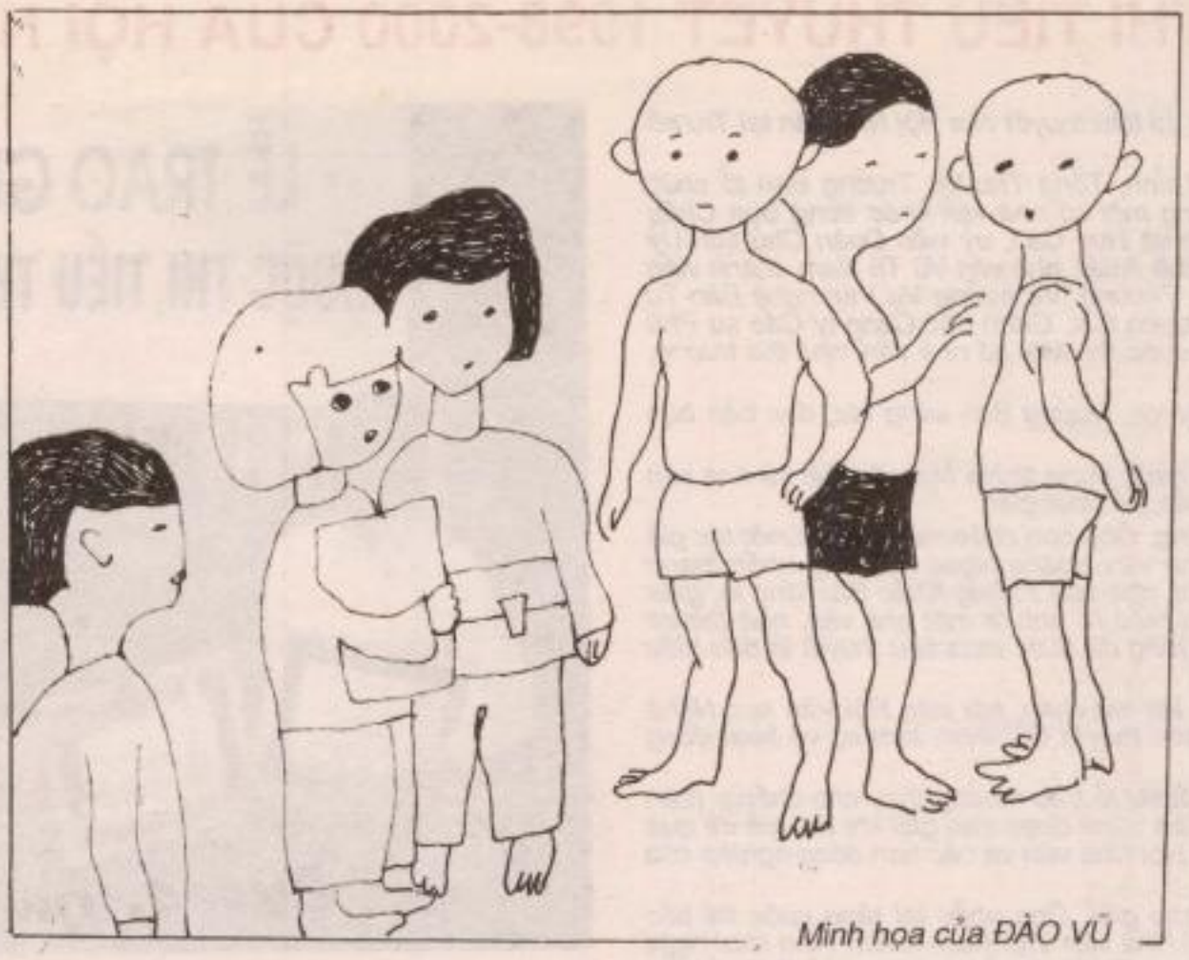

Minh họa của ĐÀO VŨ

Ánh mắt học trò

Truyện ngắn của ĐỖ CÔNG TIỂM

Tôi sinh ra ở một làng nhỏ thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ. Làng tôi nghèo. Cái nghèo gần như là truyền kiếp của những người nông dân từ buổi đầu về đây vỡ đất lập làng. Trải qua bao biến đổi thăng trầm, người dân làng tôi vẫn là những cuộc đời vất vả lam lũ đầu tắt mặt tối quanh năm.

Tôi có may mắn khi sinh ra là lúc miền Bắc vừa giải phóng. Tôi được cắp sách tới trường. Tôi tốt nghiệp cấp ba giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn cuối. Cùng với trai làng, tôi tòng quân lên đường vào Nam đánh giặc. Chiến tranh kết thúc, tôi bình yên trở về, lại ôm mộng được vào ngồi trong giảng đường của một trường đại học ở Hà Nội. Nhưng mộng chẳng thành. Tôi vào học ở một trường sư phạm của tỉnh.

Vào học sư phạm, tôi gặp Mi. Đó là một cô gái có gương mặt tròn. Đôi mắt dài đen láy. Dáng người thon thả, chắc nịch, đó là thân hình một cô gái đồng chiêm mới bước vào độ lớn. Mi có nước da trắng ngần với những ngón tay búp măng xinh xắn mà nhiều cô thiếu nữ ở thị xã phải ghen tị.

Tôi học khoa Văn, còn Mi học khoa Toán. Tôi và Mi trở nên gần gũi với nhau bởi lẽ chúng tôi là người cùng xã. Tôi ở làng Mái, còn Mi ở làng Đông. Hai làng cách nhau một cánh Dộc. Mùa mưa đến, cánh Dộc trở thành một cái túi đựng nước của các chân ruộng cao trong vùng trút xuống. Cánh Dộc nước ngập trắng bong. Như một cái hồ lớn mênh mông. Những làn sóng đuổi nhau vỗ óc ách tận chân tre làng.

Ngày nghỉ, tôi và Mi thường hay cùng về. Có chủ nhật tôi muốn ở lại. Nhưng thấy Mi phụng phịu, tôi lại phải về cùng Mi. Con đường của hai đứa chúng tôi nếu lúc về mà xuôi gió thì khi lên trường lại ngược gió, và ngược lại.

Tôi lai Mi bằng một cái xe đạp tòng tọc. Mi ngồi đằng sau:" Mấy hôm nay sao mà trắng thế!". Chốc lại:" Trời cao và xanh quá anh à!". "Ừ". "Có một đàn chim đang bay anh kìa!". "Thế à!". Tôi nhấm nhẳng đáp. Phần còn đang phải gò lưng đạp xe vượt gió. Phần vì còn đang bực mình với Mi. Tôi đã có dự định chủ nhật tuần này sẽ về thăm một người bạn cùng đơn vị cũ ở huyện bên, nhưng lại phải hoãn, để chiều theo ý muốn của Mi.

Bực mình thì bực thật đấy, nhưng tôi có bao giờ dám cưỡng lại ý muốn của Mi đâu. Từ trong sâu thẳm tôi luôn ao ước được Mi nhờ vả. Những lúc không có Mi ở bên, tôi đã cảm thấy nhớ, một sự trống trải tràn ngập trong tôi.

Nhưng những khi được ở gần Mi, tôi lại luôn tạo ra một sự cách biệt nào đấy. Tôi thờ ơ, lạnh nhạt. Như muốn cho Mi và mọi người thấy tôi với Mi chỉ là "đồng hương xã". Hay Mi vẫn chỉ là một cô gái còn bé bỏng, còn cần đến sự giúp đỡ. Nhưng tất cả những che đậy của tôi, chỉ tạo ra một sự vụng về đến ngây ngô trước mặt mọi người.

Trái lại, Mi luôn cởi mở và vồ vập. Ngoài giờ học ra, chẳng mấy hôm là Mi không xuống phòng tôi một vài lần. Lần nào Mi cũng có lý do chính đáng để tìm tôi: "Anh Hoàng ơi! Đưa em ra thị xã một tý". Hay:" Anh Hoàng ơi! Vào trong xóm xin hộ em mấy củ xả đi!". Hoặc : "Anh Hoàng ơi! Cho em mượn cuốn truyện!".

Mi học toán, nhưng lại mê văn chương đến lạ. Cô thuộc rất nhiều thơ của Puskin, của Maia, của Nguyễn Du và một số nhà thơ thời tiền chiến. Mi nói chuyện với tôi về văn chương không biết chán. Tôi nhận ra Mi có một vốn đọc rất rộng. Và có một năng lực cảm thụ văn chương rất sâu sắc.

Một lần, tôi và Mi ở trường về muộn. Khi chúng tôi bắt đầu rời quốc lộ 1 để rẽ vào con đường rải sỏi thì đúng lúc hoàng hôn đang buông. Từ đây về nhà còn phải đạp xe mất đúng một tiếng đồng hồ nữa. Tranh thủ trời chưa tối hẳn, tôi cố đạp xe cho nhanh hơn. Tôi mải miết đạp xe thì Mi bỗng nhảy phắt xuống đường. Tôi phanh gấp, xuống xe hốt hoảng.

- Sao vậy?

Mi đứng lặng im như trời trồng. Mắt đăm đắm dõi về phía chân trời tít tắp. Phía ấy mặt trời đã chìm hẳn xuống sau dãy núi mờ xanh, nhưng vẫn còn hắt lên nền trời những tia sáng hình dải quạt với đủ màu sắc.

- Anh nhìn kìa! - Mi thì thầm - Tôi nhìn theo tay Mi chỉ. Nhưng lại thấy hơi chệch về phía Nam một chút. Chỉ thấy xa xa là những làng xóm nối nhau. Còn trước mắt là cánh đồng lúa trải rộng, đang từ từ chuyển màu. Nổi bật lên trên đồng lúa là những cây đa cổ thụ xoè tán rộng, đứng sừng sững dưới chân trời như những chiếc ô khổng lồ.

- Anh có thấy gì không? - Mi vẫn thầm thì. Tôi ngây người nhìn gương mặt Mi đang ngời lên dưới ánh hoàng hôn chạng vạng.

- Những... cây sối... đấy! - Mi lắp bắp giọng đầy sục động. Sự xúc động của Mi bỗng tràn nhanh sang tôi.

SAIGON HOTEL

★ ★ ★

KHÁCH SẠN 3★

Tọa lạc tại trung tâm Thành phố với 101 phòng ngủ đạt tiêu chuẩn Quốc Tế

Khách sạn SÀI GÒN *luôn dành tình cảm đặc biệt với giá ưu đãi cho cán bộ đi công tác*

Nhà hàng SÀI GÒN - PARIS

- Từ tầng thượng của Khách Sạn, quý khách sẽ chiêm ngưỡng toàn cảnh Thành phố và được phục vụ các món ăn đặc sản Âu, Á.
- Nhận đặt tiệc cưới, liên hoan, sinh nhật, hội nghị... theo yêu cầu.

Trung tâm du lịch SÀI GÒN HOLIDAYS

- Thường xuyên tổ chức các Tour du lịch trong và ngoài nước, cho thuê xe từ 4 đến 50 chỗ.

Dịch vụ

- Internet, Email, Fax
- Massage, Sauna

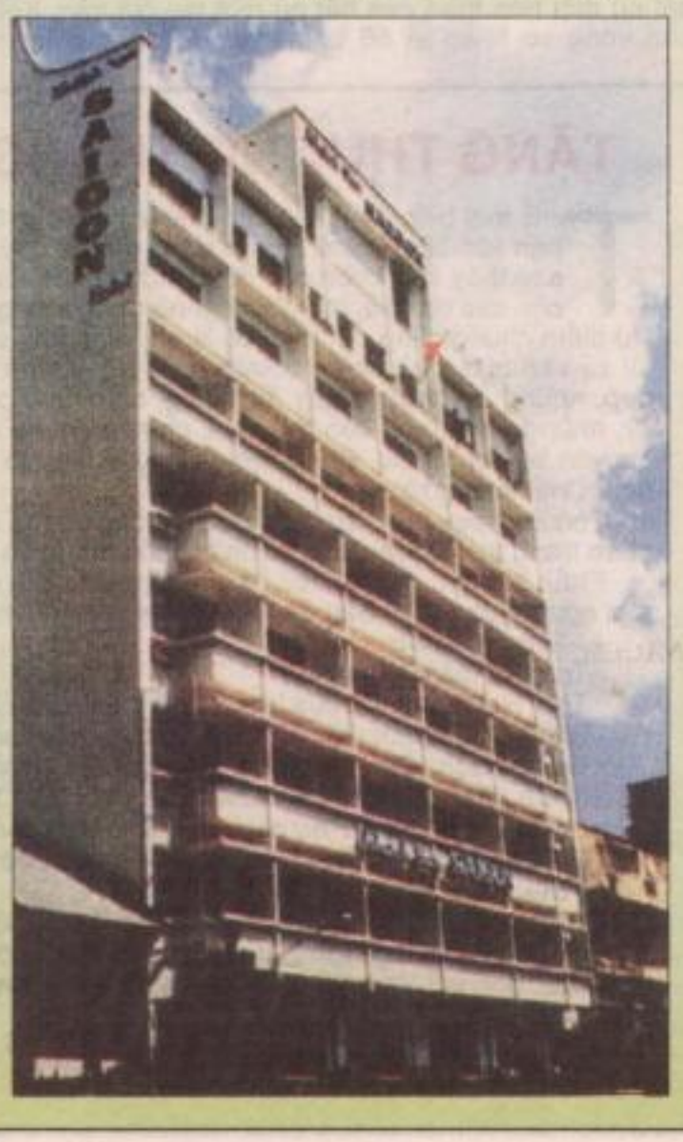

CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ LÀ PHƯƠNG CHÂM CỦA CHÚNG TÔI

MỚI !

Karaoke - bar EMPEROR

-Thiết kế theo kiểu Hàn Quốc, sang trọng, ấm cúng, âm thanh sống động.
- Nơi thư giãn lý tưởng sau những giờ làm việc căng thẳng.

Mọi chi tiết xin liên hệ :

41 - 47 Đông Du, Q1, TP.HCM
- Tel: (84-8) 8299734
- Fax:(84-4) 8291466
Email: saigonhotel@hcm.vnn.vn

- Những cây sồi của L.Tolxtôi! Tôi khe khẽ reo lên. Rồi mạnh dạn dang tay ra ôm lấy Mi. Mi dụa hẳn vào tôi. Đầu em ngả vào ngực tôi tin cậy.

- Hãy nói "Yêu em đi"! - Mi nói rất nhỏ nhưng rõ và nhanh như một luồng gió thoảng. Tôi xoay người nhìn thẳng vào Mi. Tôi nhìn thật sâu vào đáy mắt thăm thẳm vời vợi của em. Tôi ghì chặt Mi vào lòng. Đặt nhẹ lên môi em một nụ hôn nồng đượm.

Thời gian học tập trường sư phạm trôi nhanh. Tôi và Mi đều thi tốt nghiệp đạt kết quả cao. Và chúng tôi cùng được về nhận công tác ở ngay huyện nhà.

Sau khi tôi và Mi đã ổn định công tác, chúng tôi tổ chức lễ cưới. Cưới xong vợ chồng tôi ra ở riêng ngay.

Ở quê tôi, từ bao đời nay vẫn còn tồn tại một tập tục. Đó là nhà cửa đất cát của cha mẹ đều dành lại cho người con trưởng. Cũng có gia đình để lại tài sản cho người con út được thừa hưởng. Ở trường hợp này đòi hỏi vợ chồng người anh trưởng phải có một tấm lòng hào hiệp với em.

Khi ra ở riêng, tôi và Mi chỉ mang theo hai cái va li nhỏ. Một của vợ, một của chồng. Chiếc giường cưới đóng bằng sự dành dụm của tôi, tôi để lại cho đứa em cũng chuẩn bị cưới vợ,

Tôi xin chuyển về dạy cùng trường với Mi. Chúng tôi dọn đến ở nhà tập thể của trường. Đó là khu nhà cấp bốn có năm gian. Bốn gian đã có bốn gia đình đang ở. Còn một gian, vợ chồng tôi dọn đến là vừa kín.

Trong những gia đình ở khu tập thể, có gia đình thầy Tú cả vợ chồng là giáo viên của trường. Còn gia đình cô Loan với cô Phúc có chồng vẫn đang ở trong quân đội. Và chồng cô Vinh đang công tác trên Viện Kiểm sát của tỉnh. Trong năm gia đình thì bốn gia đình đã có con. Nhà đông nhất có ba, nhà ít nhất có một. Chỉ vợ chồng tôi vẫn còn son rỗi.

Gia đình thầy Tú đông miệng ăn nhất. Được cái thầy và cô rất chịu thương chịu khó. Ngoài thời gian soạn bài lên lớp ra, thầy cô đều cặm cụi tăng gia sản xuất. Chẳng cứ gì vợ chồng thầy Tú, mọi gia đình trong khu tập thể cũng như vậy cả. Đất đai bỏ trống của trường rất rộng rãi. Chỗ nào trồng được cây gì thì mọi người cuốc lên để trồng. Từ bụi mía, khóm sắn đến giàn mướp, vạt rau... Những sản phẩm từ sức lực, từ mồ hôi ấy cũng đã bù đắp cho mọi nhà những thiếu hụt của cuộc sống hàng ngày.

Neo đơn nhất có gia đình cô Loan và cô Phúc. Chồng cứ đi biền biệt, năm được về phép, năm lại không. Các con đều còn nhỏ cả, nay ốm mai đau. Nhưng được cái mỗi khi chúng bị ốm là cả khu tập thể cùng lo lắng. Người đưa đi viện, người lo tìm kiếm thêm thuốc thang. Ngay đến con lợn của nhà ai bỏ ăn là tất cả mọi người cùng xúm lại để tìm cách chữa trị.

Tiêu chuẩn thịt và đường sữa của vợ chồng tôi, tháng thì chúng tôi dành cho bố mẹ bên chồng, tháng lại dành cho bố mẹ bên vợ. Sang tháng thứ ba được giữ lại cho mình. Nhưng nếu trong khu gia đình có đứa trẻ nào bị ốm, chúng tôi lại mang cho. "Vợ chồng mình còn khoẻ, ăn gì cũng được. Trẻ con đang ốm, cần phải có tý bồi dưỡng". Mi bảo vậy.

Đợt cô Loan sinh thêm một cháu, đúng lúc ấy cửa hàng lương thực bán độn thêm sắn khô vào tiêu chuẩn lương thực. Trước khi đi ngủ, Mi bàn với tôi: "Tháng này vợ chồng mình gánh phần độn cho cô Loan nhé!".

Tôi nhận thấy Mi đẹp hơn tất cả mọi thứ quyến rũ ở trên đời. Tôi lăn vào lòng em. Hôn lên mọi nơi trên cơ thể của em. Những ngón tay thon thả của Mi vân vân lên cằm râu của tôi, xoa nhè nhẹ lên người tôi. Mi ghé sát môi vào tai tôi: "Khẽ thôi, nhà bên còn thức đấy!". Tôi nói nhỏ vào tai em:" Mọi người chắc sẽ thông cảm cho chúng mình". Mi ôm lấy đầu tôi, kéo ghì vào ngực em. Hai cơ thể của chúng tôi quấn vào nhau. Cùng lạc hẳn vào miền không gian của hạnh phúc...

Vợ chồng tôi cũng như các thầy cô trong trường đều rất say chuyên môn. Mi rất tích cực đi dự giờ thăm lớp, thường xuyên học hỏi những kinh nghiệm của các anh chị đồng nghiệp. Để chuẩn bị cho một giờ lên lớp, Mi đọc thêm nhiều tài liệu tham khảo. Tuy mới ra trường, nhưng các anh chị giáo viên trong trường đều đánh giá Mi đã có tay nghề vững vàng.

Vào những buổi tối rảnh rang, tất cả mọi người tập trung ở ngoài sân. Thầy Tú đệm đàn ghi ta cho cô Phúc và Mi hát. Cô Phúc đã có tuổi nhưng vẫn giữ nguyên được chất giọng mượt mà tươi trẻ. Rất ăn nhập với giọng của Mi. Hai người say sưa hát tất cả những bài ca theo yêu cầu của từng người. Hát đến khi sương dẫm lá cây, rơi xuống đầu. Lúc ấy mọi người mới chịu nghỉ.

Cũng có những đêm trăng sáng, bọn trẻ kéo nhau ra nô đùa ở ngoài sân trường. Còn người lớn quây lại nghe tôi và thầy Tú đàm đạo văn chương. Rồi mọi người quay sang bàn đến tình hình học tập của học sinh. Cùng nhau tìm ra một phương pháp dạy sao cho đạt hiệu quả. Thẳng thắn góp ý cho nhau về các giờ lên lớp. Mọi người còn bàn đến cả chuyện đời sống hàng ngày. Có một đôi lời than thở... Mi hăng hái quả quyết: "Đất nước vừa trải qua một cuộc chiến tranh lâu dài và khốc liệt như vậy. Chúng ta hãy tin vào ngày mai...".

Đến lượt Mi sinh con. Lại là những bận mọn, những vất vả, những khó khăn. Đôi lúc Mi cũng đã thấy nản lòng trước những thiếu hụt cứ một ngày một đè nặng lên cuộc sống. Nhưng vợ chồng tôi lại có mọi người cùng với chúng tôi, nương tựa vào nhau. Cùng nhau chắt chiu, cùng nhau lần hồi đắp đổi để bước qua... Để chúng tôi vẫn một lòng một dạ với nghề, với nghiệp của mình.

Năm tháng trôi đi. Đất nước bước vào thời kỳ đổi mới. Sự thay đổi của cơ chế kinh tế thị trường đã kéo theo sự đổi thay của bao cuộc đời, bao gia đình. Đời sống của người dân quê tôi ngày một nâng lên. Mọi người bắt đầu nghĩ tới việc chăm sóc cho sự học hành của con cái họ. Thế rồi nhu cầu học thêm của học sinh nảy nở. Một số thầy cô mở lớp để dạy thêm. Và Mi cũng bắt đầu mở lớp.

Buổi đầu mỗi học sinh chỉ phải đóng một ít tiền. Với mức đóng góp còn là khiêm tốn. Nhưng đối với những gia đình ở nông thôn thì đồng tiền để chi dùng cho cuộc sống hàng ngày vẫn còn là eo hẹp. Song các bậc cha mẹ học sinh vẫn rất nhiệt thành cố gắng. Vì mọi người đều muốn để lại cho con cái chữ.

Mi dạy toán, còn tôi dạy văn. Ban đầu chỉ dạy cho các lớp ở cuối cấp. Và ôn luyện cho học sinh thi tuyển vào trường phổ thông trung học. Những lớp ôn luyện của chúng tôi năm nào cũng đạt tỷ lệ rất cao. Vậy nên học sinh đến đăng ký xin học ngày một đông. Tôi thật sự thấy hài lòng trước sự mến mộ của học trò...

Công việc cuốn hút chúng tôi đến chóng cả mặt. Bởi chúng tôi vẫn phải đảm bảo kế hoạch giảng dạy của nhà trường. Tôi và Mi luôn thực hiện tốt mọi quy chế chuyên môn. Không bao giờ cắt xén hay dạy dồn các chương trình đã quy định. Chúng tôi còn làm tốt mọi công tác khác. Luôn cố gắng đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi các cấp.

Mi không chỉ là giáo viên dạy giỏi mà còn là một chủ nhiệm giỏi. Phải công nhận Mi có một nghệ thuật làm công tác chủ nhiệm không mấy giáo viên trong trường có được. Những học sinh cá biệt dù có buồng bỉnh đến đâu, vào lớp của Mi là phải đi theo khuôn phép ngay. Đã có những em tiến bộ vượt bậc, làm cho cha mẹ của chúng và mọi người phải kinh ngạc.

Học sinh của trường đều là con em nông dân. Hầu như tất cả mọi thầy cô chủ nhiệm đều ngại nhất cái việc thu các khoản tiền. Còn với Mi việc đó lại là nhẹ tênh. Lớp của Mi luôn hoàn thành mọi khoản đóng góp trước thời hạn.

Hàng năm, nhà trường tổ chức cắm trại vào dịp 26 tháng 3. Mi cho học sinh đóng tiền để mua sắm một số thú như khăn phủ bàn và vải hoa dẹp để làm mái trại. Trại của Mi bao giờ cũng giành giải nhất. Xong công việc học sinh không thể chia nhau những thứ đã sắm chung ấy. Ở những lớp cuối cấp, Mi bao giờ cũng có quà tặng cho từng em học trò. Đó chỉ là một tờ thiếp hay một cuốn sổ nhỏ. Mi thức đêm để nắn nót viết từng dòng chữ chia tay và lời chúc. Và thế là học sinh lại nghĩ đến quà để tặng cô.

Chúng tôi có thêm thu nhập. Tôi nhận thấy kinh tế của gia đình cứ khá lên một cách nhanh chóng. Được vài năm, Mi mua đất trên phố huyện. Rồi chúng tôi xây nhà tầng. Sắm sửa xe máy và các phương tiện sinh hoạt khác. Tôi cứ ngỡ là đang sống trong một giấc mơ.

Một buổi sáng, Mi đi dạy. Tôi đang ngồi uống trà thì có tiếng chuông điện reo. Tôi ra mở cửa. Trước mặt tôi là một người đàn ông rất khó đoán tuổi. Ông ta mặc bộ quần áo Tô Châu đã bạc phếch. Thân hình cao lớn có dáng dấp của một người lục điền. Nước da sạm nắng, hai mắt trũng hoắm nhìn tôi. Ông ta mang theo một cậu bé đang đến tuổi lớn. Tôi đoán chắc là con. Vì nó cũng có dáng cao, hơi gầy. Da cũng đen nhẻm. Đôi mắt sáng có vẻ lanh lợi.

- Xin lỗi! Bác hỏi ai ạ ?

Người đàn ông ngắm nhìn tôi một lúc rồi phá lên cười.

- Trời ơi! Thế cậu không nhận ra tớ thật à? Tớ là Cảnh. Người ăn khoẻ nhất trung đội, thường phải ăn sang cả phần cơm của anh em đấy. - Anh ta vừa nói vừa cười, nắm lấy tay tôi lắc lắc.

- Cảnh! Tớ nhớ ra rồi! Chết thật! Cậu thông cảm cho mình. Cậu thay đổi nhiều quá!

- Còn mình nhận ra cậu ngay. Cậu béo và đẹp ra bao nhiêu.

Tôi mời Cảnh vào nhà. Rót nước mời hai bố con Cảnh. Sau một thời gian hàn huyên với nhau. Cảnh mạnh dạn nói rõ lý do chuyến thăm tôi.

- Mình nhất trí! Cứ để cháu ở đây cho bọn mình. Bọn mình nhất định sẽ luyện cháu để thi đỗ vào trường trung học phổ thông.

Tôi giữ Cảnh ở lại ăn cơm. Nhưng Cảnh nhất định từ chối. Cậu ta đưa ra lý do còn phải bận một việc khác.

- Cậu yên tâm! Cháu nó còn ở đây với các cậu cơ mà. - Rồi Cảnh quay sang dặn dò con một cách kỹ lưỡng. Xong Cảnh xin phép ra về.

Tôi bố trí cho cháu ở riêng một phòng trên gác. Hai đứa con của tôi đang học ở Hà Nội cả, nhà rất rộng rãi, giờ có thêm người đến ở cũng đỡ vắng vẻ.

Song điều vui mừng nhất là tôi giúp được một người đồng đội cũ của mình.

Đến trưa Mi về. Tôi thông báo có anh bạn cũ đến gửi con. Mi lặng im không nói gì. Tôi biết Mi có vẻ không bằng lòng. Nhưng tôi đã nhận rồi. Nên Mi đành phải chấp nhận.

Thằng bé rất sáng dạ, học đâu biết đó. Nó lại chịu khó vô cùng. Nấu nướng các món ăn rất khéo. Mọi việc lau chùi cửa nhà nó làm tươm tất. Quần áo của vợ chồng tôi, nó giành lấy việc giặt giũ hết. "Giặt máy vừa tốn điện vừa không sạch bằng tay". Nó bảo vậy.

Ngày thi tuyển vào trung học phổ thông đã đến. Vợ chồng Cảnh lên tận nhà tôi để đón con về, và còn muốn có lời cảm ơn với vợ chồng tôi. Vợ chồng Cảnh lỉnh kỉnh mang đến nào gà, nào gạo. Sau bữa cơm thân mật, Cảnh xin

(Xem tiếp trang 15)

Y PHƯƠNG

Ngôi đền thiêng *(trích)*

Trước mặt
Lán Nà Lừa
*

Buổi trưa
Chắc Người vừa từ xa về
đang nằm nghỉ
*

bốn bề rừng lặng thinh
lá rơi rơi
không thành tiếng
nắng rơi rơi
không thành bóng
tiếng chim như rót mật
*

buổi trưa
Người nằm nghỉ
đắp tấm chăn vải chàm đã cũ
chòm râu đen rung rung
như đất nước
đang sục sôi
trước ngày vùng lên đánh Pháp
*

tôi nghe từ trong lán
tiếng liếp nứa
tiếng dát tre
se sẽ run
bần bật run
Người vừa như băng tuyết đóng
Lúc thì như lò lửa nóng
Võ tung trời đất
*

Không một viên thuốc
Giữa rừng sâu kiếm đâu một viên thuốc
để cứu sinh mạng một con người
Sinh mạng toàn dân tộc
Ngàn cân treo sợi tóc
*

Và thế là
Nước mắt
Cùng trào ra
Võ oà ra
Mặt lênh láng
muối mặn
*

không một viên thuốc
giữa rừng sâu kiếm đâu một viên thuốc
làm cách nào hạ nhanh cơn sốt
hỡi trời cao đất dày
hãy cứu ngay
một con người
một con người - Tổ quốc
*

không một viên thuốc
giữa rừng sâu kiếm đâu một viên thuốc
làm cách nào hạ nhanh cơn sốt
hỡi trời cao đất dày...

bỗng
hiện ra
một ông lang người Tày
nhẹ nhàng vén chăn bắt mạch
bụng lẩm nhẩm
mười phần, chín phần tuột
còn một phần
may ra...
cụ lẳng lặng thắt bao dao
vác thuổng nhanh vào rừng...
*

thưa quý đoàn
ngày ấy
nơi này
đầy muỗi vắt
lá cây ngập lối đi...
*

tiếng thuyết minh đâu như mơ màng
trời trưa ươm nắng xuống làng
Kim Long
*

lán Nà Lừa
trái tim Người thao thức
lán Nà Lừa
ngôi đền thiêng Tổ quốc.
Người Nà Lừa
Tổ quốc chẳng thể quên.

Tân Trào - Tuyên Quang, 2001

TÁC PHẨM VÀ DƯ LUẬN

Đọc VƯỜN KHUYA MỘT MÌNH (*)

ĐỖ NGỌC THỐNG

TRƯỚC khi cho ra đời cuốn sách này, từ rất lâu Văn Tâm đã viết và viết rất nhiều. Những năm vừa qua, tưởng bệnh tật đã hạ gục ông, đã bắt ông thúc thủ, khuất phục... Thế mà bỗng nhiên ông ung dung trở lại, ung dung đi giữa *vườn khuya một mình*... Vâng, đây không phải là một vài bài viết mà là cả một tập tiểu luận phê bình - Tập *Vườn khuya một mình* dày hơn 300 trang.

Tập sách bao gồm 21 bài viết của Văn Tâm trong khoảng 10 năm trở lại đây. Dĩ nhiên đó không phải là tất cả những gì ông viết trong 10 năm ấy. Nhưng 21 bài trong tập sách này là những bài được tổ chức theo một ý tưởng mới, gắn bó với nhau bằng một mạch liên kết khác. Mặc dù đằng sau cuốn sách, vẫn là một Văn Tâm sắc sảo như hồi viết *Tản Đà - Khối mâu thuẫn lớn* (1964); vẫn là một Văn Tâm tinh tế, tài hoa trong *Giảng văn văn học lãng mạn* (1991); một Văn Tâm đào để, diết giọng khi *Góp lời thiên cổ sự* (1992); một Văn Tâm công phu, tỉ mỉ lúc viết *Đoàn Phú Tứ - con người và tác phẩm* (1995)... song, *Vườn khuya một mình* vẫn có sắc thái riêng. Có thể nói, mạch tư tưởng xuyên suốt các bài viết trong tập sách này là tư tưởng đối thoại. Đối thoại với mình và đối thoại với người. Qua đối thoại, bằng đối thoại mà làm "*sáng lên*" và "*sang lên*" những chân giá trị của sự vật, của vấn đề. Với tư tưởng này, dường như ở mỗi bài viết, ông đều đặt ra một tình huống có vấn đề, có tính mâu thuẫn và xung đột trong nhận thức của bạn đọc để từ đó mà tranh luận, mà lý giải và phát biểu ý kiến của riêng mình.

Nhận xét vừa nêu được thể hiện rất rõ qua một bài viết ngắn nhất trong tập sách này, bài *Xin người trốn kỹ mãi đi* (khoảng 2,5 trang). Khi thiên hạ đổ xô đi tìm tên thật của bút danh T.T.Kh, tác giả *Hai sắc hoa ti gôn*, khi "hơn nửa thế kỷ trôi qua, biết bao cây bút trong giới hàn mặc đã hao tổn tâm trí hòng làm sáng tỏ tính danh và sự tích nữ sĩ này", khi sự thật vẫn im lìm, không chịu lên tiếng, thì bỗng Văn Tâm... phát hiện ra. Không phải là phát hiện ra tên thật của nữ thi sĩ mà phát hiện ra một chân lý của *tiếp nhận nghệ thuật*, nếu có thể nói như thế, rằng "Chân lý khoa học không hẳn lúc nào cũng hỗ trợ hữu ích cho chân lý mỹ học". Và vì thế, ông cho rằng "màn sương mờ bao phủ bút danh T.T.Kh. mặc nhiên đã trở thành một yếu tố thi pháp lợi hại, gia tăng hương sắc trữ tình của bài thơ lên rất nhiều... Cứ để yên T.T.Kh. tội nghiệp sẽ trẻ đẹp và gây thương cảm đến muôn đời" (*Vườn khuya một mình*, tr.105). Đọc xong bài viết ngắn này, người đọc mới thấm thía tại sao ông lại cất lời khẩn cầu da diết *Xin người trốn kỹ mãi đi*.

Với hàng loạt bài viết khác trong tập sách này được suy nghĩ và làm sáng tỏ theo tinh thần đối thoại ấy, Văn Tâm đã mang đến cho người đọc nhiều kiến giải mới mẻ, nhiều kết luận đáng tin cậy và những khám phá bất ngờ, thú vị.

Từ những hiểu biết tường tận về cây đàn đáy, về cỗ trống chầu, về thanh nhịp phách, Văn Tâm miêu tả và cắt nghĩa *Thế phách và tinh anh của Hát nói - Ca trù*. Ông cho rằng "Văn hoá ca trù là một ngã ba mỹ học: nơi đây quy tụ của 3 dòng đẹp (cái đẹp của nghệ thuật, cái đẹp của nhan sắc, cái đẹp của những trái tim tri âm, tri kỷ" (tr.32). Từ đây ông chiêu tuyết cho tâm hồn và nhân cách của những người ca kỹ, những con người một thời bị khinh rẻ, bị liệt vào tầng lớp "xướng ca vô loài". Cũng từ đây ông làm sáng lên những giá trị, những chủ đề trong các tác phẩm của Nguyễn Tuân viết về đề tài này, những giá trị và chủ đề của những tác phẩm không dễ thống nhất như *Chùa đàn* chẳng hạn.

Nghiên cứu về *Nhật ký trong tù* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông cho rằng "mấy chục năm vừa qua giới nghiên cứu văn học đã tập trung tìm hiểu tính Đảng, tính giai cấp, tính dân tộc... Điều đó cần, nhưng chưa đủ", và vì thế ông tập trung làm sáng tỏ những *Cảm xúc nhân loại* của Hồ Chí Minh trong tập thơ này như một sự bổ sung hết sức cần thiết nhằm hoàn chỉnh chân dung tinh thần của Người.

Giới thuyết "thơ mới" là một trong những bài nghiên cứu phong phú, sâu sắc và giàu sức thuyết phục. Bài này ông viết năm 1992, nhân kỷ niệm 60 năm, ngày phát triển Thơ Mới ra đời. Sáu mươi năm đã trôi qua, nhưng "hình như chưa có cây bút nghiên cứu nào xác định được rõ ràng hàm nghĩa Thơ mới - xác định giàu tính thuyết phục thì lại càng chưa - Ngược lại, vấn đề còn trở nên rắc rối thêm: xuất hiện nhiều ý kiến bất đồng, thậm chí mâu thuẫn..." (tr.77). Từ những khảo sát, thống kê tỉ mỉ, chính xác, từ những chứng cứ rõ ràng, cụ thể, Văn Tâm đã đối thoại với nhiều nhận định sai lầm, nhiều ngộ nhận ấu trĩ, nhiều kiến giải dung tục... và đưa ra một giới thuyết về thơ mới với những kết luận đầy sức thuyết phục. Theo tôi cho đến nay, bài viết này vẫn là bài giới thuyết về nguồn gốc, bản chất và phạm vi, giới hạn của khái niệm thơ mới công phu và đầy đủ nhất.

Cũng giống như bài *Giới thuyết "thơ mới"*, với sự am hiểm sâu rộng về bối cảnh lịch sử khi Nguyễn Huy Tưởng viết *Vũ Như Tô*, Văn Tâm đã phân tích lý giải khá kỹ lưỡng về giá trị cũng như tư tưởng chủ đạo của vở kịch nổi tiếng này. Ông không tán thành với những kết luận cho rằng Nguyễn Huy Tưởng viết *Vũ Như Tô* "chứng tỏ thời kỳ đó tư tưởng của ông chưa được ổn định; ông cũng không tán thành ý kiến cho rằng, tiếng nói của Đan Thiềm là tiếng nói của nghệ thuật thuần tuý, Vũ Như Tô là nhân vật u mê. Ông khẳng định tiếng nói của Đan Thiềm là tiếng nói của dân tộc, của nghệ thuật vị dân tộc và Vũ Như Tô không hề u mê, "chàng đã xây dựng Cửu Trùng đài với một ý thức sáng rõ và đáng quý: nêu cao địa vị của nòi giống, của dân tộc Việt trước các dân tộc khác" (tr.132).

Có thể tìm thấy trong tập sách này khá nhiều bài viết với những khám phá và lý giải mới mẻ theo tinh thần đối thoại như trên. Trong số đó có mấy bài ông viết khi mới hồi phục từ hoàn cảnh tưởng như tuyệt vọng vì căn bệnh hiểm nghèo. Ngoài bài *Thế phách và tinh anh Hát nói - Ca trù* (2000) đã nêu, còn phải kể tới các bài như *Thiền học trong hai vở kịch của Đoàn Phú Tứ* (1999); *Thế phách thơ Việt Nam - Khát vọng tự do* (2000); *Nhà văn Vũ Trọng Phụng giới Phật học?* (2001); *Hồ Dzếch - Từ trái tim ân hận* (2001). Đọc những bài này, khó có thể nhận ra dấu vết của sự "suy giảm", "xuống tay" hoặc sự "đổi giọng", "lạc điệu" trong ngòi bút của tác giả. Ngược lại, dường như người ta thấy ngòi bút của ông càng già dặn và trầm tĩnh hơn, đằm thắm và thiết tha hơn. Hãy đọc một vài nhận xét của ông về *Thế phách thơ Việt Nam - Khát vọng tự do*: "Khát vọng tự do biến thể... phá cách thể hiện rõ nhất trong thơ Việt Nam trung đại có lẽ là thể *Hát nói* (ra đời khoảng thế kỷ XVIII, XIX), sản phẩm tinh thần của tầng lớp "kẻ sĩ" (trí thức) phóng khoáng "lơm mùi giáng chức với thăng quan" (Nguyễn Công Trứ) muốn sống "ngoài vòng cương toả" mà "xáo trộn cổ kim"; "Tinh thần biến thức... phá cách của *Hát nói* trung đại sẽ được *Thơ mới* kế thừa tích cực và phát triển rộng rãi, dài lâu, tạo nên "một cuộc cách mạng trong thơ ca", "Nghĩa là cho đến tận ngày hôm nay, thể phách thơ Việt Nam vẫn còn cuồn cuộn khát vọng tự do. Khát vọng này có khi vụt sáng lên tựa sao băng như những bài thơ không vần táo bạo, độc đáo mà tràn đầy thi cảm của Nguyễn Đình Thi xuất hiện đầu cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp xâm lược 1946-1954 (tr. 254, 255, 256).

Nếu lấy cái mạch ngầm xuyên suốt tập sách này làm tiêu chí để thẩm định, đánh giá "độ chụm" của các bài viết, thì sẽ thấy có một số bài nằm bên lề mạch ngầm đó. Tôi không nói là những bài này không hay, tôi chỉ muốn nói là các bài ấy không được viết theo tinh thần đối thoại như hàng loạt bài trong tập sách này. Có thể kể các bài như *Một thuở ban đầu; Tranh hồn quê Việt Trương Đình Hào; Về tác phẩm điện ảnh "Đất nước đứng lên"*... Không biết đây có phải là nhược điểm của cuốn sách không, song tôi nghĩ, nếu chúng xuất hiện ở chỗ khác thì cấu trúc của tập sách này sẽ chặt chẽ hơn.

Tôi cũng không nghĩ tất cả các nhận xét, bình luận của các bài viết theo tinh thần đối thoại trong tập sách này là chân lý tất cả. Có những ý kiến, nhận xét còn phải trao đổi và suy nghĩ thêm... nhưng điều đáng quý ở đây là người viết bao giờ cũng đưa ra được ý kiến riêng của chính mình. Và để có được điều đó, Văn Tâm đã phải lao động miệt mài, đã chấp nhận nhiều khi lẻ loi, cô đơn; có lúc mạo hiểm đến cả sức khoẻ và tính danh bản thân; có khi mất cả bạn bè và có thời đã phải trả giá bằng mấy chục năm im lặng, nhẫn nhục...

Cầm tập sách trên tay, tôi cứ nghĩ mãi không hiểu điều gì đã buộc ông cầm bút, nhất là trong hoàn cảnh của ông bấy giờ. Đọc *Lời nói đầu*, thấy ông giải thích nhan đề cuốn sách, nguyên là mượn nửa câu Kiều *"xăm xăm băng lối vườn khuya một mình"* mà nói về cái khốn khổ, đơn chiếc, lẻ loi và có phần mạo hiểm của người cầm bút. Đã khốn khổ, cô đơn, đã biết lẻ loi, mạo hiểm sao vẫn cứ dấn thân, sao vẫn đeo đẳng mãi cái nghiệp bút nghiên? Giải thích thế, nhưng tôi ngờ rằng ông đã giấu đi một nửa ý tứ của câu Kiều. Một nửa ấy cho ta thấy rõ hơn nguyên do vì sao ông cầm bút. Phải chăng trong cái đêm khuya ấy, nàng Kiều lẻ loi, mạo hiểm băng vườn vì trong lòng đang nồng cháy một tình yêu, vì vẫn còn chất chứa bao điều muốn nói, vì nàng biết phía bên kia có một Kim Trọng vẫn đang chờ đợi để xẻ chia, thông cảm... Vâng, tôi cho rằng sáng tạo nói chung là một sự thôi thúc, thôi thúc từ bên trong trái tim người cầm bút; là khát khao và hy vọng được giao cảm, tri âm. Do sự thôi thúc khát khao, hy vọng nên mới dũng cảm chấp nhận đơn côi, bất chấp lẻ loi, mạo hiểm. Tôi nghĩ Văn Tâm không nằm ngoài quy luật đó. Viết mấy dòng ngắn ngủi về một tập sách của một người như Văn Tâm, tôi không nghĩ mình sẽ làm sáng và làm sang thêm cho cuốn sách của ông, chỉ hy vọng góp với ông một lời đồng vọng, một tiếng nói tri âm.■

Hà Nội, 25-8-2001

(*) Tập phê bình tiểu luận của Văn Tâm - Nxb *Văn hoá thông tin*, 2001.

CẦN THẬN TRỌNG HƠN KHI PHIÊN ÂM CÁC TỪ HÁN - VIỆT

ÔNG VĂN TÙNG

KHÔNG còn phải mất công bàn cãi gì về chuyện trong tiếng Việt của ta, từ Hán - Việt chiếm một tỷ lệ rất lớn, và cũng chẳng ngày thơ gì khi nói dùng từ Hán - Việt là không yêu nước, nhất là trong giai đoạn lịch sử hiện nay. Vấn đề là dùng có đúng chỗ không, và có chuẩn xác không. Mấy năm gần đây, tình trạng dùng sai làm cho ngôn ngữ nước ta cứ tối mù rối loạn cả lên, ảnh hưởng không nhỏ, đặc biệt là với tầng lớp đang ở tuổi học tập. Đáng lo nhất là chính ở ngay những cuốn sách công cụ và các phương tiện thông tin cập nhật, phiên âm không chuẩn xác dẫn đến những ngộ nhận khá lớn.

Xin nêu mấy trường hợp sau đây:

Trong cuốn *Từ điển Văn hoá cổ truyền Trung Hoa*, do Lê Khánh Trường dịch, Trần Cương Thiết và Nguyễn Bích Hằng hiệu đính (Nxb *Văn hoá - Thông tin*, 2001), mục Vương Mãng ghi:" ... Hoàng đế của vương triều *mới* ở ngôi từ năm 8 đến năm 23 công nguyên. Tự Cự Quân, cháu của Hán *Nguyên đế vương* (không viết hoa trong sách - ÔVT) *hoàng hậu*" (trang 312).

Vì không nắm được tên riêng, nên đoạn văn trên trở thành vừa tối nghĩa vừa sai. Về Vương Mãng, sử Trung Quốc ghi như sau: Vương Mãng người lập ra vương triều *Tân* (tên riêng là *Tân* chứ không phải là *mới* - ÔVT) ở ngôi từ năm 8 đến năm 23. Tự là Cự Quân người thành Nguyên quận Ngụy (nay là Đông Đại Danh tỉnh Hà Bắc) Tổ tiên vốn ở Đông Bình Lăng (nay là Tây Bắc Chương Khâu tỉnh Sơn Đông). *Cháu của Hán Nguyên đế hoàng hậu* (không có chữ (vương hoặc **Vương**) - ÔVT) và vì không nắm được chữ ***Vương*** là tên riêng, họ của hoàng hậu của vua Nguyên đế nhà Hán nên dịch thành: Hán Nguyên đế vương hoàng hậu. Sử đời Hán ghi rõ: Lưu Ngao là con trai của Hán Nguyên đế hoàng hậu Vương Chính Quyên, Vương Chính Quân là cô ruột của Vương Mãng - nhân vật nổi tiếng ở cuối thời Đông Hán. Vương Chính Quân được chọn vào cung khi Nguyên đế Lưu Thích làm Thái tử và sinh ra con trai là Lưu Ngao. Vậy: Hán Nguyên đế **Vương** hoàng hậu" phải dịch là Hán Nguyên đế **vương** hoàng hậu, (hoàng hậu họ Vương) hoặc rõ hơn: "Vương Chính Quân hoàng hậu của Hán Nguyên đế". Một chữ **Vương** (không viết hoa) và một chữ **Vương** (viết hoa) trong tiếng Việt và một chữ (vương hoặc Vương) của Trung Quốc mà khó vậy đấy !

Vẫn ở cuốn sách trên, trang 2056 ghi về Khuy Cơ (năm 632-682) Tăng nhân thời Đường. Vốn họ Uy Trì. Người Kinh Triệu Tràng An. Xuất thân thế tộc. Là cháu của viên đại tướng trứ danh đời Đường là **Uy Trì Kính Đức...** Chữ Uy (có thể do in sai nhưng lại in hai lần, phải đọc là **Ủy** (khi đứng riêng một mình, có nghĩa là chức quan võ cấp thấp, nhưng khi đi với chữ **Trì**, thì phải đọc là **Uất Trì** (một họ kép). Bạn đọc Việt Nam từng đọc *Thuyết Đường diễn nghĩa* vẫn quen với cái tên **Uất Trì Cung** một danh tướng thời đó. Kính Đức (trong *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn có nhắc đến) là tên tự của Uất Trì Cung (585-658) người Thiên Dương - Sóc Châu (nay thuộc huyện Sóc tỉnh Sơn Tây) cuối đời Tuỳ theo Lưu Vũ Chu, sau theo nhà Đường, từng đánh bại quân Vương Thế Sung, trấn áp bọn Đậu Kiến Đức, Lưu Hắc Thát. Năm Vũ Đức thứ 9 (626) trong sự biến Huyền Vũ Môn, giúp Lý Thế Dân đoạt ngôi hoàng đế, lập nhiều công lớn, được phong chức Triều Tán đại phu...

Cũng sách trên, trang 2281, mục **Tây dương tạp trở** ghi: "Tây dương tạp trở: Tên tiểu thuyết cổ do **Đoạn** Thành Thức đời Đường soạn...". Xin được cải chính: không phải là *Tây dương tạp trở*, mà là *Dậu Dương tạp trở*. Không phải là *Đoạn* Thành Thức mà là *Đoàn* Thành Thức. *Dậu Dương* là tên riêng vùng đất, miền nam tỉnh Tứ Xuyên, thời Tần thuộc quận Kiềm Trung, đời Hán thuộc quận Vũ Lăng. Thời Tam Quốc Thục Hán đặt là huyện Dậu Dương, đời Nguyên đặt là châu Dậu Dương. Sau lại đổi là huyện Dậu Dương.

Tạp trở: Nguyên nghĩa gốc là "cái bàn bày những thức ăn vặt". Nghĩa chuyển hoá là "mục sách chép những chuyện vặt". Vậy ***Dậu Dương tạp trở*** tạm có thể hiểu là:" Ghi chép những chuyện lặt vặt ở đất ***Dậu Dương***. Đây là một tập bút ký rất nổi tiếng do *Đoàn Thành Thức* (khoảng 803-863) nhà văn đời Đường soạn. Đoàn Thành Thức tự là Kha Cổ người Lâm Tri (nay thuộc Sơn Đông) sống ở Kinh Châu, tập ấm chức Hiệu thư lang Bí thư sảnh của cha (Văn Xương), làm đến chức Thái Thường Thiệu Khanh, nổi tiếng về làm thơ tài hoa, người đời sau tập hợp thành tập *Thơ Đoàn Thành Thức*. Ngoài ra còn có tập ***Dậu Dương tạp trở. Dậu Dương tạp trở*** gồm hai tập; Tập đầu gồm 20 cuốn chia thành 30 thiên như Ngọc cách bối biên, *Vật dị, Nặc Cao ký*... Tập tiếp gồm 10 cuốn chia thành sáu thiên: *Biếm ngộ, Tự tháp ký*... Những ghi chép trong đó vừa đặc biệt hiếm lại vừa phong phú đa dạng, hoặc ghi chép nhiều chuyện bí mật hoặc kể chuyện lạ, gồm đủ Đạo, Phật, người, ma quỷ, tai hoạ, may mắn, chuyện tương truyền, không gì không có... Thể loại gần như *Bác vật chí* của Trương Hoa đời Tây Tấn. Đó là một tập ghi chép rất nổi tiếng, vì vậy khi *Dậu Dương tạp trở* ra đời thì hai chữ "tạp trở" được coi như một thể loại, tương tự như "tạp lục", "tạp bút". Người đời sau, khi ghi chép những chuyện linh tinh kiểu nhớ gì viết nấy, tuy lặt vặt nhưng hết sức quan trọng, hoặc biên soạn thành sách, mà không xếp vào loại văn nào thì ghi là... "tạp trở".

Trên đây là một vài ví dụ, hoàn toàn không có ý vạch lá tìm sâu, hoặc tệ hơn, là khoe chữ "hại người". Vả lại dịch Hán cổ, kim ai dám chắc là mình không sai? Chữ Hán không viết hoa, lại đọc nhiều cách, là dễ nhầm lắm, như trường hợp "đoạn" (một đoạn, một bộ phận, thủ đoạn phương pháp làm việc) với "Đoàn" (họ), "tân" (mới) với "Tân" (tên riêng, triều Tân, 8-25 sau Công nguyên) hoặc "vương" (để vương) và "Vương" (tên riêng của hoàng hậu Vương Chính Quân của Hán Nguyên đế) ở trên. Hoặc chữ "Tây" và chữ "Dậu" chỉ khác nhau một chút, vô ý là nhầm. Quyền lợi của bạn đọc là tối thượng, lại ảnh hưởng về lâu về dài, mạn phép đính chính, bạn dịch với nhau xin đừng cho là ác ý.

Nhưng trên vô tuyến truyền hình, phim truyện Trung Quốc, toàn dân đều xem mà dịch sai quá nhiều những từ ai cũng biết, thì không thể bỏ qua, vì di hại quá lớn. Xin nêu mấy ví dụ:

Khiết Đan dịch là *Khế* Đan; Thử sử dịch là *Thích* sử; Vu lan dịch là *Mạnh* lan; bồng lộc dịch là *Phụng* lộc; Bì Nhật Hưu dịch là Bì Nhật *Tu;* Long Bàng dịch là Long *Phong*... Nhiều lắm! Thật đáng phản ánh cho cơ quan có trách nhiệm. Đó là chưa kể chuyện xảy ra cách đây 3000 năm mà cứ như vừa xảy ra hôm qua ở bàn hội nghị, hoặc ngoài đường phố với một giọng điệu đầy chủ quan rất khó chịu. Đại khái:" - Thưa chú *tình hình quân ta* gay quá!". - "Tâu bẩm hạ *kỷ luật quân đội* rất gay!"... Thật không gì hài hước hơn.

Những người dịch phim và những "Chương trình phim truyện Trung Quốc" nên xem lại.■

TRAO ĐỔI

NGUYỄN DU SINH NĂM NÀO?

NGUYỄN VĂN HOÀN

Đó là câu hỏi mà nhà báo Đặng Minh Phượng nêu trên *Văn nghệ* số 33, ngày 18-8-2001. Ông đã dẫn ra bốn cuốn sách quan trọng có đề cập Nguyễn Du: cuốn thì chép Nguyễn Du sinh năm 1765, cuốn thì chép năm 1766. Chúng ta còn có thể dẫn thêm nữa, nhưng không cần thiết, vì sự sai khác chỉ là 1765 hay 1766. Đặng Minh Phượng viết:" Thiết tưởng năm sinh của một đại thi hào lẫy lừng trong lịch sử như Nguyễn Du, cách đây chưa xa, cần được sách báo viết chính xác và nhất quán".

Được như thế thì hay quá, nhưng đối với Nguyễn Du thì một chi tiết về nhân thân của ông có khi cũng tốn không ít giấy mực! Nguyễn Du thì gia phả ghi không đầy đủ lắm: " *Sinh năm Ất Dậu, niên hiệu Cảnh Hưng (1765), mất ở Kinh, ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn, niên hiệu Minh Mệnh (16-9-1820)*".

Như vậy là không ghi rõ ngày sinh, tháng sinh, nơi sinh. Chính vì vậy mà những nhà nghiên cứu sớm quan tâm đến tiểu sử Nguyễn Du như Lê Thước, Phan Sĩ Bàng (1), Nguyễn Đức Tánh (2) chỉ chép Nguyễn Du sinh năm Ất Dậu (1765) và nhân dân ta đã tổ chức kỷ niệm 200 năm năm sinh của Nguyễn Du vào năm 1965.

Trước hết xin trình bày đôi điều về cuốn gia phả này. Năm 1922, trong thời gian làm giáo sư trường Cao đẳng tiểu học Vinh, cụ Lê Thước đã liên hệ với họ Nguyễn ở Tiên Điền và đã mượn được cuốn gia phả của dòng họ này, nhan sách là *Hoan Châu Nghi Tiên Nguyễn gia thế phả*. Ở trang đầu có ghi: *Duệ tôn Hi Tư biên toàn* (cháu đời sau là Hi Tư chép). Hi Tư là tên chữ của Nguyễn Nghiễm, thân phụ Nguyễn Du. Tất nhiên Nguyễn Nghiễm cũng chỉ chép đến hàng tổ phụ của ông mà thôi. Người chép tiếp đã gọi Nguyễn Nghiễm là cha (hiển khảo), gọi Nguyễn Khản là anh cả (trưởng huynh), gọi Nguyễn Điều là anh thứ (thứ huynh). Người chép tiếp hàng con của Nguyễn Nghiễm, trong đó có Nguyễn Du, lại tự xưng: *Tiên khảo Tốn Trai công* (cha tôi là cụ Tốn Trai). Tốn Trai là Nguyễn Nhưng, con thứ 11 của Nguyễn Nghiễm. Nguyễn Nhưng có 3 con trai, đều đậu Tú tài. Theo Lê Thước thì người chép tiếp phần cuối này là con trưởng của Nguyễn Nhưng, tức Nguyễn Ý, đậu Tú tài năm 1828.

Lê Thước đã chuyển cuốn gia phả này cho học viện Viễn Đông Bác cổ Hà Nội để sao lại một bản (đánh số ký hiệu A.3075). Đây là nguồn tư liệu quan trọng nhất về tiểu sử Nguyễn Du. (3)

Nhưng đến năm 1965, kỷ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du, lại xuất hiện một tài liệu mới. Tôi còn nhớ rõ, đó là vào khoảng 12 giờ trưa ngày 24 tháng 11 năm 1965, tại Văn Miếu, Hà Nội, nhóm chúng tôi gồm 3 người, nhà thơ Huy Cận, lúc đó là Thứ trưởng Bộ Văn hoá, cụ Lê Thước, chuyên viên Vụ Bảo tồn bảo tàng Bộ Văn hoá và tôi, ở Viện Văn học, được Ban tổ chức kỷ niệm Nguyễn Du giao nhiệm vụ soát lại một lần cuối nội dung triển lãm về Nguyễn Du, để chuẩn bị cho việc khai mạc vào sáng hôm sau. Bỗng cụ Lê Thước giơ cao một cuốn sách chữ Hán và nói to:" Cuốn gia phả này có chép ngày sinh của Nguyễn Du", chúng tôi liền xúm lại xem và đề nghị với cụ Lê Thước nên có thêm thì giờ khảo sát cuốn sách kỹ hơn rồi hãng công bố.

Sau lễ kỷ niệm Nguyễn Du, cụ Lê Thước đã đăng bài *Tìm thấy ngày sinh của thi hào Nguyễn Du*, trên báo *Thời mới* (Hà Nội), số ra ngày 17-9-1966, khẳng định *ngày sinh của Nguyễn Du là 23 tháng 11 năm Ất Dậu, tức ngày 3 tháng 1 năm 1766* dương lịch.

Báo *Văn nghệ* số 178, ngày 23-9-1966 liền đưa tin đó: " Gần đây cụ Lê Thước đã tìm thấy quyển thế phả trong đó có ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của Nguyễn Du. Ông sinh năm Ất dậu, tháng 11 ngày 23, đối chiếu với dương lịch thì ngày đó tức là ngày 3 tháng 1 năm 1766".

Năm 1970, trong cuốn *Tìm hiểu kho sách Hán - Nôm*, tập I, Trần Văn Giáp đã giới thiệu cuốn gia phả này như sau: "Trong ba bốn bản sách gia phả nhà họ Nguyễn Tiên Điền mà ta có hiện nay, chỉ có bản này có chua ngày sinh Nguyễn Du".

Năm 1978, trong cuốn giáo trình *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX*, tập II (Nhà xuất bản *Đại học và Trung học chuyên nghiệp*) Nguyễn Lộc đã viết:" Trong một bản gia phả của họ Nguyễn làng Tiên Điền, phát hiện năm 1966, có ghi chú ngày sinh của Nguyễn Du là 23 tháng 11 năm Ất dậu, tính ra là ngày 3 tháng 1 năm 1766".

Thế là cái năm 1766 được "trình làng", như một tài liệu quý, mới được phát hiện. Vấn đề đặt ra là cần khảo sát và đánh giá lại tài liệu này một cách khách quan.

Cuốn gia phả này do Vụ Bảo tồn bảo tàng Bộ Văn hoá sưu tầm được hồi cuối năm 1956, sau đó khoảng tháng 8 năm 1958 thì chuyển sang Thư viện Khoa học Trung ương bảo quản. Thư viện đã vào sổ và đánh ký hiệu VHV.369 và ngày 10-2-1964 đã đem chụp vi phim và đánh số 1747. Trong bản *Mục lục tài liệu và hiện vật về Nguyễn Du triển lãm ở Văn Miếu, Hà Nội, tháng*

Nguyễn tộc gia phả - (trang bìa và trang có dòng chữ chua thêm)

11-1965, cuốn gia phả này được ghi số thứ tự 391. Đó là một quyển sách mỏng chép tay, gồm 36 tờ giấy bản, loại thường, khổ nhỏ. Tờ đầu, nguyên trước để trắng, đã được một cán bộ Vụ Bảo tồn bảo tàng ghi bốn chữ Hán:" *Nguyễn tộc gia phả*", ở dưới chua thêm: " *Hà Tĩnh tỉnh, Nghi Xuân huyện, Tiên Điền xã*". Ở đầu tờ sau ghi *Nghệ An Nghi Xuân Nguyễn gia thế phả*. Cuốn gia phả này chép rất sơ lược. Rất có thể là đã dựa theo cuốn *Hoan Châu Nghi Tiên Nguyễn gia thế phả* để lược chép lại. Phần tiểu truyện của Nguyễn Du lại càng vắn tắt, chỉ có năm, sáu dòng, nhưng có một chi tiết quan trọng đã thành vấn đề với chúng ta là ở bên phải dòng cuối, cạnh bốn chữ *Ất dậu niên sinh* có một người nào đó đã viết thêm một dòng chữ nhỏ - cũng bằng bút lông - gồm chín chữ: *thập nhất nguyệt, nhị thập tam nhật, dần thì* (tháng 11, ngày 23, giờ Dần). Đối chiếu sang dương lịch thì ngày này không còn thuộc năm 1765 mà đã lần sang năm 1766 ba ngày!

Khi giới thiệu cuốn gia phả cùng mấy chữ viết thêm này, cụ Lê Thước cũng đã viết *có chua dòng chữ nhỏ*, cụ Trần Văn Giáp thì viết *dòng chữ này chua bên cạnh*, nhưng do xu hướng là muốn khẳng định tài liệu mới này nên hai cụ chỉ nói lướt qua mà không gợi cho người đọc cả hướng suy nghĩ ngược lại, đó là những nghi vấn, dè dặt có thể có. Điều dễ nhận thấy là mấy chữ viết thêm này màu mực nhạt hơn, dáng chữ khác, rõ ràng là do một người nào đó mới viết thêm vào sau. Trong bản chụp in kèm theo đây, bạn đọc có thể khó nhận ra điều đó, nhưng nếu xem bản gốc - hiện lưu trữ tại Thư viện Viện nghiên cứu Hán - Nôm - thì điều đó dễ nhận thấy hơn. Cũng cần nói thêm rằng, người chua thêm mấy chữ đó là một người có trình độ, với lối viết "kỵ huý" chữ *thị* trong *dần-thì* (tên vua Tự Đức, ở ngôi 1848-1883), kết hợp với cái tên sách *Nghệ An Nghi Xuân Nguyễn gia thế phả*, người viết thêm mấy chữ đó rõ ràng có dụng ý muốn dẫn dắt người đọc đến chỗ tin rằng: cuốn gia phả này, kể cả mấy chữ chua thêm, đã xuất hiện dưới thời vua Tự Đức, khi Hà Tĩnh còn là một đơn vị hành chính ở hàng dưới cấp tỉnh và trực thuộc tỉnh Nghệ An. Chúng ta biết rằng ở sinh thời Nguyễn Du, Hà Tĩnh chỉ là một đạo, thuộc tỉnh Nghệ An, sau khi Nguyễn Du mất, đến năm Minh mệnh thứ 12 (1831), Hà Tĩnh mới được nâng lên thành tỉnh, nhưng rồi đến năm Tự Đức thứ 6 (1853) lại hạ xuống làm đạo, cuối cùng đến năm Tự Đức thứ 29 (1876) lại được nâng lên làm tỉnh. Như vậy phải chăng cuốn gia phả này đã được chép trước năm 1876? Còn mấy chữ chua thêm về ngày, tháng sinh của Nguyễn Du thì xuất hiện từ bao giờ? Điều này thật khó trả lời dứt khoát. Kể ra nếu quả đúng ngày sinh của Nguyễn Du lận sang năm 1766 ba ngày thì điều đó cũng không gây đảo lộn gì về nhận định lịch sử văn học, có điều là tài liệu mới chưa hoàn toàn đáng tin cậy, trong lúc đó thì nước Việt Nam cách mạng và nhân dân một số nước trên thế giới - theo đề nghị của Hội đồng Hoà bình thế giới - lần đầu tiên đã kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du vào năm 1965, điều này vô hình trung cũng đã trở thành một sự kiện có ý nghĩa trong lịch sử vấn đề Nguyễn Du, vậy thì phải chăng vẫn là hợp tình, hợp lý nếu cứ để năm sinh của Nguyễn Du là 1765. Trên báo *Văn nghệ* số 23, ngày 10-6-1995, Nguyễn Thạch Giang cũng đã đề cập vấn đề này và viết:" *Căn cứ vào tình hình văn bản của thư tịch Hán - Nôm, nếu chỉ bằng vào số chữ chua thêm của người sau, thì chúng ta phải bàn lại nhiều chuyện không đâu*". ■

(1) Lê Thước và Phan Sĩ Bàng, Truyện cụ Nguyễn Du, trước giả truyện Thuý Kiều, Nxb Mạc Đình Tư, Hà Nội, 1924.

(2) Nguyễn Đức Tánh, Lịch sử và gia thế cụ Nguyễn Du, Nam phong tạp chí số 134, tháng 10-1928. Nguyễn Đức Tánh là giám thị trường Quốc học Vinh, viết bài này nhân dịp dẫn học sinh đi viếng mộ và thăm đền thờ Nguyễn Du ở Tiên Điền.

(3) Lê Thước, Vài mẩu hồi ức về việc nghiên cứu Nguyễn Du và Truyện Kiều, Tạp chí Văn học Hà Nội, số tháng 11-1965.

NHÀ VĂN NGHỆ VĂN

XUÂN HOÀNG - MỘT HỒN THƠ PHÓNG KHOÁNG

PHAN HOÀNG

MỘT con người mộc mạc, hồn nhiên, nhiệt tình và nhân hậu. Một hồn thơ chân chất, phóng khoáng, giàu tâm huyết với quê hương với cuộc đời. Hai nét chính ấy tôi đã gặp ở bậc lão thành Xuân Hoàng, một nhà thơ thuộc thế hệ chống Pháp, đã hiện diện trên bầu trời thi ca Việt Nam suốt nửa sau thế kỷ XX. Sự nghiệp thi ca của Xuân Hoàng không đồ sộ, nhưng bình tâm đọc ông, chúng ta vẫn tìm thấy trong đó nhiều bài thơ hay, nhiều tâm sự đáng trân trọng.

Thơ ký nhất: viết điều người đã viết
Nhưng biết sao, khi tôi mến Sông Cầu
Thị xã đẹp như một lời tiễn biệt
Xanh điệp trùng núi biển đứng bên nhau

Đó là bốn câu thơ mở đầu bài thơ Sông Cầu của Xuân Hoàng mà tôi đã thuộc lòng từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Sông Cầu thực ra là một thị trấn chứ không phải thị xã. Sông Cầu còn là tên của cái huyện mà thị trấn ấy trực thuộc, nằm ven biển miền Trung thuộc địa phận tỉnh Phú Yên. Nhưng, ai lại đi bắt bẻ cái sai ngộ nghĩnh ấy của nhà thơ! Mặc dù đã có nhiều thơ viết về vùng đất sơn thuỷ hữu tình này, song thi hứng của Xuân Hoàng với Sông Cầu vẫn mang một nét riêng, một sắc thái riêng, không lẫn vào ai được. Chính nhờ Sông Cầu mà tôi được biết nhà thơ Xuân Hoàng, trước khi trở thành láng giềng của ông ở Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bậc lão thành tâm sự:

- Tháng 8-1975, hơn ba tháng sau ngày đất nước thống nhất, từ Quảng Bình tôi đi ôtô dọc theo Quốc lộ 1 vào Nam. Khi xe dừng nghỉ ở Sông Cầu, tôi rất thích thú trước vẻ đẹp kỳ thú của thiên nhiên nơi đây. Một bên núi dựng. Một bên biển trời bao la. Bãi cát trắng phau. Ghe xuống tấp nập. Vườn tược xum xuê cây trái. Đặc biệt là dừa, rừng dừa ngút ngàn. Vẻ đẹp Sông Cầu có sức mê hoặc lòng người kỳ lạ.

- Và một tứ thơ đã vụt đến trong ông, dù "Thơ ký nhất: viết điều người đã viết" phải không, thưa nhà thơ?

- Tôi làm bài thơ ngay trên chuyến xe. Tôi biết từ xa xưa Sông Cầu vốn là nguồn cảm hứng cho bao thi sĩ, trong đó có Tản Đà, Xuân Diệu, Chế Lan Viên. ..

Nhưng biết làm sao được khi trong tôi;
Xe qua rồi, chút nhớ vẫn lâng lâng
Thị xã trắng đứng trong lời tiễn biệt!
Lòng khẽ nhắc: đừng nói điều đã viết
Sao âm vang cứ mãi gọi: Sông Cầu?

Đây là một trong những bài thơ tôi viết nhanh nhất, sau đó gởi đăng trên tạp chí Văn nghệ tỉnh Phú Khánh cũ.

- Không chỉ Sông Cầu mà đọc thơ còn thấy hiện lên rất nhiều địa danh như Qua Bố Trạch, Gặp Lào Cai, Bến sông Đà nghĩ về Nguyễn Quang Bích, Trăng Trường Sơn, Trưa Vĩ dạ, Đêm Nha Trang, Một sáng Cà Mau,... Có cảm tưởng chân bước đến đâu thì hồn thơ ông rộng mở đến đó.

- Thơ với tôi cũng là một cách ghi nhật ký. Nói một cách văn hoa: tôi ghi nhật ký bằng thơ.

- Ông có cảm thấy hài lòng về sự nghiệp thi ca của mình?

- Thế giới thơ quả là vô cùng. Con đường thơ là con đường sáng tạo gian nan. Tôi chưa bao giờ dừng bước. Suốt đời, tôi đuổi bắt thơ như đuổi bắt một vẻ đẹp vĩnh hằng. Vẻ đẹp đó ở trước mắt mà lại rất khó nắm bắt. Tuy đã in nhiều tập thơ nhưng tôi vẫn chưa bao giờ hài lòng với chính mình.

Đi nhiều viết nhiều, nhưng riêng Quảng Bình "Phố nhỏ quê ta thức nhiều kỷ niệm" Xuân Hoàng luôn có một tình cảm đặc biệt. Những bài thơ hay nhất của ông cũng chính là viết về vùng đất đầy giông bão này. Sinh thời, nhà thơ Chế Lan Viên khi đề tựa cho tuyển thơ Dải đất vùng trời của Xuân Hoàng viết về Quảng Bình, đã lập luận:"Tập thơ này đưa đến cho tôi một điều thú vị về lý luận. Nếu nó đánh dấu sự kiên trì của một người ba mươi năm phục vụ địa phương thì đồng thời, mặt khác, nó chứng tỏ một địa phương cũng thừa đất thừa trời để làm giàu cho những tấm hồn văn nghệ". Đúng vậy, Quảng Bình đã sinh dưỡng nhà thơ Xuân Hoàng và chính hồn thơ Xuân Hoàng đã góp phần tô thêm vẻ đẹp văn hoá cho mảnh đất "chôn nhau cắt rốn" của mình. Ông nói:

- Quê cha đất tổ ở Tuy Phước tỉnh Bình Định, nhưng tôi được sinh ra và gắn bó suốt cuộc đời mình với Quảng Bình, quê mẹ của tôi. Tuy nhiên, do vợ chồng lớn tuổi ốm đau thường xuyên, con cái lại vào sinh sống hết ở Thành phố Hồ Chí Minh, nên chúng tôi đành phải rời xa quê hương. Tôi có gần 300 bài thơ viết về "vùng đất lửa" này. Năm 1997, nhân sinh nhật lần thứ 72 của mình, tôi đã chọn 72 bài trong số đó in thành tập Gửi quê hương. Đây là món quà mà tôi muốn dành

(Xem tiếp trang 23)

THI DỌN VƯỜN VĂN

KHÔNG TIN ĐƯỢC!

● *"Suốt cả tuần, thức ăn từ chối không chấp nhận nàng".*

*(*Giấc mơ cuối của con sáo vườn - *báo* Người Hà Nội *số 33 ra 18-8-2001)*

- Hú vía! May.mà "thức ăn từ chối nàng chứ không thì chúng đã xơi gọn nàng trong suốt tuần ấy rồi! Có loại thức ăn kinh khủng đó hay tác giả chỉ định nói "nàng từ chối thức ăn"?(!)

● *"Đương nhiên trứng lạc đà là lớn nhất trong các loài trứng chim..."*

*(*Trứng chim bầu dục, tròn, quả lê - *báo* Người Cao tuổi ra ngày *11-6-2001)*

- Không đọc bài báo này thì lâu nay tôi cứ nghĩ lạc đà là loài thú đẻ con cơ đấy(!) biết đâu nó lại thuộc loài chim để ra trứng?

● *"Ông đã bị chết trong một tai nạn máy bay ông trở về sống ở Cộng hoà Dân chủ Đức".*

*(*Chuyến bay đầu tiên - *báo* Lao Động *số ra 18-8-2001)*

- Ủm ba la! Ông là phù thuỷ chắc? Hoặc là ông may mắn gặp được thuốc hồi sinh chăng?

● *"Khi kinh bị suy thoái" (Tên một bài báo đăng trên* Thời báo kinh tế Sài Gòn *ra 26-7-2001)*

- Thoạt nhìn tên bài báo, cứ tưởng bàn "chuyện ấy" của chị em ở tuổi 49-50 kia! Đến khi đọc hết bài báo chỉ thấy bàn về kinh tế, mới hay mình nhầm. Bèn tự đính chính cho sự nhầm ấy rằng tên bài báo có thể là "Khí kinh tế bị suy thoái" chăng?

Thực là:

Đọc trên mặt báo hẳn hoi
Sao có những chuyện nực cười, khó tin!
Ông viết? Ông sửa? Ông in?...
Ông nào đính chính cho xin một lời?(!)■

TRỊNH TRỌNG QUÝ

Khói và mây

Bút ký của
HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

TÔI đang loay hoay trên trang giấy thì cu Ghẹ ở ngoài hành lang chạy ù vào, lay vai tôi liên hồi, giọng hớt hải:

- Ba ra xem hoa phượng nở màu đỏ, màu xanh.

Tôi theo cu Ghẹ ra ngoài thì biết rằng cây phượng ở đầu cầu, mé bờ sông đã nở hoa đầu mùa, và Ghẹ tưởng nhầm hoa cũng là lá; vì nó mới nhìn thấy hoa phượng lần đầu. Nhà chúng tôi trước ở một xóm trước chân núi, ở đó người ta không trồng cây phượng, nên cu Ghe chỉ nghe thấy tên tuổi của loài hoa truyền lan khắp thành phố? Vả chăng, cu Ghẹ vừa sinh ra được ba mùa hè, hiểu biết của nó cũng chỉ đơn giản quanh xóm chân núi. Dạo này, mẹ chúng vẫn phải đi công tác dài ngày ở Sài Gòn, mình tôi lo cấp dưỡng cho bọn chúng. Hằng ngày, sau khi đưa chị nó đến nhà trẻ, thì chỉ có mình tôi ở nhà, cu Ghẹ bận chơi ở hành lang phía trước. Trời nóng bức nên cu Ghẹ ở trần trùng trục, xem ra, cu cậu có vẻ béo núc ních, không đến nỗi gầy ốm như tôi tưởng.

Không biết đây là mùa hoa thứ mấy của nó, nhưng tôi cho rằng cây phượng ở đầu cầu có màu hoa đỏ thắm nhất và cũng là cây nở hoa sớm nhất trong thành phố. Chỉ vài hôm sau những chùm hoa đầu tiên, cây phượng đã nở hoa sum suê, hình như hoa đã phục sẵn trong cành và bứt da cây ra để nở. Ở thành phố này, cây phượng gieo một ấn tượng riêng, kèm theo tuổi học trò của mỗi đời người. Sau đó, con người lìa xa mái trường để cuốn theo dòng đời, nghĩa là vĩnh biệt một thời "ve kêu, phượng nở". Tôi nhớ, có lần nhìn thấy cây phượng ở sân trường nở hoa dữ dội đến trĩu cả cành, Mỹ bèn tỏ ý lo sợ với tôi, nàng lo rằng cành phượng có thể gãy vì bị đè nặng bởi sức hoa. Tôi thường đi bộ dọc bờ sông, giữa đường dừng lại quan sát dưới những gốc phượng. Tôi chợt khám phá rằng màu đỏ của hoa phượng không hề giống nhau. Cây hoa phượng vẫn cố giữ cá tính của nó, mỗi cây vẫn có một màu hoa đỏ riêng. Từ đó, mỗi lần thấy cây phượng đang nở hoa là tôi chăm chú nhìn xem, thì điều quan sát nói trên vẫn đúng. Ở một góc trường mà theo truyền thống là dành cho nữ sinh có một cây phượng mọc bổ ra đường, với những cánh hoa hồng nhạt, lổ đổ những vết trắng; Nhìn từ xa, màu hoa trông như tê tái. Thật ra góc vườn ấy của nhà trường mọc đầy những cây lưu niên cao lớn. Cây phượng thiếu nắng nên cánh hoa trở nên nhợt nhạt. Màu hoa của nó làm tôi nghĩ đến bệnh đau tim của các thiếu nữ mà thời trước vẫn gọi là một biểu hiện đáng yêu của chủ nghĩa lãng mạn.

Khu vườn Nhà Chung trước mặt nhà tôi đầy những tiếng ve. Ve sầu kêu rất đúng giờ, cứ cách nhau vài tiếng thì lại đầy lên cùng một lúc như một dàn nhạc giao hưởng, khiến cho mùa hè ở Huế có một âm thanh riêng. Đến già nửa mùa hè thì ve sầu im tiếng nhường chỗ cho tiếng ve kim. Ve kim kêu li ri như tiếng vĩ cầm, báo hiệu mùa thu sắp đến. Ve sầu thích đậu vào cây phượng, và thường đậu trên cao. Hình như ở miền Normandie cũng có loài ve sầu này. Tôi thấy hình dáng nó trong những vật lưu niệm bán ở dọc đường. Dạo ấy đi chơi, tôi mang theo về Paris một con ve sầu bắt được ở một cây ô liu của miền Nam nước Pháp. Paris ở phương Bắc, thuộc vùng băng giá nên không có ve sầu. Tôi rất thích con ve, đi đâu cũng mang theo. Một hôm, không ngờ nó kêu ộc ộc vang lên trong túi áo. Tôi vội thả con ve ra, té ra ở đó chính là toà nhà của điện Panthéon. Con ve bay vút đi và đậu trên một cây Platane bên đường, tôi nói với theo con ve: Mày cố sống hết mùa hè, hát ru giấc ngủ cho các linh hồn bất diệt.

Thật hiếm có thành phố nào mà tiếng ve lại xen lẫn tiếng xe cộ như ở Huế. Rõ ràng Huế là một thành phố vườn. Tôi có cái thú lên chơi ở những khu vườn ngoại ô vào dịp đầu thu; ở đó trong ngọn gió heo may lành lạnh, tôi còn bắt gặp trên những thân cây trong vườn, những chiếc vỏ khô của con ve sầu. Mùa hè đã qua đi trong trời đất còn để lại một chút dấu tích trên những xác ve sầu.

Mùa hè, tôi đi học từ Sài Gòn trở về, thường ngồi hát nghêu ngao trên bậu cửa sổ nhà Liên, ngắm những đám mây trắng bay lang thang qua nền trời xanh lơ, giống như những con cừu đang gặm cỏ trên một sườn đồi. Liên chạy lên nhà, nhà Liên ở trong trường, mang xuống chiếc đàn guitar cho tôi. Tôi lắng nghe âm thanh quen thuộc mà ở kỳ túc xá tôi đã phải bỏng đi từ lâu. Tiếng gót chân nhỏ xíu của Liên gõ trên mặt thang gác bằng gỗ lâu năm. Liên trao đàn cho tôi và nhắc tôi hát một bài mà Liên ưa thích, lần nào cũng vậy:

Ngày ấy khi xuân ra đời
Một ngày bình minh có lũ chim vui
Có lứa đôi yêu nhau hoài, hẹn đời đừng mãi yêu ai.

Đó nguyên là một đoạn nhạc lãng mạn của Johan Strauss mà Liên nghiền ngẫm suốt cả tuổi mơ mộng của nàng.

Những cây hoa phượng mọc trong sân trường đã già tuổi, cánh hoa phủ thành một đường dài đỏ thắm hai bên lối đi. Vào giữa hè, hoa phượng trong thành phố này nở thật dữ dội, giống như những đám lửa bùng cháy trên những tán lá xanh. Màu đỏ tuy nồng nàn nhưng trông vẫn êm dịu khi đi đôi với màu xanh của lá phượng, của thảm cỏ, trong đôi gam màu tương phản của ngũ sắc Huế. Cây phượng ở đây trở thành biểu trưng độc tôn cho tuổi trẻ của thành phố, vì ở đâu cũng gặp, hoa nở hết mình, giống như máu chảy trong huyết quản. Có một tuổi nào người ta thường nhìn ra cây phượng sân trường xem nở nhiều hay ít, từ đó gởi gắm niềm hy vọng mông lung vào những kỳ thi. Hoa phượng thì có định mệnh gì mà người ta phải đa mang đến vậy? Chẳng qua là bắt chước người xưa trồng một cây hoè bên song, để khi nhìn thấy màu vàng của hoa hoè bắt đầu nở, lòng xôn xao về chuyện sách đèn.

Hôm qua, trong cuộc đi dạo lang thang trên những nẻo vắng, theo thói quen, tôi chợt nhìn thấy một đám máu đỏ tươi ở đầu ngã ba đường. Tôi chạy tới gần xem, thì ra đó là ánh đèn đêm của đài truyền hình phản chiếu trên một vũng nước mưa còn đọng lại. Giữa mùa hè, màu hoa phượng tàn dần. Trời nóng bức, cu Ghẹ chạy dọc hành lang và giải thích rằng chạy như thế sẽ thấy mát hơn vì chờ hoài không có gió. Hai bên đường nhựa, cây bằng lăng nở rộ lên mùa hoa của nó; những cánh tròn màu tím rơi xuống đất và dán xuống mặt đường. Tôi nương theo những chấm tím để nhận đường, tưởng như thấy một cậu bé hớn hở đến trường, làm đổ những giọt mực dọc đường đi. Cậu bé ấy chính là tôi thuở nhỏ, cứ mải mê đánh vụ trên đường đi học, quên cả chuyện bài vở. Kể ra, cũng chẳng hay ho chi mà làm như vậy, cậu bé ơi! Nhưng thật lòng tôi thấy thương mến cậu, và có một chân trời nở tím màu hoa bằng lăng đối với tôi, là một thiên đường đã mất.

Tôi vẫn cặm cụi trên những trang viết ở phía phòng sau nhà, ở đấy từ buổi trưa thường có một ngọn gió mát rượi thổi qua cửa sổ phía sau lưng tôi. Một con chuồn chuồn say nắng lao từ phía ngoài vào. Va phải bức tường, nó liền rơi xuống đất, nằm ngửa im lìm trên nền xi măng, chốc lát lại tỉnh dậy, đập cánh xèn xẹt trong phòng. Nhìn qua cửa sổ, về phía núi Kim Phụng xa mờ ở chân mây, tôi thấy một đám lửa đốt rừng của người thợ sơn tràng nào giống như ánh lửa của một sơn nhân trong hang đá trên núi. Dưới chân cổ thành về phía sông Hương có một đám cỏ may chạy dài. Vào buổi chiều, ánh nắng vàng dịu thường làm cho lớp sương dày ở dưới chân cỏ may nhuốm một màu tím ngát, tím đến độ tôi tưởng như chỉ cần đặt vào đấy một cái chai không là hôm sau người ta hứng được một lọ mực đem dùng ở lớp học. Hoá ra thiên nhiên xinh đẹp ở xứ này khiến tôi trở nên kẻ theo thuyết ngẫu sinh, giống như người Ai Cập tin rằng sương mù sông Nin hoá ra cóc nhái. Trời nóng bức đến nỗi tấm phản gỗ nhà tôi cũng nóng ran lên, tôi không biết ngồi đứng vào đâu, nên tôi thường đi chơi vào ban đêm. Tôi đã đi qua những vườn huệ rộng mênh mông của xóm Ngự Viên cũ, và mùi hương hoa huệ bay lên khắp nơi, khiến tôi liên tưởng đến một chân trời huyền thoại. Vài cô gái ban đêm ra hái hoa, tóc xoã đen nhánh xuống bờ vai trắng lờ mờ ở đằng xa, lúc ẩn lúc hiện ở giữa hoa huệ như những bóng ma, khiến tôi nghĩ đến câu chuyện quái dị ở đó, Bồ Tùng Linh kể rằng ma quỷ hiện thân thành những cô gái để kết bạn với người dưới bóng trăng! Thật ra, cắm tinh của các cô là những cây đào, cây lý... Tơ trời bay khắp nơi, vướng vào cả bánh xe của những người đi đường, hình như có những nàng tiên nào ngồi dệt lụa ở trên cao, và thả xuống thành phố này những sợi tơ... Tôi đi qua thành phố vào lúc đêm đã khuya, bây giờ, những cây ngọc lan nhả vào không trung một mùi hương sâu thẳm và bí ẩn, tôi tưởng như tôi đã bị nhiễm bệnh vì loài hoa ấy. Bãi cỏ ven sông nở đầy hoa tím giống như muôn vạn ánh sao chiều, ở đấy các cô nữ sinh đi học về thường đàn đúm với nhau thành từng nhóm, ngồi bệt trên cỏ mãi tận hoàng hôn xuống. Có đêm tôi và Liên đi dạo chơi dưới ánh trăng thanh. Trời trong suốt như đúc bằng thuỷ tinh. Liên mặc áo trắng học trò, lặng lẽ đi bên tôi, bóng phượng đổ vào áo nàng thành những quả trám đều đặn, như thể hoa văn của màu áo đã dệt nên như vậy. Hoa văn ấy cứ hiện ra trong trí tôi mấy mươi năm sau, làm dịu những cơn buồn của tôi.

Sen, có lẽ loài hoa nở sớm nhất và tồn tại lâu nhất giữa muôn loài hoa cỏ trong thành phố. Đợt đầu mùa, hoa sen thường mọc từng đoá lẻ loi trên mặt hồ, thấp thoáng từ xa trông như những cánh hạc. Ít lâu sau, sen nở rộ, đầy cả mặt hồ và những hào quang Thành nội, mọi người như chìm đắm trong hương sen thơm nồng, lâu nay tôi cứ tưởng hoa tự nở theo kiểu hoa dại. Một lần đi qua hồ Tịnh Tâm trong Thành nội, tôi thấy một đám người dầm mình dưới nước và ăn cơm trưa, cơm được bới thành vắt, đựng trong một cái thúng, nổi trên hồ, và được chuyển đi cũng bởi một người trong bọn họ. Đây là một bữa cơm đặc biệt mà người ta vừa ăn vừa dầm mình dưới nước cho đỡ lạnh. Họ là những người thợ trồng sen. Họ phải lặn xuống hồ, vét hết những dây mơ rễ má còn lại từ mùa sen năm trước, đặt xuống bùn từng tấm rễ sen mới như lát gạch men cho đáy hồ, từ đó sẽ mọc lên một mùa sen nguyên vẹn. Vậy mà lâu nay tôi cứ tin rằng hoa sen chẳng phải trồng, cứ đến mùa lại nở. Tôi nhớ, một người bạn đã cùng tôi đến đứng xem thợ trồng sen năm ấy, nay trở thành thầy giáo dạy văn của một tỉnh nước Pháp. Vừa qua anh ta gửi cho tôi một tấm bưu thiếp, trên đó, anh ta viết một câu thơ rất hay:

Ngày mai nhớ Huế về thăm Huế
Ta lại hong tình trên ngó sen

Qua những dâu bể cuộc đời tưởng là đủ để quên đi tất cả, hoá ra tôi không quên nổi điều gì về trời đất ở Huế. Ôi, chân trời mến yêu của tôi, ở đó có những hoa phượng đỏ thắm và hoa sen thơm nồng; ở đó có những cô gái "sinh ra từ sương mù", đã yêu hết những màu hoa trong thế giới, nhưng họ không quên được màu áo tím học trò dù đấy chỉ là màu của hoa đồng cỏ nội; hơn nữa đấy là quãng thời gian ở đấy mộng đời chưa hề tan vỡ. Và Liên nữa, em cũng đã thuộc về một chân trời khác. Em thấy không, tôi đã không quên điều gì; tôi không bao giờ quên màu áo trắng của em đi dạo dưới trăng. Đêm xưa đâu rồi, trời ơi, áo trắng?

Ai như dáng Liên đi bên trời. Tôi mở to mắt cố nhìn: Mây khói len vào mắt, khiến tôi ngẩn ngơ như gã mất hồn.■

GIẢI PHÁP GIÁO DỤC

HỒ NGỌC ĐẠI

(Tiếp theo kỳ trước)

3. GIẢI PHÁP DỰ ÁN

CỬA mở là một lời mời. Mười lăm năm qua, qua cánh cửa *mở* của ta, khách nước ngoài, kẻ rón rén, người nhanh nhẩu ào vào, mang theo hành lý quen thuộc của mình. Trong số hành lý ấy, có đủ mọi thứ từ cao thượng đến đốn mạt, tuỳ theo chủ nó chân thành hay có ý lừa đảo.

Trước đây, vào nước ta theo lời mời chỉ có thể là bạn bè chí cốt, cùng chung một **lý tưởng**. Họ mang vào những món quà kếch xù, nhưng coi như một nghĩa cử hơn là giá trị trao đổi tính bằng tiền. Còn nay, nhiều người nước ngoài lần đầu tiên được trân trọng mời vào thì họ đòi hỏi phải **có điều kiện rõ ràng**, dưới hình thức các bộ luật và lời mời được dịch ra tiền: tiền vào, tiền lãi, tiền đưa ra, thời hạn, thế chấp... Tất tật mọi thứ ấy đều thể hiện tập trung vào một cái gọi là **dự án.** Cái linh hồn của loại dự án này không còn trú ngụ ở chốn thiêng liêng cao xa, mà ở ngay tại cái hình hài trần thế của đồng tiền và sống theo chu kỳ. Tiền - Dự án - Tiền.

Xin thưa, ngay cả những dự án chân thành nhất và hoàn toàn không vụ lợi, vẫn theo một chu kỳ đó: Tiền - Dự án - Tiền. Chỉ có sự khác nhau về **hình thức** (hình thái, hình hài...): bên kia là đồng tiền khoả thân trơ trẽn, còn trên đây là đồng tiền mặc lễ phục - những thành tựu thu được, kể cả thành tựu tinh thần. Điều có ý nghĩa nhất là các dự án đều phải đem đến **hiệu quả thực tế**, có thể cân đo đong đếm được. Đó là nét tích cực, giá trị cơ bản của dự án. Đó là một cách làm mới, thể hiện sức mạnh của tư duy định hướng cho quá trình thực thi, diễn ra theo một tiến trình tự nhiên. Dưới con mắt lý thuyết, như thế là dự án thực hiện được bước **chuyển từ trừu tượng đến cụ thể**, mà tôi đã từng nghe các nhà biện chứng (Hegel và Marx) nói từ hai thế kỷ trước.

Từ **ý tưởng** đến **thiết kế**, đến **triển khai**, đến **sản phẩm** có thật và tất cả đều có thể giám sát và đánh giá theo các tiêu chí rõ ràng... đúng là một quá trình nghiêm túc, lành mạnh. Với cách làm như thế, có thể tổ chức và kiểm soát được quá trình thực tiễn, nhằm đạt được những kết quả cụ thể, trong một thời hạn cụ thể, thực hiện được một bước tiến lịch sử cụ thể. Nói cách khác, giải pháp dự án là một cách "đổi mới" về **cung cách làm ăn.** Tuy nhiên, mỗi bước tiến lịch sử đều kèm theo một bước lùi nào đó và bất cứ điểm mạnh nào của sự vật cũng chứa sẵn điểm yếu của chính nó.

Vài năm nay, chỗ yếu của dự án bộc lộ dần, đã đến mức hễ nghe nói đến một dự án nào đó, người ta nghĩ ngay đến tính **lương thiện** của nó và cho rằng nhiều người liên quan đến một dự án kết lại thành một **dường dây vụ lợi**, có kẻ chủ mưu mà bà con lột hết mũ mão, chức tước, tuổi tác, bất kể nam nữ, đều gọi tuốt là "thằng". Dự án thoát nước ấy à, dây thằng A. Dự án thay nước Hồ Tây ấy à, dây thằng B. Dự án "Thuỷ cung Thăng Long" ấy à, dây thằng C. Dự án tiểu học ấy à, dây thằng H. Dự án Trung học cơ sở ấy à, dây thằng K. Dự án Đại học ấy à, dây thằng L. Đến như một chủ trương vì lợi ích của dân như "mũ bảo hiểm", người ta cũng gán cho nó một đường dây, ôi dào, dây của thằng M đấy mà! Mới dây, còn nóng sốt, một ý tưởng rất cao đạo là thành lập Viện Hàn lâm thì nhiều người có trình độ khoa học đích thực đều cho rằng đó là ý tưởng của những kẻ vụ lợi, háo danh, đã thất thế chốn quan trường, lại cứ muốn ăn trên ngồi trốc, bèn nghĩ ra mẹo chụp giật này. (Xem tạp chí **Tia sáng**, số 8, 2001, chuyên mục về việc này, có bài của Cao Xuân Hạo, Nguyễn Quang A, Hồ Sĩ Thoảng, Nguyễn Văn Chiến, Hoàng Tụy...)

Vậy nên, bản thân dự án là một giải pháp tích cực, có khả năng đổi mới cung cách làm ăn, nhưng tính **vụ lợi** của những cá nhân ABC... đã làm hoen ố uy tín của dự án và của các cơ quan chủ quản. ■

VỀ TÍNH HIỆN ĐẠI TRONG SÁCH NGỮ VĂN LỚP 6

(Phần truyện cổ dân gian)

HOÀNG THUỶ HƯƠNG

(Tiếp theo kỳ trước)

III : Giải mã văn bản truyện cổ chiếm một vị trí quan trọng trong việc khẳng định Tính hiện đại của phân môn văn học trong sách giáo khoa.

Riêng với sách *Ngữ văn 6*, văn bản Truyện cổ dân gian chiếm tới 20 trên tổng số 35 văn bản văn học, trong đó có những truyện hàng đầu như *Con Rồng cháu Tiên, Bánh chưng bánh giầy, Thánh Gióng, Sơn Tinh Thuỷ Tinh, Thạch Sanh*...

Vấn đề đặt ra là tại sao từ năm này sang năm khác, người ta cứ bình đi bình lại mãi những bài văn ấy (hoặc cứ giải đi giải lại mãi những bài toán ấy), là bởi vì những chân lý phải được kiểm nghiệm; và ở vào những thời điểm khác nhau, nhờ sức mạnh của tri thức, những chân lý luôn luôn được khám phá.

1 - Trong bối cảnh của xã hội hiện đại, việc giải mã Truyện cổ dân gian để tiến tới khẳng định một hằng số giá trị luôn luôn đi cùng với sự đối thoại tích cực với thời đại và chủ thể học tập (ở đây là cả một thế hệ học sinh lớp sáu), đòi hỏi một cách cấp bách khả năng vận dụng tích hợp thành tựu của tri thức hiện đại, cộng với sự hiểu biết sâu sắc những yêu cầu bên trong của tâm hồn và nhân cách con người.

Một cuốn SGK hay là một cuốn sách tạo ra được sự cộng hưởng của sức suy tưởng, trên cơ sở *tình vấn đề* mà một nền giáo dục hiện đại và một thực tại đòi hỏi. Ví dụ như vấn đề nguồn gốc.

Trên thế giới không có một dân tộc nào, một cá nhân nào không có khát vọng đi tìm nguồn gốc của mình. Và đó là một mối quan tâm lớn, một chủ đề tâm lý, một đề tài văn học.

Nguồn gốc là một sức mạnh bí ẩn trong con người. Ý thức về nguồn gốc đánh thức những giá trị hết sức căn bản trong cộng đồng và trong mỗi cá nhân.

Tuy nhiên, sự suy tôn một nguồn gốc thần thoại sẽ trở nên hoang đường nếu ta không chỉ ra được mối quan hệ máu thịt giữa huyền thoại và lịch sử, và không nhìn huyền thoại từ một hệ quy chiếu từ thực tại. Lý giải truyền thuyết *Lạc Long và Âu Cơ - Con Rồng cháu Tiên* bằng hiện thực định cư của người Việt cổ sẽ đạt được một tri tức về *tôtem*, có thể *đọc* được biểu tượng trên Trống Đồng, và sẽ nối được cánh diều của huyền thoại với thực tại.

Rất có thể những cư dân xa xưa của vùng Biển đã bắt gặp những con Rồng (hay Rắn) biển thật sự, đã mang theo trong ký ức hình tượng huyền bí về chúng, và theo họ, nhất định chúng đã là những *vật thiêng* - những linh thần mạnh nhất của biển. Khuất phục, thờ phụng, làm cho giống (xăm lên mình hình rồng, rắn), nhận làm *Cha* để được bảo tồn, được che chở, thắng hoặc chống lại, khuất phục lại như chặt đứt Bạch Long Vĩ. v.v... Những hành động và những nét tâm lý đó đều nảy sinh từ hiện thực sống và từ những nhu cầu thiết yếu và thiêng liêng của tồn tại. Và có lẽ chính những cảm thức huyền hoặc mơ hồ đó đã trở thành nguồn cội của nhưng huyền thoại về *Rồng*. Trong cảm nhận của người Việt định cư trên núi, chim Lạc hẳn đẹp nhất : bay cao và có tiếng cánh vỗ trong nhất; là biểu tượng của con chim thần thoại, là hiện thân thanh thoát của *Tiên*. Do thế mà một tín ngưỡng đã hình thành cùng với việc nhận *Mẹ Tiên* làm nguồn gốc xinh đẹp cao quý của mình.

Truyền thuyết gắn với lịch sử, liên quan tới lịch sử - SGK chú thích. Nhưng lịch sử là gì chưa được chú thích. Vậy lịch sử là gì ? Phải chăng *lịch sử là sự cứu mang sự kiện trong thời gian ?* Một quan niệm như thế có thể xem định cư như sự kiện khởi đầu một lịch sử bộ tộc (hoặc dân tộc). Trong truyền thuyết Rồng - Tiên, sự thống nhất, sự hợp nhất bộ tộc được biểu tượng bằng mối tình Lạc Long Quân - Âu Cơ, tức người con trai của bộ tộc này lấy người con gái của bộ tộc kia; và sự sinh nở cùng lúc một trăm người con trai - người lao động chính, người chiến binh hùng mạnh từ bọc trăm trứng là một khát vọng và đồng thời là một yêu cầu mạnh mẽ về mặt *dân số* vốn dĩ vẫn còn thưa thớt ở thời Việt cổ.

Tương tự, khi ta gặp thần thoại về những hạt bầu và những chiếc răng rồng - những bí ẩn của nguồn gốc và của sự sinh nở tuy được thần linh hoá nhưng vẫn hiện hữu một cách chất phác như thực tại gieo vãi và trồng trọt. Cũng vậy, *bọc trăm trứng* - bọc thần - vừa gợi nên một hình tượng kỳ ảo, vừa là kết quả của một quan sát thuần tuý hình ảnh của tự nhiên hoang dã : bọc rắn (bọc rồng) nở rất nhiều con ! Ví dụ trên cho thấy, nếu nhìn thần thoại... từ một hệ quy chiếu từ thực tại, sẽ thấy thần thoại..., nhờ vào một trực giác ngây thơ hồn nhiên, vốn là một mặt của bản chất ấu thơ của nhân loại thời cổ đại, và nhờ vào tưởng tượng, mà trở nên đẹp vô cùng, bởi thần thoại... là sự phóng trục cái hình hài và bản sắc tinh thần từ thực tại.

Đặt vấn đề để người học hiểu cho chắc thực tại đó (nhờ việc hội tụ những tri thức của sinh học và Phonklore), là một cách chỉ ra *tính có lý* của hệ suy tưởng thần thoại cũng như cơ chế của tưởng tượng này xuyên qua vẻ huyền hoặc hoang đường. Với cách giải mã để đi tìm một vẻ đẹp - chúng ta được một huyền thoại. Còn với cách thứ hai - giải mã để tìm một vẻ đẹp và một thực tại - chúng ta được một huyền thoại và một lịch sử. Phương pháp này không mới, song nó đã không được xuất hiện như một phương pháp, và đang được làm cho sâu sắc hơn trong cách đặt vấn đề của SGK.

Từ đây sẽ hình dung ra cái nền thiếu hụt trong tri thức của học sinh lớp 6 - thiếu một tưởng tượng lãng mạn đã đành (bệnh của thời đại), song còn thiếu hơn một phương cách để giữ cho tưởng tượng đó có một giá trị, một lợi ích thực sự trong cuộc sống hiện đại (1).

Nhưng một khi ta đã giữ lại được một lợi ích, một giá trị thực sự như thế rồi, thì không có lẽ nào, một tượng lai và một niềm say mê mang đậm ý vị của một nỗi băn khoăn triết học của con người hiện đại đối với nguồn gốc và với bản thể của chính mình lại không hiện ra với một màu sắc mới :

Con người từ đâu sinh ra ?
Con người từ đâu tới ?
Và con người sẽ đi về đâu ?

Và khi ấy, không có lẽ nào *Biển* và *Rừng* lại không trở lại với vẻ đẹp cổ xưa trong ý nghĩa là cái nôi sinh ra nòi giống *Tiên Rồng*, những con người và dòng tộc được định cư đời đời trên đất đai rừng biển và có một nguồn gốc đẹp đẽ, cao quý và hùng mạnh như thần linh. Và cũng như những huyền thoại đẹp nhất, truyền thuyết *Rồng Tiên* một khi được diễn giải, không nhằm chỉ đi tới một tri thức về truyền thuyết; nó cần phải được dùng như để đạt được một *sự thăng hoa trong ảo vọng*, và để tạo ra được một tinh thần lãng mạn cần thiết giúp con người đi ra ngoài cái tôi hữu hạn và tìm thấy bản thể mình lớn hơn trong tưởng tượng.

Ví dụ trên cho thấy nếu như ta hiện đại hoá một số vấn đề (dưới dạng thức câu hỏi hoặc nêu vấn đề, hoặc giải mã) trong các SGK (2), ta sẽ hiện đại hoá được khâu đầu tiên của quá trình dạy học.

(Còn nữa)

---

(1) Vì có thể từ TCDG mà đi vào khảo cổ học, sinh học, ngôn ngữ học, lịch sử và phong tục v.v...
(2) Hiện SGK Ngữ văn 6 đang thí điểm và sách giáo viên đang được soạn thảo và chỉnh lý.
** Những ví dụ quá tải - Phụ lục.*

BIẾT ĐẾN ĐÂU NÓI ĐẾN ĐẤY

GIA ĐÌNH

PHAN QUANG

NHÀ nước ta vừa quyết định hàng năm có Ngày gia đình. Một ý tưởng hay, cho dù không phải mới.

Ở nhiều nước phương Tây hàng năm có Ngày của mẹ, Ngày của bố. Nhưng xem ra dường như Ngày của thánh Valentin (Ngày tình yêu) là có phần sôi động hơn. Trong nền kinh tế thị trường, người ta tính hiệu quả của lễ, tết bằng lượng hàng hoá được tiêu thụ. Chẳng hạn Lễ Chúa giáng sinh được coi là lễ trọng nhất trong năm. Đây là dịp những người thân gửi thiếp, quà mừng nhau. Với sự phát triển của thương mại điện tử, chẳng cần phải "quá bộ" đến cửa hiệu ở góc phố mua tặng phẩm. Người ta có thể ngồi ở nhà qua Internet chọn quà, mua quà, gửi quà cho những ai mình cần gửi. Cho dù họ ở xa xôi hẻo lánh đến mấy, quà đến trước giờ Chúa Hài đồng chào đời trong máng cỏ. Noel là ngày vui chính đáng của mọi người, nhất là trẻ em và người già. Càng là ngày vui của các tập đoàn thương mại kinh doanh quà tặng. Sau Giáng sinh mới đến các lễ hội khác. Thì ra kinh tế thị trường càng phát triển, tình cảm con người cũng có cấp độ và càng được cân đong đo đếm chuẩn xác.

Một ngày chủ nhật ở một thành phố Châu Âu, tôi đến bắt chuyện một bà già đang lim dim suối nắng.

- Ôi, con gái tôi quý tôi lắm. Tuần nào cháu cũng gọi điện hỏi thăm - bà xởi lởi.

- Cô ấy có năng đến thăm bà không?

- Không, nhiều năm rồi tôi không gặp cháu. Cháu bận lắm. Nhưng Noel nào cháu cũng có gửi quà. Và có kèm cả ảnh lũ trẻ con nữa chứ. Thật tuyệt vời.

Hỏi tỉ mẩn hơn, tôi biết cô con gái bà ăn nên làm ra, có nhà riêng cách nhà mẹ chừng một giờ xe hơi. Chưa bằng một phần tư quãng đường cô lái xe đến nơi nghỉ cuối tuần, mà thứ sáu nào chưa tan tầm sáng cô cũng đã xăm xăm chuyện lên đường.

Gia đình truyền thống ở phương Tây tan rã. Đó không phải là lời tiên đoán mà là sự xác nhận. Xác nhận bởi xã hội, rồi bởi luật pháp. Hoặc ngược lại. Khi xã hội và pháp luật thừa nhận nam nữ sống với nhau sinh con đẻ cái chẳng cần hôn thú, gia đình hai thành viên (mẹ và con hoặc cha và con) được Nhà nước ưu ái cho những khoản trợ cấp lớn, khi đàn ông sống với đàn ông, đàn bà ngủ với đàn bà cũng được chính thức làm lễ thành hôn, thì ai còn hơi đâu nghĩ đến ông bà cụ kỵ nội ngoại!

Mọi người đều nói gia đình là tế bào của xã hội. Vậy thì khi các mô tế bào bắt đầu có hiện tượng phát triển lộn xộn, cần dè chừng ngay cái gì sẽ xảy ra tiếp. Khi tế bào không còn có sức miễn nhiễm, căn bệnh nan y bắt đầu rồi đó.

•

KỲ họp thông qua Luật hôn nhân và gia đình (mới) cách đây chưa lâu, Quốc hội ta đã để khá nhiều thì giờ thảo luận các điều khoản, làm sao xây dựng được gia đình truyền thống Việt Nam trong một xã hội đang tiến lên hiện đại. Gia đình truyền thống mà chúng ta quan niệm là gia đình ba thế hệ: cha mẹ, con cái, ông bà - trong đó cha mẹ là hạt nhân, là chủ thể, tức là những người có nghĩa vụ chính trong gia đình và đối với xã hội. Dĩ nhiên ông bà có thể có nhiều con và chỉ sống với một người. Thỉnh thoảng anh em gặp nhau trong bữa cơm gia đình dưới sự "chủ trì" của ông bà. Có việc lớn thì họp lại cùng bàn bạc. Mọi người quan tâm đến nhau. Vừa dân chủ, vừa có trên có dưới, phù hợp với truyền thống gia đình và xã hội Việt Nam. Giữ được cái đó là giữ được cốt cách và bản lĩnh dân tộc ta.

Riêng tôi trước sau vẫn tin tưởng rằng quan điểm trên là chuẩn xác. Tuy nhiên, nên chăng nói Gia đình và Hôn nhân. Bởi Gia đình là thực thể xã hội phát triển đời đời. Còn Hôn nhân (ở đây là sự hợp thức hoá hôn nhân bằng luật pháp) là thể thức có thể đổi thay tuỳ theo chế độ chính trị.

Để tránh hiểu lầm, xin được nói ngay người viết mấy dòng này tuyệt nhiên không đồng tình với quan niệm gia đình ngoài hôn thú. Dù sao, chúng ta đã bước vào thế kỷ XXI. Cơn lũ toàn cầu hoá đang đổ xuống băng băng. Mà các hiện tượng xã hội, vô luận tự phát hoặc chịu tác động ngoại lai, tự chúng có sức mạnh ghê gớm. Không thể ngăn chặn một cách thô bạo mà chỉ có thể lái chúng đi gần với hướng mà ta mong muốn. Rồi đây sẽ không tránh khỏi ngày càng có nhiều gia đình không truyền thống. Vấn đề, do đó, là cần có tầm nhìn xa để nghiên cứu, chuẩn bị chính sách và giải pháp lâu dài.

•

MỘT vấn đề nữa từ đó đặt ra là, làm sao mong có nền giáo dục gia đình hoàn chỉnh nếu bản thân gia đình chưa hoàn chỉnh? Ai cũng nói gia đình là tế bào của xã hội. Cuộc sống lành mạnh của tế bào không tách khỏi môi trường lành mạnh. Nói cách khác, việc xây dựng gia đình và giáo dục tốt trẻ em là cực kỳ quan trọng, song nó phải được gắn liền với xây dựng xã hội, nhất là gắn với việc tổ chức tốt đời sống xã hội ở cơ sở.■

18-7-01

Những người không có vân tay

Ghi chép của ĐẶNG TIẾN ĐỨC

LẠ ĐÂU rồi, một cán bộ văn phòng Huyện uỷ Trà Cú tiết lộ cho tôi biết ở địa phương anh, nhiều người không có vân tay. Tưởng nói chơi nhưng hoá ra là sự thật. Hầu hết những người làm nghề đươn đát (đan lát) lâu năm, nhất là những người chuyên vót nan, trên đầu ngón trỏ (trái hoặc phải) không có vân tay. Nó láng trơn, không còn một cái xoắn ốc do bị chai mòn, bị hoại. Họ không thể "điểm chỉ" nên việc làm thẻ chứng minh nhân dân thật khó khăn.

Khó biết bao nhiêu người không có vân tay. Chỉ biết ở xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh hiện nay có khoảng 600 hộ với hơn 2000 người làm nghề đươn đát. Đây là một trong những làng nghề truyền thống có quy mô lớn nhất trong tỉnh.

Các cụ lão ở địa phương cho biết làng nghề này đã được hình thành cách nay trên dưới trăm năm. Nhiều gia đình làm nghề đươn đát đã ba, bốn đời, kể từ khi ông bà họ bắt đầu đến đây sinh cơ, lập nghiệp.

"Cùng nghề đươn thúng, tùng nghề đươn nia". Thành ngữ này có phần nào đúng với hiện trạng làng nghề ở xã Đại An. Đa phần các hộ đươn đát đều không có đất sản xuất. Diện tích đất nông nghiệp toàn xã là 934,8 héc-ta nhưng có đến 10.103 nhân khẩu. Bình quân một đầu người không được một công đất canh tác. Đó là tính chung 8 ấp trong xã. Riêng 2 ấp Giồng Đình và Mé Rạch E, nơi tập trung các hộ đươn đát thì con số bình quân còn thấp hơn nhiều. Không ít hộ thuộc diện *"trắng"*.

Chúng tôi đến làng nghề đươn đát vào giữa tháng tám. Mưa dầm. Ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới đâu đó ở miền ngoài vẫn chưa dứt.

Làng nghề phân ra làm nhiều xóm. Dân địa phương quen gọi là *"chòm"*. Mỗi chòm độ mươi căn nhà gần kề nhau, đươn cùng một loại sản phẩm. Trong ấp Giồng Đình có những chòm đươn xà đi, xà ngôm, cà nả, cần xé tàu... Ở ấp Mé Rạch E có những chòm đươn rổ, ki, nia, sàng, dừng... Đươn thúng thì tập trung ở ấp Cây Da, Giồng Lớn. Chòm nghề phân bố tự nhiên, không phải do quy hoạch. Người ta xích lại gần nhau qua sự đồng tình, đồng cảm trong công việc.

Vào những ngày này làng nghề khốn đốn vì hàng hoá làm ra không ai thu mua, giá cả tuột xuống như tuột dốc. Đã thế năng suất lại thấp, do ảnh hưởng thời tiết. Hạt mưa là niềm vui của nhà nông nhưng lại là nỗi lo của làng nghề.

Bà Lâm Thị Gấm, gánh hàng từ chợ Trà Kha trở về, nói trong hơi thở hổn hển:

- Bữa nay ra chợ ngồi ngó với nhau rồi ngó trời. Không bán được gì cả!

Vừa nói bà vừa tháo gióng. Bốn cây (bốn mươi cái) xà đi cổ ngắn buộc dính chùm ở hai đầu gánh vẫn còn nguyên, đặt xuống đất, nó xoè ra kín cả ngạch cửa.

Xà đi có hai loại: cổ ngắn và cổ dài dùng để đặt cá bống và tép muối. Giá cả rẻ mạt, từ bốn ngàn đến sáu ngàn đồng một chục. Tiền trúc khoảng ba ngàn đồng. Tính ra, giá vật tư khoảng ba trăm đồng một cái và tiền công cũng tương ứng, thấp hơn một chút. Một người chỉ có thể đươn được 15 cái xà đi trong ngày là cùng. Một ngày công lao động, từ sáng đến tối, trị giá khoảng năm ngàn, sáu ngàn đồng.

Những người thợ thủ công ở làng — *Ảnh: TÔ THANH KHỞI*

Tôi cầm một cái xà đi lên ngắm nghía. Những vòng nan mảnh mai đươn *"long mốt, long hai"* xếp liền kín nhau thật công phu. Thế nhưng, tiền công chỉ độ ba trăm đồng, không bằng một điếu thuốc lá Sài Gòn xanh, thật khó hiểu. Bỗng nhiên tôi lại nhớ đến những bữa tiệc, những tờ vé số và những đồng tiền mà nhiều người ở thành thị đã phung phí. Có bao giờ người ta chịu so sánh với một chiếc xà đi?

Gia đình chị Sa Rinh đươn cần xé tàu. Một cái cần xé có bề hoành một thước, cao hơn ba tấc, giá hiện nay là 6.500 đồng một cặp. Tiền vật tư khoảng 5.000 đồng. Lúc đông ken còn phải nhờ người phụ vót nan, trả thù lao cho họ. *"Làm không có lời, bù qua chế lại, còn kiếm được chút đỉnh"*.

"Chút đỉnh" là năm, bảy trăm đồng tiền công đươn một cái cần xé. Bốn mẹ con đươn một ngày mười cặp, vị chi thu nhập khoảng mười ngàn, mười hai ngàn đồng. Đủ để mua mắm muối và đong gạo.

Gia đình ông Dương Nhựt trước đây đươn xà ngôm. Xà ngôm cỡ lớn mười lăm ngàn hiện nay rớt xuống còn tám ngàn đồng một cặp. Tiền trúc bảy ngàn, bảy ngàn rưỡi lại còn tiền dây chỉ bện hơm. Tính ra lỗ. Buộc phải chuyển sang đươn cần xé tàu. Ba cha con của ông làm ngày, làm đêm không dám ngơi tay nhưng cũng phải ăn gói, mặc ghém mới đủ.

- Chúng tôi làm cầm hơi để chờ giá. Ở đây, không đươn đát thì biết làm gì bây giờ?

Ông Nhựt thở ra. Đúng là không dễ gì kiếm việc làm. tháng này trai tráng ở Đại An phải đổ ra cù lao Cồng Cộc, bên kia sông Hậu để sênh mương (vét mương) ăn công nhật hoặc tay leng tay cuốc vun liếp mía kiếm cơm qua ngày. Đi làm thuê nhưng nói cho văn vẻ là đi *"lao động thời vụ"*!

Còn dân không thể đi làm xa, bao gồm người già, phụ nữ và trẻ em thì phải bán nghề. Cái nghề lâu dần trở thành cái nghiệp. Nhìn sợi nan, bó trúc, thấy bầu trời hửng nắng như có cái gì đó thôi thúc buộc phải làm, cho dù hàng hoá đang ứ đọng. Tập quán, thói quen sản xuất. Cái nghề *"cùng"* không ai muốn *"truyền tử, lưu tôn"* nhưng sợi nan, nuộc lạt nó cứ cuộn vào người ngay từ thuở nằm nôi. Lớn lên ở làng nghề mà không biết đươn đát thì kể như con rơi, kể như mù chữ.

Cô Lâm Thị Kim Oanh, thư ký Đảng uỷ xã, dáng vẻ dịu dàng nhưng cũng là một thành viên trong làng nghề. Kim Oanh đươn cà nả, những ngón tay búp măng lẩy nan thoăn thoắt.

Tìm hiểu thêm về làng nghề, còn có những thực trạng mà chúng tôi không thể không lưu ý. Đó là làng nghề không nằm trên vùng nguyên liệu. Nguyên liệu chủ yếu là trúc, ở địa phương không có, nói đúng hơn là không đủ cung ứng. Ghe buôn phải sang tận Cà Mau, Bạc Liêu chở trúc đổ về. Chủ vựa đứng ra phân phối bằng hình thức bán trả chậm, trả góp. Trúc rẻ, bán tính theo mớ, theo vác. Một mớ, một vác bó từ 50-70 cây, tuỳ theo trúc lớn, nhỏ giá từ 12.000-15.000 đồng. Vậy mà không ai đủ tiền mặt để mua. Trên 90% hộ đươn đát ở làng nghề là con nợ lưu lai của các chủ vựa.

Không chỉ là con nợ lưu lai của các chủ vựa mà còn là con nợ quá hạn của Nhà nước. Dự án hỗ trợ làng nghề ở ấp Giồng Đình năm 2000 đầu tư cho 73 hộ, tổng số vốn 73 triệu, không khả năng thanh toán buộc phải giải quyết bằng hình thức tái đầu tư vào năm 2001.

Một thực tế khác: Sản phẩm của làng nghề đươn đát Đại An gần như rải khắp vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long thông qua những người buôn đường dài. Thế nhưng làng nghề lại cứ thu hẹp và giá cả luôn bị rút ngắn một phần vì tư thương áp chế, phần nữa là vì nguồn cá tự nhiên bỗng dưng cạn kiệt hẳn trong khi người nuôi cá bè cá ao, cá siêu thịt phát triển rầm rầm.

Theo nhận định của anh Trần Văn Kêu, Chủ tịch xã Đại An thì vấn đề sống còn của làng nghề hiện nay là đầu ra, là thị trường tiêu thụ. Mặt khác, việc cải tiến kỹ thuật, mẫu mã đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng cũng không kém phần quan trọng. Nhưng ai lo cho dân làng nghề mẫu mã và đầu ra trong khi họ vẫn cứ lẩn quẩn, tối tăm và cùng túng?

Tuy nhiên, đây lại là một bài toán khó: thị trường tự do, không có tình trạng bao tiêu sản phẩm, mặt hàng chính của làng nghề là nông ngư cụ và đồ gia dụng sản xuất theo phong cách cổ truyền, đã định hình nhất thời khó có thể thay đổi.

Năm ngoái, nằm trong kế hoạch phát triển làng nghề, một công ty nào đó đưa mẫu hàng thủ công mỹ nghệ yêu cầu sản xuất nhưng không kết quả. Nhắc chuyện này, tôi lại nhớ đến những vân tay. Một quyển sách khảo cứu về nhân dạng trước đây mà tôi đã đọc qua cho rằng những người có vân tay hình trôn ốc, xoáy tròn từ ngoài vô trong một cách đều đặn là những người có năng khiếu về nghệ thuật. Những người đươn đát lâu năm, như đã nói ngay từ đầu, không có vân tay. *Nghề thuật không nằm trên mấy đầu ngón tay mà nằm trong bộ óc và ở tấm lòng.* Nét đẹp của làng nghề là nét đẹp truyền thống, và lâu dần, thế hệ này rồi thế hệ khác nó thành cốt cách, thành máu thịt, thành nghiệp chứ không chỉ là nghề.

Đi bên những bờ tre, trên những giồng cát, hoà mình với những con người cặm cụi làm việc, tôi thấy lòng mình lắng lại. Khung cảnh ở đây thật là yên bình. Tôi chợt hiểu ra cái chiều sâu của làng nghề. Thực tế họ không chỉ làm ra của cải vật chất cho xã hội mà còn cho cuộc sống cái gì đó như là hương vị, là những hình ảnh rất đẹp của sự kiên nhẫn và căn cơ.■

Trà Vinh, ngày 15 tháng 8 năm 2001

NHÀ THƠ ĐỖ TRUNG QUÂN: TỪ TRƯỚC TỚI NAY, TÔI CHƯA BAO GIỜ TUYỂN CHỌN MỘT TẬP THƠ NÀO HẾT!

Báo *Văn nghệ* số 33 ra ngày 18-8-2001 vừa qua, trong mục *Hộp thư quyền tác giả* có bài viết **ABC về tác quyền** của tác giả Hoàng Minh Tường, trong đó có nêu lên một chi tiết về tập thơ *Thơ tình học trò* khổ mini của Nxb *Đồng Nai*, do Đỗ Trung Quân và Nam Tuấn tuyển chọn, không biếu sách, không nhắn tin cho tác giả (tất nhiên là cũng không nhuận bút). Từ Thành phố Hồ Chí Minh, nhà thơ Đỗ Trung Quân cho biết trước hết ông rất cảm ơn tác giả Hoàng Minh Tường và báo *Văn nghệ* đã nêu lên một hiện tượng đáng phê phán trong giới xuất bản hiện nay. Nhưng ông cũng cho biết là ngay bản thân ông, khi đọc bài viết này mới biết là mình có tên trong số những người tuyển chọn tập thơ này của Nxb *Đồng Nai*! Nhà thơ Đỗ Trung Quân cho biết từ trước tới nay, ông chưa hề bao giờ đứng tên tuyển chọn một tập thơ nào hết và bởi vậy, việc có tên ông là một trong hai người tuyển chọn tập *Thơ tình học trò* này có lẽ hoàn toàn do Nxb *Đồng Nai* tự ý đưa vào, cũng không xin phép ông và tất nhiên, không hề báo cho ông biết! Bởi vậy, nhà thơ Đỗ Trung Quân xin được nói rõ để tránh mọi sự hiểu nhầm và một lần nữa cảm ơn báo *Văn nghệ* cũng như tác giả Hoàng Minh Tường về bài viết nêu trên.

Như vậy, câu trả lời thuộc về phía Nxb *Đồng Nai* và những người tổ chức làm cuốn sách nêu trên.■

TIỂU THUYẾT...

(Tiếp theo trang 3)

năm 1994, một lần nữa đạt thành tựu cao trong thể loại tiểu thuyết. *Đời thường* là di cảo còn lại khi tác giả đã mất, đó là bản thảo viết trên những trang vở học trò, trên những trang giấy một mặt, qua sự giữ gìn cẩn thận của vợ anh, chị Nguyễn Thị Minh Tuất và được sự săn sóc tỉ mỉ chu đáo trong tình đồng chí đồng đội đẹp đẽ của các nhà văn, đã được Nxb *Quân đội Nhân dân* ấn hành đầu năm 2001.

Một người lính từ chiến trận trở về với đời thường, Thân, nhân vật trung tâm của cuốn tiểu thuyết, là tâm điểm của bao vòng sóng ba động dữ dội giữa cuộc đời hôm nay, từ gia đình đến bạn bè, xã hội, âm thầm và vô cùng quyết liệt. Sống giữa cái bề bộn, đa sự của cuộc đời, chịu đựng, đối phó, chống trả, đã có lúc Thân rơi vào vòng hoang sợ, kinh hãi, nghi ngờ cả chính bản thân mình. Không né tránh sự thật phũ phàng, tàn nhẫn, cuốn tiểu thuyết là những trang đời được miêu tả bằng một ngòi bút hiện thực nghiêm nhặt, tinh tế, nhưng trên hết vẫn là vẻ sáng tươi, cao đẹp của một nhân cách chiến sĩ giàu có nội tâm, tự trọng và đầy nghị lực.

Nhân vật ở đây được đẩy tới chiều kích cần thiết. Thủ pháp lợi hại như độc thoại bên trong, vẫn thường gọi là sự thần tình của thể loại, tạo nên sự tự nhận thức của nhân vật đã được sử dụng một cách khá nhuần nhuỵ. Tiểu thuyết có nhiều yếu tố tự truyện được viết một cách tâm huyết chân thật, hết mình; tác giả đặc biệt thành công trong nghệ thuật dựng lại cảnh sắc hiện thực và miêu tả những uẩn khúc bên trong của con người và cuộc sống, những trang viết giàu suy tưởng đã tạo nên sức sống mạnh mẽ và sức cuốn hút sâu thẳm của tác phẩm.

Hồ Quý Ly là tiểu thuyết lịch sử của nhà văn Nguyễn Xuân Khánh, dày 850 trang, được Hội đồng Chung khảo nhất trí đánh giá cao với số phiếu tuyệt đối. Với tác phẩm dầy dặn này, nhà văn đã làm sống lại một thời kỳ lịch sử giàu chất bi hùng vào bậc nhất ở cuối thời Trần nước ta, khi Hồ Quý Ly nổi lên như một nhân vật có tầm vóc lớn, một nhân vật trung tâm có ý nghĩa quyết định với sự phát triển của lịch sử dân tộc.

Chỉ nói những điều gì chưa nói ra và luôn luôn tìm kiếm một hình thức tự sự mới, tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* tôn trọng hai điều luật quan trọng đó của nhà tiểu thuyết tài năng. Vấn đề không phải là săn đuổi sự kiện mà là lý giải sự kiện với nghệ thuật và nhân sinh, không phải là sự bùng nổ thông tin, mà sự sáng tỏ những gì ẩn khuất bên trong sự vật. Hồ Quý Ly được xây dựng thành một nhân vật sống động, mạnh mẽ, chân thật từ bản ngã, với cái phẩm chất đặc sắc, luôn ở thế giằng co, trong sự đa đoan của các mối quan hệ, và như vậy có cái gì đó như là khó hiểu, so với hệ diễn giải thông thường, nhưng thật sự là một thành công của tác giả trong nghệ thuật xây dựng nhân vật.

Cạnh những trang viết mang tính thông điệp lịch sử để làm rõ bối cảnh, là những trang viết thành công đặc biệt, mang dấu vết cách tân hiện đại trong miêu tả quá trình tâm lý các nhân vật.

Với *Hồ Quý Ly*, nhà văn Nguyễn Xuân Khánh đã góp phần nâng vị thế của tiểu thuyết lịch sử lên một tầm cao mới. Lịch sử đã trở thành tiểu thuyết nhờ xúc cảm thẩm mỹ của chủ thể. Và do vậy, trở nên dồi dào sự sống và sức cuốn hút.

Nếu như *Hồ Quý Ly* là tiểu thuyết về một nhân vật trong một thời kỳ, trong bước thăng trầm của lịch sử, với tất cả sự nhiễu tạp của thế sự, một bức tranh bề bộn và hoành tráng mang tính sử thi, thì *Lạc rừng* của nhà văn Trung Trung Đỉnh là tiểu thuyết về một nhân vật bình thường trong một tình huống đặc biệt, một bức hoạ nho nhỏ, có đường nét thanh nhã nhưng không kém phần độc đáo, hấp dẫn. Một anh bộ đội mười tám tuổi, mới từ Bắc vào Nam, chưa từng trải, còn ngỡ ngàng trước cuộc sống và chiến tranh bị lạc đội ngũ, lạc vào rừng, lạc vào một buôn nhỏ người Bana, những người du kích đang đánh Mỹ, đang sống như kiểu du mục. Câu chuyện có những tình tiết lạ. Và sức hút của tiểu thuyết chính là từ cốt truyện đặc sắc này. Anh bộ đội phải tìm mọi cách để làm quen với môi trường mới, để hiểu, để cảm, để khám phá và quan trọng, để khắc phục sự lạc lõng của anh, để chứng minh lòng yêu nước của mình, để hoà nhập với một cộng đồng còn xa lạ với anh về nhiều phương diện, để trở thành một thành viên của tập thể những người đang đánh giặc ở đây.

Cái hay của chuyện thuộc về tâm tình, tâm trạng của nhân vật bộ đội, ở sự ngây thơ, hồn nhiên, ở cách sống thật thà, không hề giấu giếm của anh. Chính là nhờ nó mà anh tìm được sự hài hoà, sự chấp nhận, sự thông cảm, đồng cảm của người khác - và đó sẽ là một cách sống, trên cơ tầng một nền văn hoá nhân văn, mà kẻ khác, ở đây là người tù binh Mỹ tên Konlơ không thể có được. *Lạc rừng* được viết bằng một chất giọng trần thuật trầm tĩnh dung dị và chân thành.

Hội đồng Chung khảo cũng đã bằng phiếu kín quyết định **Tặng thưởng** những cuốn tiểu thuyết đã từng có mặt ưu điểm trội bật, hoặc vì đề tài đặc sắc, hiếm có, hoặc về cảm hứng nhân văn đặc biệt dồi dào, hoặc về giọng văn, ngôn ngữ nhân vật độc đáo, hoặc mang không khí một thời đoạn lịch sử, hoặc giàu chất liệu đời sống mới mẻ hôm nay đáng được khích lệ biểu dương. Đó là: Các tiểu thuyết *Con ngựa Mãn Châu* của **Nguyễn Quang Thân**, *Cạnh năm* của **Lê Thành Chơn**, *Cuộc đời về cuối* của **Học Phi**, *Thăng Long ký* của **Nguyễn Khắc Phục**, *Mười trăm năm* của **Mường Mán**, *Định mệnh* của **Nguyễn Ngọc Liễn**, *Phố công trường* của **Trần Chinh Vũ**, *Cõi thực* của **Nguyễn Hữu**, *Những tháng ngày lang bạt* của **Tô Đức Chiêu**, *Ba lần và một lần* của **Chu Lai** và *Gặp ghềnh* của **Hoàng Ngọc Hà**.

Tuy nhiên cuộc thi như trên kia đã nói, là sự vận động phản ánh tính tích cực chủ động trong hoạt động nghệ thuật và không chỉ là nghệ thuật của chúng ta. Chúng ta đã cố gắng tạo nên một tác động thúc đẩy, chúng ta đã làm được một công cuộc khơi nguồn và do vậy, cuộc thi có ý nghĩa mở đầu, kêu gọi. Tiểu thuyết, quả nhiên là một năng lực đang ở thế tiềm ẩn của các nhà văn chúng ta. Tiểu thuyết là một tiềm năng cần được khơi nguồn. Nó vẫn là một dòng chảy liên tục với thời gian. Và nếu, cuộc thi này chưa có được nhiều thành tựu có tính bứt phá, đột khởi, gây bất ngờ, thì nó cũng cho ta thấy một diện mạo, một sắc diện của thể loại ở thời đoạn này. 238 bản thảo tham dự cuộc thi. 56 tác phẩm lọt vào vòng Chung khảo. Nhiều cuốn đã được in ấn, phát hành và có tiếng vang sâu rộng trong dư luận bạn đọc. Tiểu thuyết là thể loại đang thu hút công sức, tâm huyết đầu tư lớn của nhiều nhà văn, qua cuộc thi đã tạo được ấn tượng, chúng tỏ có nền móng vững chắc, đang vận động đi tới đích hoàn thiện xuất sắc của nó.

Tuy nhiên, thành tựu của cuộc thi và nỗi lo âu về sự bất cập của cuộc thi thông thường vẫn là cảm giác song trùng thông lệ. Và tuy ước ao bao giờ cũng có một khoảng cách với thực tế, chúng ta cũng phải nhận ra những mặt non yếu còn tồn tại thể hiện ở cuộc thi này.

Tiểu thuyết vẫn đang là một thể loại được bạn đọc mong chờ và hy vọng. Nhưng, tiểu thuyết ở thời kỳ này muốn tỏ ra có sức mạnh lay động tâm hồn độc giả thì nó tuyệt không thể là một loại hình văn xuôi trường thiên dựa trên sự kể lể các sự kiện đơn thuần, thiếu hẳn niềm suy tưởng, nguồn cảm hứng mãnh liệt của chủ thể sáng tạo. Bạn đọc ngày nay hiển nhiên là không thể chấp nhận những tiểu thuyết có cốt truyện na ná nhau, những kiểu kết cấu nhân vật, cách diễn đạt đã quá quen nhàm, chưa đọc đã biết hết câu chuyện, thể hiện một lối viết quen tay và lối tư duy sơ lược. Phản ánh hiện thực trong sự xét đoán thẩm mỹ là chức phận quan trọng của tác phẩm văn học. Thoát ra khỏi khuôn sáo trong cách cảm, cách nghĩ, vượt ra khỏi sự tầm thường, đơn điệu, tiểu thuyết đang đòi hỏi được truyền cảm bằng những cảm xúc cao thượng, đẹp đẽ thể hiện ở những nhân vật được xây dựng trong khuynh hướng thẩm mỹ lớn cũng là một yêu cầu thiết tha nữa của thể loại. Văn học đương đại không thể thiếu một nền tảng tiểu thuyết, nhất là tiểu thuyết hay. Càng không thể thiếu tiểu thuyết viết lấy đề tài từ cuộc sống hôm nay. Lớp tiểu thuyết gia tham dự cuộc thi này đa phần mới chỉ thông thuộc cuộc sống hôm qua. Còn rất vắng bóng tiểu thuyết viết về cuộc sống đương đại. Càng thưa vắng hơn các tác giả trẻ, ở các độ tuổi 30, 40 trong đội ngũ các cây bút tham gia cuộc thi. Vì sao thế? Vì còn chưa đủ độ từng trải, sự tích luỹ, sự kết tinh, độ lùi? Còn mải mê với các thể loại ngắn? Còn rụt rè, dè dặt, thiếu tự tin? Hay còn đang e ngại về một sự cách tân không được đón nhận, do sự thiếu cởi mở, không thoả đáng của người đọc, sự giám định?

Khai phá một lĩnh vực cuộc sống, một lĩnh vực tâm hồn còn chưa được biết tới, chưa được nói tới. Sáng tạo, đổi mới hình thức biểu đạt điều khai phá trên đây. Làm cho hai phương diện đó không tách rời nhau, đó là con đường phát triển tất yếu của tiểu thuyết hôm nay. Tiểu thuyết, nghệ thuật khám phá cuộc sống, một dòng chảy liên tục soi bóng, lưu giữ hình ảnh cuộc sống, một nghệ thuật hàm súc của ngôn ngữ có sức mạnh đạt tới hiệu quả chân lý mà không phương tiện nào có thể sánh kịp, một thiết bị chủ lực của văn xuôi nghệ thuật; tiểu thuyết đang tiếp tục đòi hỏi một sự đổi mới, một kiểu tư duy, một kiểu tiếp nhận, một cách nói mang đặc trưng tiểu thuyết, để giữ được vị trí chủ lực của nó trong văn học.

Mở ra một lộ trình mới, tiểu thuyết đòi hỏi một lớp tiểu thuyết gia ngày càng đông đảo, tâm huyết, mang tính chuyên nghiệp cao, có bản lĩnh lớn; và điều này nhất thiết phải hướng vào các nhà văn trẻ hôm nay, những người đang có sự chuẩn bị âm thầm và kỹ lưỡng.■

2-9-2001

HỘP THƯ BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

BẢN QUYỀN TÁC PHẨM ĐIỆN ẢNH - HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

(Trò chuyện với ông Trần Luân Kim - Tổng thư ký Hội Điện ảnh Việt Nam)

P.V: *Thưa ông Trần Luân Kim, Điện ảnh có ngôn ngữ tổng hợp, tác phẩm điện ảnh do một tập thể tác giả sáng tạo nên. Vậy việc phân định bản quyền tác phẩm và tác giả nên như thế nào cho hợp lý?*

Trần Luân Kim: Tác phẩm điện ảnh mang tính đặc thù, không giống như các loại hình nghệ thuật khác. Luật quyền tác giả của các nước đều có chỗ giống và chỗ khác nhau, có điểm cơ bản cũng khác nhau. Do đó, đây là lĩnh vực phức tạp, cần bàn thảo kỹ, vừa căn cứ vào pháp luật chung, vừa căn cứ vào thực tế và yêu cầu riêng biệt ở Việt Nam. Dưới đây là ý kiến cá nhân vì chưa có cuộc thảo luận tập thể nào để có ý kiến chung.

Luật quyền tác giả quy định trên cơ sở nguyên tắc bảo vệ các quyền hợp pháp của tác giả. Và mọi quy định pháp lý đều dựa trên cơ sở tôn trọng thoả thuận bằng Hợp đồng giữa các đương sự. *Do đó Hợp đồng làm phim với các thoả thuận cụ thể về quyền lợi, nghĩa vụ của các bên là cơ sở pháp lý rất quan trọng.*

Khi quy định Luật thì trước hết phải định nghĩa rõ ràng từng thuật ngữ quan trọng có liên quan như: tác giả, quyền tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, các hành vi bị coi là vi phạm quyền tác giả, quyền tinh thần, quyền vật chất, quyền sáng tác, quyền khai thác v.v... để trên cơ sở thống nhất quan niệm ấy mà đi vào các quy định cụ thể.

Trong các nước tư bản, xưa nay quyền sở hữu tác phẩm điện ảnh thuộc về Giám đốc sản xuất (tức là nhà Tư bản bỏ tiền ra làm phim).

Người Giám đốc sản xuất ấy có nhiệm vụ tổ chức kịch bản, tìm kiếm thị trường phát hành, tổ chức sản xuất và sau đó là thực hiện phát hành. Trong khâu tổ chức sản xuất, người Giám đốc sản xuất có toàn quyền chọn mua kịch bản, chọn thuê đạo diễn, diễn viên, quay phim và các thành phần khác. Họ trả nhuận bút, thù lao, cassê rất cao, xứng đáng với lao động của từng người, và trả dứt điểm một lần. Như vậy, bộ phim thuộc sở hữu của Giám đốc sản xuất, họ có toàn quyền đem phát hành và thu lãi. Nếu tác phẩm thực sự có lãi và đoạt giải thưởng (Oscar chẳng hạn), Giám đốc sản xuất sẽ có thưởng cho đạo diễn, diễn viên, quay phim... nhưng đó là "tuỳ tâm" chứ không có luật pháp nào quy định.

- Đấy là việc của các nhà làm phim ở các nước tư bản, còn ở ta xưa nay thì sao?

- Ở ta, có hai dạng. Trước đây, trong thời điểm bao cấp, chủ sở hữu tác phẩm điện ảnh là Nhà nước, vì Nhà nước bỏ tiền ra làm phim. Các nghệ sĩ đều ăn lương Nhà nước để làm và vì đã ăn lương nên nhuận bút không cao được!

Do đổi mới và có cơ chế thị trường, hình thức trả nhuận bút trong điện ảnh của ta có biến dạng. Có người còn ăn lương, có người không ăn lương. Nhuận bút do đó chưa cao đến mức tách ra khỏi chủ sở hữu, nhưng cũng không còn thấp như thời bao cấp nữa. Tóm lại là trả theo sự thoả thuận.

Tuy nhiên, tất cả mọi thứ còn đang dở dang, không theo một mô hình cố định nào!

- Dù sao vẫn phải có chủ sở hữu và bản quyền tác phẩm chứ?

- Trong tình hình này, bản quyền tác phẩm có thể bàn để thống nhất được. Ai bỏ tiền ra làm phim thì người đó là chủ sở hữu tác phẩm. Nhà nước bỏ tiền thì Nhà nước sở hữu, tư nhân bỏ tiền thì tư nhân sở hữu. Như vậy, nếu có chuyện vi phạm bản quyền tác phẩm, chủ sở hữu có quyền nói chuyện, thậm chí nhờ pháp luật can thiệp. In lậu băng hình chẳng hạn, đó là vi phạm Luật Bản quyền, chủ sở hữu có quyền kiện lên Toà án, và kẻ in lậu là kẻ vi phạm pháp luật.

- Anh vừa nói về bản quyền tác phẩm. Còn bản quyền tác giả thì sao? Hiện nay, bản quyền tác giả chưa thật rõ ràng, số tiền nhuận bút chưa xứng đáng với lao động anh ta bỏ ra. Cho nên, sau khi đã nhận nhuận bút một lần, thì câu hỏi đặt ra là, anh ta có còn quyền lợi gì trong quá trình đời sống của bộ phim?

- Muốn quy định rõ quyền tác giả thì phải đặt ra các chế độ. Theo tôi, sẽ có hai giải pháp:

Một là, quyền tác giả (tức nhuận bút) chỉ trả một lần, trả một lần là xong, theo giá cả thị trường và do hai bên thoả thuận.

Hai là, quy định mức nhuận bút trong một "khung" nhất định, buộc tác giả phải thực hiện theo "khung" nhuận bút này. Theo vậy, khi bộ phim được phát hành, anh ta được hưởng phần trăm số tiền phát hành trong một thời gian nào đó.

Theo ý kiến riêng tôi, nên làm theo phương án thứ nhất, bởi nó đơn giản, rành mạch, phù hợp với các nước khác. Trong trường hợp này, có thể tạo một cơ chế thưởng cho các tác giả khi mà bộ phim có lãi như vậy, còn khuyến khích được các nghệ sĩ làm phim có lãi.

- Anh vừa đề cập tới cơ chế thưởng. Thực tế có chuyện thế này: nhà thơ N.H. S ở báo Tiền phong Chủ nhật, có kịch bản một phim hoạt hình, được giải của Hội Điện ảnh Việt Nam năm 2000. Người ta mang đến cho anh 200 nghìn đồng, nói là tiền thưởng. Anh N.H.S không nhận và hỏi tôi, việc chia tiền thưởng (20 triệu) cho tác giả kịch bản như thế có hợp lý không, có xúc phạm không và có đúng luật bản quyền không? Tôi nhờ anh trả lời nhà thơ N. H.S?.

- Chia thưởng cho tác giả kịch bản như thế là quá ít! Tuy nhiên, tiền thưởng của Hội cho một bộ phim nào đó là thưởng cho tập thể Đoàn làm phim, từ bác lái xe đến người gác cổng. Việc này chưa có luật định chủ yếu do thoả thuận tình cảm. Rút những kinh nghiệm này, tới đây, ngoài việc trao giải thưởng cho phim, Hội Điện ảnh Việt Nam sẽ trao giải thưởng cho các thành phần tác giả. Như vậy, giải thưởng sẽ công bằng hơn.

Theo tôi thì, khi tác phẩm điện ảnh được giải ở trong và ngoài nước, các tác giả được hưởng quyền lợi về danh dự và tinh thần. Nếu giải thưởng nào đó có kèm theo vật chất, thì các tác giả chủ chốt cũng được hưởng theo tỷ lệ nhuận bút.

- Quan niệm của anh về những "tác giả chủ chốt" trong một tác phẩm điện ảnh?

- Tác giả chủ chốt của một bộ phim cần phải bàn thêm mới có thể xác định. Trong một bộ phim, có một số thành phần cố định, ngoài ra có một số thành phần khác thay đổi vị trí chủ chốt theo thể loại và tính chất sáng tạo từng bộ phim. Điều này rất uyển chuyển và nhạy cảm!

- Dựng phim là cả một lao động nghệ thuật, vì sao cho tới nay vẫn chưa được hưởng chế độ nhuận bút? Anh có biết điều này không?

- Thật thế à? Điều này quả tình tôi chưa biết. Phải có nhuận bút cho những người dựng phim chứ!

- Có nhà biên kịch đã kiện đạo diễn ra Toà vì làm sai kịch bản của họ. Anh nghĩ sao về chuyện này?

- Tôi nghĩ nó phụ thuộc hoàn toàn vào cái Hợp đồng bán kịch bản cho nhà sản xuất! Nếu có tác giả yêu cầu không được thay đổi chi tiết kịch bản thì nhà sản xuất phải ghi vào hợp đồng. Tuy nhiên, trong sản xuất phim từ trước tới nay, từ Đông sang Tây, ở Việt Nam mình và trên toàn thế giới việc thay đổi chi tiết kịch bản là điều khó tránh khỏi. Tác giả kịch bản khi gửi tác phẩm cho nhà sản xuất nên biết trước điều đó, nó thuộc về văn hoá điện ảnh! Nhưng tốt nhất là nhà biên kịch và đạo diễn cùng bàn bạc để tìm ra tiếng nói chung cho đứa con tinh thần của mình!

- Nhưng mỗi khi đạo diễn sửa chữa kịch bản lại "thích" ghi tên chung với nhà biên kịch. Điều đó đã từng xảy ra và làm buồn lòng không ít người?

- Nếu đạo diễn sửa chữa kịch bản tới mức mà chính anh ta cũng là đồng tác giả thì anh ta có thể ghi tên mình cùng với biên kịch. Tuy nhiên, nhất thiết phải được nhà biên kịch đồng ý!

- Theo anh, chế độ nhuận bút cho các thành phần sáng tác của Điện ảnh hiện nay đã thoả đáng chưa?

- Nhuận bút hiện nay là quá thấp, chưa đủ mức tái sản xuất và kích thích sáng tạo. Cần phải bàn bạc để có thể thay đổi!

- Hội Điện ảnh Việt Nam đã làm việc ấy chưa? Kiến nghị với Chính phủ chẳng hạn?

- Chúng tôi chưa kịp làm gì cả! Nhưng chúng tôi sẽ làm việc này trong một tương lai gần!

- Xin cảm ơn!■

LÝ NGUYÊN ANH thực hiện

NIKITA MIKHANCỐP:

Tôi làm phim *NGƯỜI THỢ CẠO* như hát một bài hát

Tại Liên hoan Điện ảnh quốc tế lần thứ 54 ở Canơ, đạo diễn Nga nổi tiếng Nikita Mikhancốp tuyên bố rằng đang chuẩn bị làm phim* Mệt mỏi dưới ánh mặt trời - 2. *Đó sẽ là một tác phẩm đồ sộ về cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại do Ôleg Mensicốp đóng vai chính. Hoá ra, dự án này của Nikita Mikhancốp đã ra đời từ lâu. Sau đây là cuộc trao đổi giữa nhà báo Ucraina nổi tiếng Andrây Vandencô và những dự định trong tương lai. Cuộc gặp gỡ diễn ra tại bệnh viện Bôtkina ở Mátxcơva, nơi Nikita Mikhancốp vừa trải qua một cuộc phẫu thuật cắt bỏ túi mật.

- Trong lần gặp gỡ trước ông có nói rằng ông thích dẫn mọi việc tới một kết thúc lôgích. Thật thú vị, đạo diễn Mikhancốp có hài lòng với hiệu quả của phim "Người thợ cạo Xibêri" không?

- Không phải hài lòng mà tôi sửng sốt vì nó.

- Có thật không?

- Anh không tin tôi ư? Tôi xin giải thích. Khán giả đã cứu tôi. Hãy nhớ lại mà xem, người ta đổ lên đầu tôi đủ thứ bẩn thỉu. Một số cho tôi là kẻ ngạo mạn, vênh váo, họ coi bộ phim của tôi như một băng quảng cáo, số thứ hai nghi ngờ tôi xun xoe trước người ngoại quốc. Đồng nghiệp Môtun quở trách tôi, tuồng như tôi ăn cắp tên gọi của người khác; lại có kẻ nói rằng diễn biến của kịch bản không phải do tôi nghĩ ra. Quả là không thiếu một thứ gì. Nếu như tất cả điều đó cộng thêm những rạp chiếu bóng vắng ngắt thì đạo diễn Mikhancốp có lẽ chỉ còn cách bắn súng vào đầu tự tử. Nhưng với một lòng cuồng tín tôi cho rằng trong *Người thợ cạo Xibêri* không có sự xu thời và trò chơi chính trị rẻ tiền.

- Nhưng vì sao người ta phải tin tưởng ông, thưa ông?

- Vì rằng tôi không phải vừa ra đời ngày hôm qua và nhân dân đã xem những phim trước đây của tôi, biết được quan điểm của tôi. Và còn vì tôi làm phim *Người thợ cạo* như hát một bài hát. Chúng tôi cùng tận hưởng công việc chung. Tất cả mọi người, cả đoàn. Vì vậy tôi tin tưởng khán giả sẽ đón nhận bộ phim. Phải chăng tôi đã đánh mất thói quen cảm nhận khán giả của mình và không đủ sức làm lay động tâm hồn họ? Và tâm hồn khán giả đã lay động!

- Tôi không phản đối. Nhưng thưa đạo diễn Nikita Mikhancốp, ông là một người hiếu danh và tự trọng. Ngoài sự thừa nhận của khán giả, có lẽ, ông cũng còn cần một sự đánh giá nào đó của xã hội dưới dạng Cành cọ vàng *hay* Gấu bạc. *Tôi còn nhớ ông đóng sập cửa như thế nào ở Canơ khi bộ phim* Mệt mỏi dưới mặt trời *bị thất cử?*

- Tôi xin thề: trước khi làm phim tôi không bao giờ nghĩ tới việc nó có thể giành được giải thưởng gì không.

- Còn sau khi kết thúc?

- Đối với tôi, *Người thợ cạo* đắt giá tới mức tôi không thể mạo hiểm nó, để tất cả phụ thuộc vào tình hình chính trị, thị hiếu hay bất cứ cái gì khác. Chính tôi được mời tới Liên hoan phim ở Canơ, nhưng tôi không đi. Tôi không thích điều đó. Đã đến lúc sự chờ đợi căng thẳng, toát mồ hôi quyết định của Ban giám khảo trở nên vô nghĩa. Việc đánh giá của giới phê bình hay đồng nghiệp cũng không thể làm thay đổi được thái độ của tôi đối với bộ phim. Trao giải hay không - điều đó bây giờ có ý nghĩa gì đối với tôi? Chính tôi cũng đã từng ngồi ghế Chủ tịch Ban giám khảo tại Liên hoan phim Berlin và XanXebaxchian và biết rất rõ chuyện bếp núc sau cánh gà. Bộ phim không phải là việc riêng của tôi, đó là một công trình tập thể, mà xưa nay xung quanh các giải thưởng và Huy chương của Liên hoan phim có quá nhiều điều ngẫu nhiên và chính trị. Xin nhắc lại, tôi được điều chủ yếu: đó là bầu không khí thân ái trong khi quay bộ phim. Và điều thứ hai: khán giả đã chào đón bộ phim. Còn mong ước gì hơn nữa?

- Một cặp giải thưởng Ôxca chăng?

- Không, tôi không nghĩ tới điều đó. Mối tơ duyên của tôi với Hôlliut, quả thật, vẫn chưa bén. Khi bộ phim hoàn thành, tôi đem chiếu cho Kevin Coxtner và nhóm của ông ta xem. Sau khi xem xong họ đã vỗ tay hoan hô và tán thưởng, nhưng tôi đề nghị phát biểu thật cởi mở. Kết quả là tôi nhận được 5 trang in vi tính. Họ không bỏ sót một điều gì. Cục điện ảnh Liên Xô với chế độ kiểm duyệt thời Baxcacốp chỉ là trò trẻ con so với Coxtner và những con người tự do của một đất nước dân chủ nhất thế giới. Ví dụ, người Mỹ yêu cầu để viên trung sĩ trong phim của tôi đừng thô bạo như vậy và biết Môda là ai. Mà đó là Ôklahôma năm 1885! Vâng, ngay cả hiện nay ở đấy không phải ai ai cũng biết Vôngphơrăng Amadel!

Còn một khuyến nghị nữa: biến cô Giên thành người Anh chứ không phải người Mỹ, vì trong quá khứ cô ta hành nghề gái điếm, sự so sánh này có thể xúc phạm tình cảm của những công dân Mỹ đứng đắn. Nói tóm lại, một sự tự kiểm duyệt như vậy trong mơ chúng ta cũng không thấy. Thật kỳ lạ, nhưng chính quyền nước Mỹ biết cách huấn luyện các nghệ sĩ của mình đến mức họ tự nguyện đặt mình vào khuôn phép.

- Còn ở ta phải chăng không như vậy?

- Cố nhiên! Ở Mỹ không cần phải cấm đoán các bộ phim, cất chúng vào ngăn tủ. Ở đấy người ta hành động theo những phương pháp khác. Xin hãy nhớ lại, bộ phim *Con chó vẫy đuôi* ở Mỹ có gặt hái được thành công lớn không? Một tác phẩm điện ảnh xuất sắc với dàn diễn viên tuyệt vời đã bị làm thinh một cách tự nhiên. Chỉ là sự tự kiểm duyệt! Thậm chí những bài báo sắm sét trên tờ *Sự thật* và việc khai trừ khỏi Đảng Cộng sản như ở Liên Xô trước đây cũng không cần. Người Mỹ họ đi xa hơn chúng ta, khi nghĩ ra thuật ngữ "thái độ chính trị đứng đắn". Với nó có thể biện minh cho bất cứ sự đê tiện nào. Và họ đang biện minh! Như người ta nói, cứu những người chết đuối là công việc của những người chết đuối. Luận điểm tiếp theo mà cả thế giới đã học thuộc lòng hơn cả bảng cửu chương: đừng có động tới nước Mỹ. Nghĩa là người Mỹ cứ việc làm phim về họ như họ muốn, và về những người khác cũng vậy, như họ muốn, nhưng những người khác làm phim về nước Mỹ thì không được! Tôi còn có thể làm gì trước tất cả những điều đó?

- Và ông đã làm gì?

- Tôi kính cẩn ngả mũ chào. Người Mỹ biết tạo ra về mình cái ảo tưởng mà ai ai cũng phải tin. Chúng ta biết nước Mỹ như họ muốn thế. Hơn nữa, chính người Mỹ giờ đây cũng đang noi theo cái ảo tưởng đó và mong muốn thích ứng với lối sống trên màn ảnh. Đó là niềm ước mơ của bất cứ một chính quyền nào.

Và điều cuối cùng tôi muốn nói để kết thúc câu chuyện về nước Mỹ về nền điện ảnh của họ. Người Mỹ đã xây dựng nên một hệ thống tự cung tự cấp, ở đấy không có ai băn khoăn gì về việc phim của họ có được chiếu ở Châu Âu hay Châu Á không. Thu nhập chính bằng việc phát hành phim được thực hiện trong nước Mỹ, từ các khán giả của mình. Ở đấy không ai lệ thuộc vào việc bộ phim có được mua ở Pháp hay ở Anh không. Theo lôgich Mỹ, người Châu Âu và cả thế giới còn lại phải hôn chân người Mỹ và cảm ơn họ vì đã có điều kiện được tiếp xúc với những đỉnh cao nghệ thuật Hôlliut. Còn người Mỹ thì chẳng có gì để mà tiếp xúc. Bất chấp những Phellini, Antôniôni, Bergman và Tarcốpxki... Người Mỹ không muốn biết đến họ!

- Phải chăng Nikita Mikhancốp đầu hàng người Mỹ vô điều kiện?

- Tôi tin rằng người Mỹ sẽ xem phim của tôi. Không bây giờ thì sau này.

- Ông có bao giờ mệt mỏi vì Người thợ cạo *không?*

- Tuyệt đối không. Trong phim của tôi có nhiều không khí trong lành và ôxy mà hôm nay chúng ta thật cần. Nếu không chẳng ai đi xem nó đến 5-6 lần.

- Theo ông, hiện nay người ta chờ đợi gì ở đạo diễn Nikita Mikhancốp?

- Tôi muốn làm một bộ phim về cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, phim màn ảnh rộng, hoành tráng với tất cả những hiệu ứng đặc biệt có thể.

- Một bộ sử thi "Giải phóng" mới kiểu Iuri Ôderốp?

- Không. "Mệt mỏi dưới mặt trời - 2". Cô bé 14 tuổi và chiến tranh. Nhưng hiện còn sớm để nói về chi tiết. Ngay cả kịch bản cũng chưa có.

- Thế ông đã có gì?

- Sự thâm nhập sâu sắc vào tư liệu. Càng đi sâu, vấn đề càng phức tạp, tôi càng cảm thấy bối rối. Tôi không hiểu vì sao chúng ta đã chiến thắng trong cuộc chiến tranh này. Nghĩa là, tôi hiểu vì chiến thắng đó chúng ta đã lấy 28 triệu người mình chọi với 7 triệu người Đức, nhưng... Một trăm năm mươi kilomet cách Mátxcơva - và không có bóng dáng một chiến sĩ Hồng quân nào. Bọn Đức phóng môtô tới tận Xôcôn và quay lại, không thể tin được rằng không ai bảo vệ Mátxcơva. Năm người mới có một khẩu súng trường mà tất cả đều xông lên tấn công và chờ cho đến lúc người cầm vũ khí bị giết. Làm sao có thể xảy ra điều đó?

- Có thể tìm lời giải cho những câu hỏi đó ở Victoro Axtaphiep chăng? Tôi nhìn thấy cuốn sách của ông ta trên giường ông.

- Ở Axtaphiep và những người khác. Hiện nay tôi đọc nhiều, suy nghĩ nhiều vì thời gian cho phép. Càng suy nghĩ nhiều càng tin tưởng chắc chắn rằng đã đến lúc phải kể về chiến tranh như tôi hiểu nó. Câu chuyện sẽ rất nặng nề. Tôi muốn để những ai hiện nay 15 tuổi và những ai chưa xem phim *Ngôi sao* và *Hai người lính* biết được rằng không chỉ một mình binh nhì Raian cứu thế giới khỏi chủ nghĩa phát xít.

- Bao giờ thì ông bắt đầu quay?

- Tôi muốn gặp Xtiven Xpilberg, mời ông làm đạo diễn cho bộ phim. Tôi đang dự định bắt đầu quay ngoại cảnh vào mùa thu năm nay.■

TRẦN HẬU

(Theo *Sự kiện*, 25-5-2001)

VƯƠNG SÓC BỎ "BOM" KIM DUNG

Theo Báo Thanh niên Trung Quốc, bạn có thể không quan tâm, không thích, không tôn sùng, nhưng bạn không thể không biết hai nhà văn Kim Dung và Vương Sóc tồn tại trên văn đàn Trung Quốc trong những năm tám mươi, chín mươi. Là nhân vật rất có màu sắc, các tác phẩm văn học đậm đà màu sắc riêng biệt của hai ông cùng hàng loạt phim và kịch truyền hình được cải biên từ các tác phẩm ấy, rõ ràng đã có sức ảnh hưởng sâu sắc đối với mấy thế hệ thanh niên trong và ngoài văn đàn.

Nhưng Vương Sóc lại có những đánh giá rất khác đối với tác phẩm của Kim Dung, chắc chắn điều này sẽ là một quả bom cỡ bự thả xuống trong và ngoài văn đàn.

AI ĐỌC KIM DUNG, QUỲNH DAO NGƯỜI ẤY THUỘC DIỆN NON KÉM

"Tôi vốn chưa từng đọc tác phẩm của Kim Dung, chỉ biết đó là người Triết Giang viết truyện võ hiệp sống ở Hồng Kông. Theo quan niệm ngạo mạn ngờ ngẩn trước kia của tôi, thì những thứ của nhà văn Đài Loan, Hồng Kông đều không thể hoà nhập được. Tác phẩm của họ chỉ có hai tôn chỉ lớn: Ngôn tình và Võ hiệp, một cái ấu trĩ cũ rích, một cái bịa đặt lung tung. Đặc biệt là Võ hiệp, vốn là một loại tiểu thuyết cũ, luồng tư tưởng mới của những năm tám mươi trỗi dậy ào ạt, ai ai cũng e sợ không có người đi đầu cảnh giới. Lúc đó tôi đánh giá con người có một tiêu chuẩn, ai đọc Quỳnh Dao, Kim Dung, thì người ấy thấp kém, nhất loạt coi thường. Quỳnh Dao thì đóng chặt ở vạch non yếu, những người ủng hộ Quỳnh Dao luôn luôn ở độ tuổi chưa vượt quá trung học, nói thích Quỳnh Dao cũng chỉ là những học trò giọng còn non choẹt. Nhưng Kim Dung thì khác, người đọc càng ngày càng đông, đánh giá cũng càng ngày càng nhiều, có người hâu sự còn bỏ lưỡi mâu và lá chắn xuống, liệt ông là một trong bảy đại sư. Có một người nói với tôi: Văn trong tiểu thuyết của Kim Dung có một thứ cảm giác tốc độ nhanh, không cảm nhận được ở tác phẩm của các nhà văn khác. Có một người nói: Sáng tạo nhân vật trong tiểu thuyết của Kim Dung khác với tiểu thuyết võ hiệp cũ, hoàn toàn không thể tìm thấy trong tiểu thuyết võ hiệp cũ như Vi Tiểu Bảo, Đoạn Dự v.v... Số đông hơn đi công tác đem theo một bộ tác phẩm của Kim Dung, đêm không ngủ được đem ra đọc, hôm sau hớn hở nói chuyện với bạn bè, trong câu chuyện cũng mang theo một hai chước võ thuật, nghiễm nhiên thành hai cao thủ bàn bạc về học thuật, gặp bọn tôi mủ tịt về Kim Dung, đã cười hề hề bảo: Đọc cho vui, thay đổi không khí, sau đó cứ khuyên tôi mãi: cậu cũng đọc thử xem, đọc thử xem, không tối đâu, hay đấy! Được bạn bè khuyến khích nhiều lần, tôi cũng đâm ra do dự, nếu không đọc, ngộ nhỡ hay thì sao, đừng để lỡ cơ may. Lần đầu tiên đọc sách của Kim Dung, tên sách cũng quả thật không còn nhớ nữa, một quyển dầy cộp đọc một ngày liền, quả thật không thể đọc tiếp, được gần một nửa thì bỏ. Những câu chuyện và nhân vật ấy, đến nay tôi cũng không còn nhớ, chỉ để lại một ấn tượng, tình tiết trùng lặp, hành văn rườm rà, vĩnh viễn là gặp nhau thì đánh, chỉ một câu nói ra là rõ, song cứ không nói ra, hơn nữa chẳng ai đánh gục ai, mỗi khi sắp sửa sảy ra chuyện chết người, thì từ trên trời rơi xuống một vị đánh kẻ bất bình, toàn bộ nhân vật đều có những mối thâm thù lớn, toàn bộ câu chuyện đều dựa vào chuyện này để thúc đẩy. Vậy thì có gì tươi mới cơ chứ?".

VẪN LÀ CÁI TRÒ CỔ XƯA CỦA TIỂU THUYẾT CŨ TRUNG QUỐC

"Tiểu thuyết cũ của Trung Quốc phần lớn đều có một chủ đề rõ rệt, đó là giết người với danh nghĩa đạo đức, dụ dỗ người làm chuyện gian dâm trộm cắp dưới chiêu bài bảo vệ pháp luật. Trong tiểu thuyết của Kim Dung cũng thấy rất rõ điều này. Dưới ngòi bút của Kim Dung, nói nghĩa hiệp là nhà võ thuật, chẳng thà nói là tội phạm, mỗi một môn phái là một băng phi, vì ân oán cá nhân họ tàn sát nhau cũng được thôi, song điều không thể chấp nhận là đội cho hành vi bạo ngược của họ cái mũ lớn, dường như chuyện đã từng cứu mình. Cuối cùng đáp "Ông ấy đi". Anh ta chỉ vào bố nuôi của mình.

Truyện thứ ba thì đơn giản, là câu chuyện hiện đại. Chuyện kể rằng, ở đơn vị nọ có một người tên là Lai Tử, thường xuyên quét dọn nhà vệ sinh, cuối năm được bình là phần tử tiên tiến. Từ đó, người này ngày nào cũng đi quét dọn nhà xí, đến nỗi nhà xí hơi bẩn, ai nấy cũng nêu ý kiến : Lai Tử ! Lai Tử ! Lai Tử đâu nhỉ ? Sau này đường ống thải nước của nhà xí bị tắc, đòi hỏi phải mở bể chứa phân ra, lội xuống thông ống. Anh chị em bảo, chắc chắn việc này phải do Lai Tử lội xuống mới thông được. Thế là Lai Tử xuống. Kết quả Lai Tử lội xuống mà không lên được. Lai Tử bị khí mêtan hun chết trong bể chứa phân.■

VŨ CÔNG HOAN dịch

(Theo Báo *Văn hối*, ngày 9-3-1999)

VĂN HỌC

THỨC TỈNH LƯƠNG TRI LỤC ĐỊA ĐEN

- TRÒ CHUYỆN VỚI TIỂU THUYẾT GIA NGƯỜI XÊNÊGAN BOUBACAR BORIS DIOP

Boubacar Boris Diop

SAU chuyến đi Ruanđa, B.B.Diop đã thay đổi hẳn cách nhìn nhận về Châu Phi và về vai trò của các nhà tri thức của thế giới thứ ba và cho ra đời cuốn tiểu thuyết *Murambi,* trong đó ông thể hiện quan điểm: văn học phải nhận nhiệm vụ tiên phong xây dựng lại nền văn hoá Châu Phi.

- "Viết về tội diệt chủng tức là đồng hành với cái chết chứ không phải với những người còn sống" - ông đã nói như vậy trong cuốn Murambi. *Trên thực tế, ông đã chứng kiến cảnh chết chóc tang thương khi đến Ruanđa. Vậy trong suy nghĩ của ông về đất nước Ruanđa và vai trò của văn học có gì thay đổi?*

- Có một sự khác biệt rõ rệt. Trước khi tới Ruanđa, tôi vẫn nghĩ rằng viết văn chỉ là một công việc luyện tập bình thường, chỉ cần lắp ghép hình ảnh, tạo ra những mỹ từ, chỉnh câu đối vế sao cho thật chuẩn, thật kêu... Nhưng sau chuyến đi, tôi đã thực sự cảm thấy cần phải khóc cho những nỗi đau của lục địa này. Chính nạn diệt chủng đã là cơ hội để tôi có thể phát triển những ý tưởng sâu kín trong tôi.

Chẳng bao lâu sau khi bức tường Berlin sụp đổ, các cuộc nội chiến đã nổ ra khắp nơi, ở Liberia, Somali, Etiopia... Chứng kiến các cuộc thảm sát dã man, chúng tôi tự hỏi *"Chúng ta đã làm gì khiến Chúa phải tức giận? Tại sao mọi thứ lại diễn ra tồi tệ đến như vậy?"*. Tôi đã phát hiện ra rằng trong thời đại này, là một nước nghèo nguy hiểm đến mức nào: Ở một nước nghèo người ta có thể giết một triệu người mà không lo sợ gì cả. Sau vụ thảm sát người Ruanđa, nhiều làn sóng tranh cãi đã xảy ra; người nói dối; kẻ cải chính. Tôi không thể chấp nhận được điều đó. Thật là nghịch lý, các xác chết ở Ruanđa đã đem đến cho tôi sức mạnh, chúng đã kéo tôi ra khỏi mưu mô về một Châu Phi đen tối. Lòng hận thù với chính mình chẳng có ở bất cứ đâu khác thật đáng khinh bỉ. Chứng kiến các xác chết ở thành phố Murambi, tôi đã hiểu được những nét đặc thù của từng cuộc khủng hoảng ở Châu Phi. Tôi đã từ bỏ hoàn toàn cách nhìn hời hợt về các vấn đề của châu lục.

- Khi đọc Murambi, *cuốn sách của các xác chết (Stock 2000), người ta hiểu rằng chém giết là một nghĩa vụ hơn là một sự đê hèn. Bằng suy nghĩ của một nhà văn, theo ông những tình huống tương tự có còn tái diễn ở Châu Phi nữa hay không?*

- Đúng vậy, bọn giết người gọi các cuộc thảm sát bằng từ "làm việc". Chúng giết người vào những giờ nhất định và một vài tên chẳng muốn làm gì ngoài "giờ hành chính" đó cả. Tôi thấy điều đó khá đặc biệt: người ta không dám nhìn thẳng vào mình, họ buộc phải đánh lừa lương tâm để có thể thực hiện nhiệm vụ. Nạn diệt chủng có thể tái diễn hay không ư? Đó có là một câu hỏi hóc búa. Một người như Primo Levi đã do dự suốt cả cuộc đời mình giữa hai câu trả lời "có" hoặc "không". Năm 1958, trong cuốn *Nếu đó là một con người*, ông đã tuyên bố lịch sử không bao giờ gặp lại. Sau đó, vào năm 1986, chính ông đã thay đổi hoàn toàn quan niệm này khi viết cuốn *Những kẻ xấu số và những người may mắn:* "Điều đó lại xảy ra lần nữa; và tôi muốn khẳng định rằng nó có thể xảy ra và xảy ra ở nhiều nơi".

- Trong cuốn Murambi, *ông đã đề cập đến văn hoá như một nguyên nhân của thảm kịch này. Ông có thể tóm tắt vấn đề này được không? Theo ông, văn học đóng vai trò như thế nào trong việc giải quyết tình hình hiện nay ở Ruanđa và rộng hơn là toàn Châu Phi?*

- Tôi tin rằng ở đây có hai vấn đề. Thứ nhất, xét sâu xa thì thảm kịch của Ruanđa bắt nguồn từ văn hoá. Trên thực tế, tại phần lớn các quốc gia Châu Phi, đã có sự "mặc cả" giữa tôn giáo truyền thống và tôn giáo du nhập. Mớ hỗ lốn này đã gây ra thảm kịch ở Ruanđa. Đầu thế kỷ XIX, khi các nhà truyền giáo đến, Ruanđa vẫn là một nước tập quyền với một tôn giáo duy nhất thờ thánh Imana, một ngôn ngữ và một nền văn hoá thống nhất. Chính họ đã thay thế Imana bằng Thiên chúa giáo. Sự thay thế cưỡng ép này đã biến văn hoá gốc của Ruanđa trở thành tà giáo và giờ đây người Ruanđa trở nên xa lạ với chính nền văn hoá của mình. Theo các nhà sử học thì chỉ trong 45 năm đã có 10 vụ thảm sát lớn và Iamana là nạn nhân văn hoá tôn giáo đầu tiên. Trong hoàn cảnh như vậy, không ai còn muốn nghe các nhà điều hoà xã hội nữa.

Vấn đề thứ hai là ở Ruanđa cũng như ở một số nước Châu Phi khác, một người Ruanđa bình thường có thể tự thích nghi được với các tôn giáo khác nhau, các dân tộc muốn chung sống với nhau nhưng đáng buồn thay, các lực lượng chính trị đối lập lại không muốn cùng tồn tại và đây chính là một trong những bi kịch của Châu Phi. Chính các lực lượng này đã thao túng tôn giáo và dân tộc, sử dụng tôn giáo vào mục đích chính trị đen tối, củng cố quyền lực. Điều này có thể làm ổn định tình hình chính trị trong thời gian trước mắt nhưng về lâu dài, 20 hoặc 30 năm nữa nó có thể gây ra những hậu quả khôn lường.

Là công dân của lục địa Phi Châu, chúng tôi không được hối tiếc đã không là những người phương Tây hay Arập. Người Châu Phi là người bình thường như bao người dân của các châu lục khác. Tuy khác màu da nhưng có cùng dòng máu đỏ, có chung khát vọng mưu cầu hạnh phúc, tự do và bình đẳng. Họ cũng có khối óc và có khả năng làm được những điều lớn lao. Bi kịch thực sự của chúng tôi là sự chệch hướng - nguyên nhân của đói nghèo, bệnh tật, thất vọng và các cuộc đấu đá tranh giành quyền lực liên miên. Chúng tôi hiện đang loạng choạng tìm lối đi cho riêng mình. Là chất keo gắn kết con người với con người, con người với xã hội, văn học phải nhận nhiệm vụ tiên phong thức tỉnh lương tri của lục địa đen, phải là một vũ khí đắc lực để chống lại nghèo đói, tối tăm.

- Ông có thể nói đôi chút về cuốn Mirambi?

- Tôi đã có ý định viết một cuốn sách về nạn diệt chủng và đói nghèo từ rất lâu rồi. Khi bắt đầu viết *Mirambi,* tôi cảm thấy sẽ là chủ quan nếu chỉ nhìn vấn đề của riêng đất nước Xênêgan để gán cho cả Châu Phi. Vì thế tôi đã quyết định đến Ruanđa để thị sát tình hình. Nạn diệt chủng ở Ruanđa thực sự là thảm kịch của thảm kịch. Tôi đã đề cập đến đói nghèo, đến những cảnh huynh đệ tương tàn, nồi da nấu thịt, máu chảy đầu rơi để thức tỉnh lương tri, thúc giục mọi người, đặc biệt là những người cầm bút. Có một thực tế là trước kia hầu hết các nhà văn Châu Phi không muốn xông pha nhưng cho tới nay tôi có thể nói rằng họ đều muốn ấp ủ ngọn lửa chiến đấu vì tương lai của lục địa mình và văn học Châu Phi đã phát triển nhanh chóng. Rất nhiều nhà văn đã dùng ngòi bút của mình làm vũ khí chiến đấu để thay đổi xã hội. Về phần mình, tôi đã và sẽ cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp hoà bình, hạnh phúc của châu lục đen.

- Tuy nhiên, theo tôi được biết, hiện nay có một số nhà văn viết cho độc giả phương Tây chứ không phải cho người dân nước mình. Tại sao vậy? Phải chăng là vì tiền? Theo ông, Châu Phi có phải đương đầu với nguy cơ chảy máu văn học không?

- Trong một chừng mực nào đó thì đây là điều không tránh khỏi vì hầu hết các quốc gia Châu Phi đều sử dụng tiếng nước ngoài, chủ yếu là tiếng Pháp. Đa phần các nhà văn Châu Phi viết bằng tiếng Pháp, ít khi sử dụng tiếng mẹ đẻ. Ngay bản thân tôi, trước kia cũng hết sức dè dặt sử dụng tiếng mẹ đẻ khi viết vì cho rằng khó có độc giả cho loại sách này. Nhưng đây là một quan niệm hoàn toàn lệch lạc, cần phải được sửa chữa. Giờ đây, chúng tôi đang cố gắng viết bằng tiếng mẹ đẻ và thu hút độc giả Châu Phi. Ở Mali, các tác phẩm được Nhà xuất bản Le Figuier ấn hành bằng tiếng Bambara đã bán chạy hơn tác phẩm in bằng tiếng Pháp. Khắp nơi, từ thành thị đến nông thôn, người ta đọc và bình luận các tác phẩm văn học. Đây thực sự là cuộc cách mạng trong lĩnh vực văn học của nước này.

Thực tế là nền văn học sử dụng tiếng bản địa của Châu Phi đã có lịch sử từ lâu đời và nó không dễ mất đi. Sở dĩ, các nhà văn Châu Phi sử dụng tiếng Pháp là do cưỡng ép văn hoá, ngôn ngữ và vì một lý do khác nữa tế nhị hơn là độc giả. Nhưng giờ đây, tình hình đã thay đổi rồi. Tôi tin rằng các nhà văn Châu Phi vẫn muốn quay lại cội rễ văn hoá, ngôn ngữ của mình. Trước kia, hầu hết các tác phẩm nổi tiếng đều được viết bằng tiếng Pháp thì giờ đây, các nhà văn của từng quốc gia đều sử dụng tiếng bản địa, tạo nên những nét đặc sắc riêng của mình để hoà cùng làng văn châu lục.■

NGÔ VŨ

(Theo Courrier International)

Một góc của thành phố Murambi, biểu tượng của nạn diệt chủng ở Ruanđa

TÁI THIẾT BẢO TÀNG NHÀ THƠ NGA ÊXÊNHIN

Bảo tàng về nhà thơ trữ tình thiên tài Xécgây Êxênhin ở làng Côngxtantinôvô tỉnh Riadan thuộc Liên bang Nga vừa mới mở cửa lại sau khi đã được sửa chữa và tái thiết với chi phí 1,5 triệu rúp. 70% số tiền được lấy từ ngân sách Liên bang Nga, số còn lại lấy từ ngân sách địa phương và từ các nhà tài trợ. Ngôi nhà này là của bố mẹ nhà thơ được xây dựng năm 1922, nơi Êxênhin đã sống trong thời tuổi trẻ. Những kỷ niệm ấu thơ và khung cảnh thiên nhiên nơi đây luôn in đậm trong những vần thơ của ông. Vào mùa thu năm 2000, Bảo tàng đóng cửa để sửa chữa. Toàn bộ ngôi nhà cùng nhiều công trình khác trong phạm vi bảo tàng lưu niệm Êxênhin đã được tái thiết lại đúng như khi nhà thơ và gia đình sống ở đây.

GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC CAMỐT ĐƯỢC TRAO CHO NHÀ THƠ BỒ ĐÀO NHA ANRAĐƠ

Giải thưởng văn học Camốt - một trong các giải thưởng lớn dành cho các tác phẩm được viết bằng tiếng Bồ Đào Nha đã được trao cho nhà thơ người Bồ Đào Nha Ogiơniô Đơ Anrađơ.

Chủ tịch Hội đồng giải thưởng, Đại sứ Braxin tại Bồ Đào Nha, A Sinva phát biểu: Giải thưởng trị giá 52.000 USD được trao cho Anrađơ bởi sự đồ sộ, tính nhất quán, mạch lạc và chặt chẽ xuyên suốt các tác phẩm có giá trị cao của ông.

Sinh năm 1923, Anrađơ đã có hơn 27 tuyển tập được xuất bản và dịch sang 20 thứ tiếng khác nhau. Các tác phẩm của ông phần lớn đều bắt nguồn từ cảm hứng về tuổi trẻ và tình yêu.

Giải thưởng này mang tên nhà thơ lớn của Bồ Đào Nha thế kỷ XVI Lui Đơ Camốt do hai Chính phủ Braxin và Bồ Đào Nha thành lập năm 1988. Trong số những tác giả đã giành giải, có Giôsê Saramagô, người đã giành giải thưởng Nôben Văn học năm 1998.

THE BLIND ASSASSIN ĐƯỢC DỰNG THÀNH PHIM TRUYỀN HÌNH

The Blind Assassin, tiểu thuyết giành giải Booker năm 2000 của nhà văn Canađa Margaret Atwood hiện đang được chuyển thể thành một loạt phim truyền hình trên kênh 4 của Anh, thông qua Natural Nylon, công ty sản xuất phim do các diễn viên Anh Jude Law, Sadie Frost và Ewan Mc Gregor thành lập.

The Blind Assassin, câu chuyện kể về bi kịch gia đình qua cặp mắt của nhân vật chính 82 tuổi khi nhìn lại cuộc đời bà, là tiểu thuyết thứ 10 của nhà văn 61 tuổi Margaret Atwood, được mệnh danh là "Nữ linh mục tối cao của sự đau khổ" với những tiểu thuyết về những người đàn ông và đàn bà đương đại đầy trắc trở và những mối quan hệ của họ.

LIÊN HOAN PHIM THIẾU NHI QUỐC TẾ Ở ARƠTÊCH NĂM 2001

Tại Trung tâm trại hè thiếu nhi Arơtếch ở Crưm thuộc Ukraina diễn ra Liên hoan phim thiếu nhi quốc tế lần thứ 9 Arơtếch 2001. Tổng thống Ukraina Lêônit Cusma và Thị trưởng thành phố Matxcơva Yuri Luxcốp là những người trực tiếp bảo trợ cho Liên hoan phim này. Chủ tịch Liên hoan phim là Nghệ sĩ Nhân dân Liên Xô Vaxili Lannôvôi và Nghệ sĩ Nhân dân Ukraina Olếc Phiancô.

Hơn 5000 trẻ em nghỉ hè tại đây đều là thành viên của một Ban giám khảo lớn nhất thế giới. 18 bộ phim truyện thiếu nhi xuất sắc của nhiều nước như: Nga, Bêlarút, Thổ Nhĩ Kỳ, Cadacxtan, Canada, Xlôvênia, Séc và Ukraina đã tham dự. Các giải thưởng của Liên hoan do chính các em chọn ra gồm: Giải cho phim chân thiện nhất, Giải cho phim trí tuệ nhất, Giải cho phim lôi cuốn nhất, Giải diễn viên người lớn hay nhất, Giải diễn viên trẻ em hay nhất.

TRAO GIẢI CAINE CHO VĂN HỌC CHÂU PHI

Trong lễ trao giải hàng năm lần thứ 2 diễn ra hôm 23-7 tại trường Đại học Tổng hợp Oxford (Anh), nhà văn Nigeria Helon Habila, 34 tuổi, đã giành được giải Caine với truyện ngắn *Những bài thơ tình* (Love Poems) kèm theo số tiền thưởng 15.000 USD. Đây là giải thưởng được trao cho những tác giả có truyện ngắn xuất sắc. *Những bài thơ tình* kể về cuộc sống dưới chính quyền quân sự ở Nigeria.

Giải thưởng Caine được sáng lập năm 1999 nhằm tưởng nhớ Ngài Michael Caine đã quá cố, cựu Chủ tịch của Booker Plc, người đã góp phần sáng lập giải văn học Booker.■

N.V.T.

ECHEGARAY JOSÉ, nhà viết kịch, nhà thơ, nhà chính trị Tây Ban Nha, (1832-1916). Sinh tại Madrid, cha là một giáo sư dạy tiếng Hy Lạp. Ông theo học trường đại học xây dựng, học kinh tế và đã thành đạt trong chính trường Tây Ban Nha. Ông đã từng giữ chức Bộ trưởng Bộ Giao thông công chính và Bộ trưởng Bộ Tài chính. Là một kĩ sư, giáo sư toán học, và nhà quản lý, ông đã xây dựng những tác phẩm của mình một cách chính xác, với tinh thần trách nhiệm bắt nguồn từ những hoạt động xã hội của ông. Là đại diện cuối cùng của trường phái sân khấu lãng mạn Tây Ban Nha, ông được coi là người hồi sinh cho kỷ nguyên vàng của sân khấu nước này. Chủ nghĩa lãng mạn bộc lộ rõ nét trong cách thức ông chọn đề tài tác phẩm. Giống như các bậc tiền bối của mình, Echegaray để lại một sự nghiệp đồ sộ. Các vở kịch nổi tiếng nhất của ông là *La esposa del vengador (Vợ kẻ báo thù* - 1874); *En el puno de la espada (Chuôi kiếm - 1875); En el pilar y en la cruz (Chiếc cột và cây thánh giá - 1878); Conflicto entre dos debers (Xung đột nghĩa vụ - 1882); O locura ó santidad* (Gã điên hay vị thánh - 1877); và *El gran Galeoto* (Galeoto vĩ đại - 1881).

JOSÉ de ECHEGARAY

(1832 - 1916)

GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG NĂM 1904

C.D. af Wirsén, Thư ký thường trực Viện Hàn lâm Thụy Điển

II.

SAU thời kỳ rực rỡ của sân khấu Hy Lạp, Anh và Tây Ban Nha là những nước chủ yếu có nền sân khấu phát triển. Để hiểu được kịch hiện đại Tây Ban Nha, cần phải biết hoàn cảnh xã hội đương thời ẩn sau nó. Trong một thời gian dài, kịch Tây Ban Nha thường phản ánh những xung đột gay gắt. Một mặt là sự nở rộ của trí tưởng tượng bay bổng, mặt khác thể hiện sự tư biện hết sức tinh tế và ước lệ. Ở chỗ này là sắc màu rực rỡ, ở chỗ khác lại là cảm hứng dạt dào đối với những phản đề hùng biện. Ngôn ngữ mạnh mẽ kết hợp với cốt truyện phức tạp. Kịch tính cao, chất trữ tình cũng đậm đặc. Những nghịch âm chói tai, và xung đột luôn dẫn đến kết cục bi thảm. Nhưng cuộc sống bên trong cũng rất phong phú, và tính khốc liệt không hề loại trừ sự xuất hiện ngẫu hứng và ngoạn mục của trí tưởng tượng. Trong sân khấu Tây Ban Nha, cái nhân tạo được kết hợp một cách khéo léo với cội rễ chân thực.

Người thừa kế và tiếp tục truyền thống độc đáo và vinh quang đó là nhà văn được nhận nửa Giải thưởng Nobel năm nay. Là con đẻ của thời hiện đại và hoàn toàn độc lập trong đánh giá, quan niệm về thế giới của ông khác hẳn quan niệm của Calderon. Yêu chuộng tự do và đã không ngừng đấu tranh vì sự khoan dung, ông không thể là bạn của cả chế độ chuyên chế hoặc xã hội đẳng cấp, nhưng ở ông còn có nguyên vẹn ngọn lửa nhiệt tình kỳ lạ và phẩm chất vốn là đặc điểm nổi bật của các kịch tác gia Tây Ban Nha thời trước. Nhà văn đó chính là José de Echegaray. Cũng như các bậc tiền bối, ông biết cách thể hiện các xung đột, ông cực kỳ nhạy cảm và hết sức quan tâm đến những bản tính và lý tưởng khác nhau. Và cũng như họ, ông say mê nghiên cứu các biểu hiện phức tạp nhất của ý thức. Ông là bậc thầy của nghệ thuật buộc khán giả phải xúc động hoặc sợ hãi, những hiệu quả căn bản của bi kịch. Cũng như những bậc thầy của kịch Tây Ban Nha trước đây, ông có khả năng kết hợp đáng kinh ngạc trí tưởng tượng sống động nhất với nghệ thuật một trực cảm nghệ thuật vô cùng tinh tế. Vì thế, có thể nói như một nhà phê bình - không có thiện cảm với ông - rằng "Ông mang trong mình dòng máu Tây Ban Nha thuần khiết". Tuy nhiên quan niệm về thế giới của ông rất rộng. Ý thức về bổn phận ở ông thật trong sáng, các quan niệm của ông thật thân ái, và thái độ dũng cảm mang tính luân lý của ông vừa là đặc trưng cho dân tộc vừa mang những nét phổ quát toàn nhân loại.

José de Echegary sinh tại Madrid năm 1833 nhưng lớn lên ở Murcia, nơi cha ông là giám đốc Viện nghiên cứu Hy Lạp. Nhận bằng cử nhân năm 14 tuổi, ông vào học Trường Kỹ thuật Xây dựng. Ông học rất xuất sắc, nhờ cần cù và có kỹ năng đào sâu vào kiến thức. Năm năm sau, năm 1853, tốt nghiệp ngành xây dựng với tấm bằng loại ưu. Toán học và cơ học là những môn ông ưa thích nhất. Sự hiểu biết sâu sắc các môn học này khiến chỉ một năm sau ông đã được bổ nhiệm làm giáo sư ở chính ngôi trường mà trước đây ông từng theo học. Trong những năm đầu ông phải vận lộn rất vất vả, ông phải đi dạy sớm để duy trì một cuộc sống ở mức khiêm tốn nhất. Bất chấp tất cả những điều đó, ông sớm trở thành một giáo sư xuất sắc, nổi tiếng cả về môn toán lý thuyết lẫn toán thực hành, đồng thời ông cũng trở thành một kỹ sư tài ba. Cũng vào thời điểm này ông đã dành nhiều thời gian vào việc nghiên cứu kinh tế chính trị và những lý thuyết về thương mại tự do. Không lâu sau, con người xuất chúng, vị kỹ sư tài năng ấy được bổ nhiệm vào những chức vụ quan trọng và cao quí nhất. Ông đã từng ba lần giữ chức Bộ trưởng. Những người từng biết ông, cho dù là đối thủ hay là bạn bè, đều phải công nhận rằng ông là một người rất giỏi trong việc quản lý tài chính và những việc công cộng.

Thật dễ hiểu công chúng rộng rãi đã ngạc nhiên như thế nào khi học giả này, người đã công bố những chuyên luận về hình học giải tích, về vật lý, về điện lại hăng say với việc viết kịch. Có người nói rằng những sáng tác cho sân khấu của ông giống như những đẳng thức và các định đề. Nếu như tài năng của ông trong lĩnh vực mới được rất nhiều người hâm mộ thì cũng có những người phê bình gay gắt. Tuy nhiên, không ai có thể phủ nhận rằng tác phẩm của ông không có ý nghĩa đạo đức sâu xa. Xét một khía cạnh nào đó, các nhà phê bình không sai khi nhận xét rằng trong các vở kịch của mình, theo cách của một số bác sĩ phẫu thuật, ông hiếm khi sử dụng phương pháp nào khác ngoài các phương pháp "urere et secare" (đốt và cắt bỏ). Tuy nhiên, có những điều đáng khâm phục trong cảm hứng thi ca lãng mạn cũng như thái độ nghiêm khắc triệt để, không một chút khoan nhượng về bổn phận.

Không thèm đếm xỉa đến những thị hiếu thời thượng, chỉ duy nhất tuân theo cảm hứng thiên tài của mình, Echegaray dấn thân đến cùng cho sự nghiệp vinh quang đã chọn, cho ra đời một khối lượng tác phẩm sân khấu đồ sộ khiến chúng ta phải nghĩ đến Lope de Vaga và Calderon.

Ngay từ thời trẻ, khi đang đi học tại Trường Kỹ thuật Xây dựng, ông đã say mê sân khấu và thường sử dụng số tiền dành dụm được để mua vé xem kịch. Năm 1865, ông viết vở *La hija natural* (Đứa con gái không hôn thú) sau đó, năm 1874, là vở *El Libro talonario* (Cuốn sổ kế toán). Các tờ áp phích quảng cáo chương trình ghi bút danh thay vì tên ông, nhưng khán giả không mất nhiều thời gian để đoán ra rằng tác giả đang được hâm mộ đó là José de Echegaray, sau đó là Bộ trưởng Bộ Tài chính Tây Ban Nha. Vài tháng sau, vở *La última noche* (Đêm cuối cùng) được trình diễn. Kể từ đó, khả năng hư cấu tuyệt vời của ông không ngừng cho ra đời những tác phẩm đầy sáng tạo. Chỉ trong một năm ông đã công bố 3 đến 4 tác phẩm. Không có đủ thời gian để kể hết các tác phẩm của ông, chúng tôi chỉ xin đề cập ở đây một vài tác phẩm gây được sự chú ý rộng rãi của công chúng. Echegaray giành được thành công vang dội đầu tiên vào tháng 11 năm 1874, với vở kịch *La esposa del vengador* (Vợ kẻ báo thù), trong đó bộc lộ rõ nét thiên tài của ông và mặc dù vẫn còn có những chỗ khoa trương, vẻ đẹp của nó thật đáng khâm phục. Công chúng tưởng như được trở về với Thời Hoàng Kim của sân khấu Tây Ban Nha, còn tác giả thì được ca ngợi như người tái sinh kỷ nguyên rực rỡ nhất của nền ca kịch nước nhà. Vở *En el puno de la espada* (Chuôi kiếm) được công diễn năm sau đó cũng nhận được sự hưởng ứng nồng nhiệt như vậy. Sức mạnh to lớn của những tư tưởng cao thượng trong vở kịch khiến khán giả xúc động sâu sắc và những tràng vỗ tay không ngớt suốt buổi diễn và sau cảnh diễn cuối cùng, đến nỗi Echegaray phải xuất hiện trên sân khấu 7 lần để cảm ơn. Nhưng một cuộc tranh luận gay gắt đã nổ ra năm 1878, khi Echegaray công bố tác phẩm *En el pilar y enla cruz* (Chiếc cột và cây thánh giá), trong đó nhà thơ thể hiện mình như là người ủng hộ tư tưởng tự do vì lòng khoan dung và chống lại sự cuồng tín. Tác phẩm tiêu biểu của Echegaray, như chính ông thừa nhận, là *Conflicto entre dos deberes* (Xung đột nghĩa vụ), công bố năm 1882. Sự xung đột của các nghĩa vụ được thể hiện trong hầu hết các tác phẩm của ông nhưng hiếm khi nó được đẩy lên tột đỉnh như trong tác phẩm này. Hai tác phẩm khác đã làm cho tên tuổi của ông lừng lẫy. Đó là hai vở kiệt xuất, *O lucura ó santidad* (Gã điên hay vị Thánh) và *El gran Galeoto* (Galeoto vĩ đại), tác phẩm đầu công diễn vào tháng Một năm 1877, tác phẩm sau vào tháng Ba năm 1881. Vở *O lucura ó santidad* chứa đựng rất nhiều ý tưởng sâu sắc. Nó kể về thân phận một người đàn ông vì trung trực mà từ bỏ sự giàu có vật chất nên bị mọi người, trong đó có cả bạn bè coi như một thằng điên. Lorenzo de Avendano từ chối tên tuổi và những tài sản mà anh ta phát hiện một cách tỉnh cờ không thể phủ nhận rằng nó hoàn toàn không thuộc về mình. Anh ta kiên quyết giữ nguyên quyết định đó ngay cả khi những bằng chứng hiển nhiên cho thấy anh ta không có quyền hưởng tài sản không còn nữa. Chủ nghĩa lý tưởng đó của anh ta bị gia đình coi là điên rồ, còn Lorenzo thì bị mọi người chế giễu là một thứ Don Quixote buồng bỉnh và ngốc nghếch. Kết cấu chặt chẽ của vở kịch thể hiện rõ đó là tác phẩm của một kỹ sư, người có thể đo đếm chính xác từng chi tiết, nhưng nó cũng cho thấy rằng ông là một nhà thơ thiên tài đang độ chín. Không đơn thuần là những xung đột bề ngoài, vở kịch mô tả những xung đột bên trong của một nhân vật mang nỗi buồn vô hạn. Đó là sự đấu tranh giữa bổn phận, nghĩa vụ với chủ nghĩa cơ hội và khi đi theo tiếng gọi của lương tâm, Lorenzo đến với nỗi thống khổ của kẻ tử vì đạo. Kinh nghiệm cho thấy rằng, thói thường, những ai trung thành với lương tâm sẽ phải chuẩn bị đối mặt với số phận của người tử vì đạo.

El Gran Galeoto thậm chí còn gây được ấn tượng mạnh mẽ hơn. Ngay trong tháng đầu tiên kể từ khi ra mắt, tác phẩm đã được tái bản không dưới năm lần và dấy lên trong toàn quốc cơn sóng hâm mộ đối với tác giả. Nhờ lối diễn tả tâm lý nhân vật bậc thầy, chắc chắn vở kịch sẽ có những giá trị lâu bền. Nó cũng nói lên sức mạnh của sự vu khống. Cái vô tội nhất cũng có thể bị bóp méo và xuyên tạc bởi những kẻ ngồi lê đôi mách. Ernesto and Tcodora không hề làm gì để đáng bị chê trách, nhưng người đời tin rằng họ có tội, và cuối cùng, khi bị tất cả mọi người bỏ rơi, họ đã để mặc cho số phận đưa đẩy. Khả năng phân tích tâm lý tinh tế được thể hiện qua sự quan sát tỉ mỉ, sắc sảo. Hai sinh linh cao quý ấy không hề có ý định đánh cắp những gì thuộc về người hàng xóm, nhưng họ bị cuốn hút vào lúc nào không biết nữa. Họ chỉ thực sự nhận ra tình yêu của mình nhờ tình cảnh bị ngược đãi mà chính họ bị rơi vào. Chủ nghĩa lãng mạn đã thành công vang dội trong một vở kịch mang vẻ đẹp thi ca, với những chi tiết trữ tình ngoạn mục và một cấu trúc hoàn hảo.

Với tư cách một kịch tác gia, Echegaray đã không hề ngừng nghỉ. Năm nay, 1904, ông vừa công bố một vở mới, *La desequilibrade* (Người đàn bà bối rối), trong đó màn thứ nhất thực sự là một kiệt tác về nghệ thuật thể hiện và xây dựng nhân vật điển hình. Vở kịch cũng cho thấy một cảm hứng thi ca không hề suy kiệt. Trong vở kịch này chúng ta gặp Don Mauricio de Vargas, một trang hiệp sĩ rất đẹp đẽ dưới con mắt của Echegaray, một trang hiệp sĩ không muốn mua thắm chi cả hạnh phúc của bản thân nếu phải xâm hại đến bổn phận.

Giải Nobel được trao cho nhà thơ lớn này là một quyết định đúng đắn. Sự nghiệp của ông nổi bật nhờ một khả năng sáng tạo dồi dào và cách nhìn thế giới mang những ý tưởng cao cả. Chính vì lý do đó, một nhà phê bình nổi tiếng của Đức đã nói về ông như sau: "Ông xử sự đúng quyền và trách nhiệm ở mọi hoàn cảnh".

Echegaray đã để cho một nhân vật trong *El gran Galeoto* nói lên những lời vô cùng bi quan rằng thế giới sẽ "không bao giờ công nhận sự tinh tế của thiên tài, cho đến ba thế kỷ sau khi ông ta chết".

Điều này rất có thể xảy ra, chẳng có gì đáng nghi ngờ. Nhưng để phản bác rằng điều đó không phải bao giờ cũng đúng, chúng tôi xin đưa ra một bằng chứng là sự hâm mộ rất xác đáng của công chúng đối với tác phẩm của Echegaray. Để làm thêm một lời ca ngợi nữa đối với ông, Viện Hàn lâm đã đồng trao Giải Nobel cho nhà thơ nổi tiếng, niềm vinh dự và tự hào của Viện Hàn lâm Tây Ban Nha, Jose Echegaray.

Tại bữa tiệc chiêu đãi, C.D.Wirsén đã chỉ rõ rằng việc chia sẻ giải thưởng hoàn toàn không làm giảm giá trị đóng góp của hai nhà thơ đoạt giải. Ông nhắc lại những tác phẩm trong sáng và tươi rói của Fédérich Mistral, gọi ra những tác phẩm chủ yếu và đề nghị Công sứ Pháp, ông Marchand, chuyển tới nhà thơ Provence nổi tiếng lời chào kính trọng của Viện Hàn lâm Thụy Điển và tất cả các quan khách có mặt. Sau đó ông điểm lại sự nghiệp đồ sộ của Echegaray, lấy làm tiếc về tình trạng sức khoẻ của ông và giải thích rằng Công sứ Tây Ban Nha đã không đến được để tham dự buổi lễ chiêu đãi và đã nhận lời chúc mừng thay cho người đồng bào nổi tiếng của mình.

Công sứ Pháp, ông Marchand, đáp lời ngài Thư ký Viện Hàn lâm Thụy Điển và nhắc lại rằng năm trước ông đã cám ơn Viện Hàn lâm về Giải Nobel trao cho ông bà Curie. Lần này ông phát biểu thay cho nhà thơ vĩ đại mà vùng Provence có quyền tự hào. Ông kể lại một sự kiện vô cùng xúc động. Bốn mươi lăm năm trước Viện Hàn lâm Pháp - Thụy Điển - theo đề nghị của Lamartine, người rất hâm mộ Mirèio, quyết định trao một giải thưởng trị giá 3000 francs cho Mistral. Khi người ta hỏi tác giả, bấy giờ đang sống một cuộc sống thanh đạm ở nông thôn, ông định dùng giải thưởng làm gì, ông trả lời: "Đó là giải thưởng cho thơ, không được động tới". Nhà thơ khiêm tốn đã chia xẻ tài sản "khổng lồ" ấy với mọi người".

Ngài Marchand cũng thay mặt đồng nghiệp của mình, Công sứ Tây Ban Nha, bày tỏ lòng biết ơn của ông Echegaray.■

TÂN ĐÔN dịch

NGUYỄN THÁI SƠN

Tên rơi trước mặt

Cánh cung tre ngà dẻo
dây cung đuôi ngựa căng
ngày xưa mắt sáng
ngày xưa tay săn
ta cũng bắn được chim sâu chim sẻ

thời trai trẻ
dây vừa buông tên vút đi rồi
đích ngắm vu vơ mờ ảo suốt đời
ta mê mải
ống tên dần cạn

Chỉ còn mũi tên lông ngỗng này thôi
người dục ta bắn lên trời
- trời cao rộng khôn cùng
lo gì không trúng đích!

mũi tên dốc túi
ta cố sức dương cung lần cuối
đứt dây gẫy tre
mũi tên theo gió bay về
rơi trước mặt.

Kỷ niệm ngày sinh, 17-10-2000

Độc thoại

Thôi thì mãm bát phần người
gáo dừa niêu đất để tôi, kẻo mà...
chân chồn chiều muộn đường xa
ngựa non vặt mạ, trâu già nhai rơm

lạch nông kết chiếc thuyền con
sông dài biển rộng dong buồm mặc ai
ghế người cao vút rộng dài
xoa chân cỏ mượt chiếu gai mình ngồi

mai sau hoá cát bụi rồi
đáy sông cùng lắng, lưng trời cùng bay...

1999

TRẦN THỊ THẮNG

Khát vọng

Người đàn bà địu con
Đôi chân đất vẫn bám vào đất
Bước đi chắc nịch giữa đời
Gương mặt đàn bà bám đầy sương gió
Nỗi khổ đau biết hằn lên mặt
Người đàn bà địu con đi trong mưa bay.

Đứa con biết làm ấm lưng mẹ
Tấm lưng dạn dày ủ trái tim non đập nhè nhẹ.

Con ơi lớn với đời
Mong con không phải đeo trái tim nhỏ trên lưng
Không có gương mặt thừa sương gió
Bụng lại thiếu bát cơm.

Con là niềm vui của mẹ
Đời con sẽ khác xa người địu con trên lưng.

Người đàn bà cứ cúi gập mình
Địu con cao ngang trời
Đôi chân đất dẫm lên bao đau khổ
Để ước con mình không khốn khó.

Người đàn bà địu con
Trên lưng trái tim đầy khát vọng
Do người đàn bà địu con sinh ra.

Chơi trăng

Em buồn em gọi trăng
Về đây làm quả cầu
Ta lăn đi tìm gọi
Người ta thầm nhớ thương.

Em buồn em mời trăng
Chiếc thuyền trôi mỏng manh
Nhờ tay chèo em đưa
Trăng thành con thuyền nhỏ
Chở nỗi buồn duổi dong
Trăng ơi trăng hãy thả
Nỗi buồn về nơi anh.

Em buồn em mời trăng
Cùng xuống đây ăn cơm
Trăng buồn không so đũa
Em buồn bỏ bữa cơm
Phải chăng trăng quên ăn
Nên hao gầy vò võ.

Ta buồn ta chơi trăng
Trăng buồn trăng tìm ta
Hai nỗi buồn chia phôi
Cho hai kẻ đơn côi.

Ta lên tìm trăng chơi
Trăng về tìm ta ở
Buồn có vơi đi không?
Đời còn cho một cửa
Để ta chơi cùng trăng
Nỗi buồn còn nơi đậu
Mảnh trăng treo trước nhà.

TRỊNH QUỐC THẮNG

Giai điệu Mùa Thu

Mở cửa trời se lạnh
Biết mùa thu đã về
Lá bàng chưa kịp đỏ
Vẫn xanh màu đam mê

Tình anh như là hoa
Nở trong chiều thu tím
Tình em như là hương
Qua rồi còn bịn rịn

Anh gửi vào mùa thu
Cả một trời thương nhớ
Anh gửi vào tình em
Những gì còn dang dở

Tình anh trang giấy nhỏ
Viết mãi vẫn không đầy
Mùa thu như em vậy
Cứ dịu dàng mê say.

CHU HỒNG TIẾN

Chiều Viôlét

Phố đồng thảo
Bầy sẻ dung dăng
Hòn sỏi son reo ca nắc nẻ
Tóc thật dài và lời rất khẽ
Mây đang xanh và chiều bình thường

Những em bé rất nhiều tưởng tượng
Chụm môi thổi quả bóng bay ngũ sắc
Tay mãi vẫy... với tròn căng mắt ước...
Mây đang cao và viôlét đang hoa.

(Tiếp theo trang 5)

Ánh mắt...

phép được trả một phần tiền ăn cho chúng tôi. Mi đưa ngay ra cho Cảnh một tờ giấy. Tôi liếc nhanh qua thấy tờ giấy đã ghi rõ từng mục tiền học, tiền ăn, tiền điện nước. Rồi con số cộng lại. Vợ chồng Cảnh truyền nhau xem tờ giấy. Họ nhìn nhau, mặt có vẻ hơi tai tái. Rồi cả hai vợ chồng cùng lục tìm tiền ở trong túi của mình. Tiền của cả hai người gộp lại còn thiếu mấy chục nghìn đồng nữa.

- Vợ chồng em... Hôm nay chưa chuẩn bị đủ... Em xin khất đến đầu tháng này. Chúng em sẽ mang tận nơi để trả anh chị!

- Thôi thế này cũng là được! - Mi vừa cầm tiền vừa trả lời dứt khoát.

Vợ chồng Cảnh đứng dậy xin phép ra về ngay. Đợi họ ra về rồi, tôi đóng cửa lại.

- Sao cô tính họ nhiều vậy? - Tôi sẵng giọng.

- Còn là giá hữu hảo đấy! Anh thử tính lại xem. - Mi gọi ra vanh vách một lô những con số một cách chính xác.

- Chẳng nhẽ cô không biết họ là người quen của tôi?

- Thế còn con của bao nhiêu người quen nữa đang học, ai cũng thế thì dạy công không à?

Tôi giật mình. Trước đây tôi chỉ biết dạy, còn việc tiền nong là ở Mi. Bây giờ tôi bắt đầu tìm hiểu, mới ngã ngửa người ra. Mi đã tăng giá ở từng buổi học thêm lên rất cao so với các lớp học thêm khác ở trong vùng. Nhưng do có uy tín mà học sinh vẫn lao vào xin học. Trong số đó còn có một số con em những người bạn chiến đấu cũ với tôi nữa. Có người đã để lại một phần xương thịt ở chiến trường, họ lại đang gặp rất nhiều khó khăn. Tôi hỏi đến, Mi đáp thẳng thừng: "Con em của những gia đình chính sách đã có chế độ của Nhà nước". Và còn những người là họ hàng thân thuộc của cả hai bên, những bạn bè đồng nghiệp, nhưng dạy các môn khác, họ gửi con vào học lớp của chúng tôi. Tôi đinh ninh là Mi sẽ không thu tiền của con cái họ. Nào ngờ... Vậy nên tôi đã nhận ra vì sao mà thời gian gần đây mọi người lại nhìn tôi bằng một ánh mắt khác hẳn. Tôi chợt nhớ đến buổi hoàng hôn năm nào, nhìn những đám mây kỳ ảo mà Mi thấy nó giống những cây sồi của nước Nga. Đâu rồi những mơ mộng của ngày xưa?

Tôi cảm thấy buồn. Tôi có ngay một phản ứng ngầm ngầm. Ở trong công việc và trong cả tình cảm vợ chồng. Mi vỗ về tôi. "Mình không dạy thêm thì lấy tiền đâu mà chi tiêu. Tiền cho con ăn học. Tiền chi dùng của nhà mình bây giờ. Anh có biết hết bao nhiêu một tháng không? Hay là anh lại muốn trở về với cuộc sống cuốc đất trồng sắn, trồng rau ngày xưa?".

Nghe Mi vậy, tôi cũng thấy nguôi ngoai trong lòng. Tôi tự nhủ, bao nhiêu người cũng dạy thêm cả đấy. Có lẽ bởi do có cầu thì phải có cung. Mà ở cuộc đời này, người nọ nuôi người kia cũng là lẽ đương nhiên. Bây giờ mọi người đều khấm khá cả rồi. Họ bỏ ra một chút tiền để con cái họ có kiến thức cũng là một điều hợp lý.

Và bây giờ tôi mới bắt đầu chú ý đến việc thu tiền của Mi. Mi luôn chuẩn bị sẵn một số phong bì. Học sinh chỉ việc cho tiền vào, ghi tên lên rồi đem nộp. Mi không bao giờ đếm tiền trước mặt học trò. Về đến nhà Mi mới bỏ tiền ra đếm lại. Tôi thấy gai gai trong người mỗi khi nhìn những ngón tay mập bóng của Mi khe khẽ moi những đồng tiền ra khỏi những chiếc phong bì mỏng manh. Vẫn những ngón tay ấy vuốt đi vuốt lại từng đồng tiền cho phẳng. Mắt Mi xăm soi xem có tờ nào bị dây bẩn, bị rách nát không. Rồi mỗi khi tiền thu về của tháng này thấp hơn tháng trước là Mi lại cau có bực bội một cách vô lý. Tôi buồn ngao ngán.

Nỗi buồn cứ len mãi vào tận chốn sâu thẳm lòng tôi. Nhiều khi tôi cứ giật mình ngơ ngác xung quanh. Sống giữa sự giàu có, đầy đủ mọi thứ, vậy mà sao tôi vẫn cảm thấy thiếu một cái gì đó. Trong tôi lại trỗi lên một sự thèm khát không có tên. Tôi thèm khát điều gì nhỉ. Tôi cũng chưa thể hiểu được tôi đang thèm khát cái gì.

Một buổi chiều, tôi lững thững đi dạo. Tôi đi một cách vô định. Tôi gặp bao nhiêu là người, những người lạ, những người quen và bao nhiêu những học trò tôi đang dạy. Tôi nhìn họ và họ cũng nhìn tôi. Bỗng nhiên, tôi chợt nhận ra tôi đang thèm khát được nhìn thấy những ánh mắt học trò ở cái thuở ngày xưa. Những ánh mắt trong veo như những giọt sương ban sớm. Những ánh mắt nhìn tội sao mà da diết. Nó chứa đựng một niềm biết ơn đến vô hạn. Và bao niềm khát khao, bao háo hức chờ đợi. Mặc dù trên từng gương mặt non trẻ ấy đã sớm vương đọng một chút nắng mưa. Chúng nó tiếp thu kiến thức cũng chật vật như cuộc đời của cha mẹ chúng. Cũng có khi không thuộc bài chúng lại nhìn tôi với vẻ nen nét van lơn. Vậy mà bọn chúng vẫn cứ phơi phới, vẫn tinh nghịch, vẫn thoả thuê vui đùa. Bởi những tâm hồn trong trẻo ấy đã được thừa hưởng những tấm lòng đôn hậu chất phác. Tôi thương yêu chúng đến nao lòng.

Thuở ấy, tôi và Mi cũng như các thầy cô trong nhà trường vẫn thường xuyên thay nhau lóc cóc đạp xe len lỏi vào từng ngõ xóm, để kèm cặp phụ đạo cho những học sinh còn yếu. Hay bồi dưỡng cho mấy em chuẩn bị đi thi học sinh giỏi. Khi ra về đã thấy treo lủng lẳng ở đầu xe một con cá chuối:" Bạn Mậu vừa bắt được con cá. Thấy mang về nướng rồi rim tương cho cu Hà ăn cơm nguội". Có hôm lại:" Mẹ em bảo đem biếu thầy mấy quả trứng gà con so. Thấy mà không nhận em sẽ bị mẹ đét đòn".

Cũng có buổi chúng kéo lên ngồi chật căn nhà chúng tôi ở khu tập thể. Riu rít chuyện trò, rồi lại riu rít kéo nhau ra về. Sau khi chúng đã về hết, tôi nghe thấy tiếng lào rào khe khẽ ở trong bếp. Tôi chạy xuống thì thấy lưng một thau cua đồng. Những con cua của đồng chiêm béo vàng, giương những cặp mắt tí xíu nhìn tôi ngơ ngác...

Còn bây giờ, tôi đang bắt gặp thường xuyên những ánh mắt lạnh nhạt của lũ trẻ, đôi khi còn có cả những ánh mắt đầy ngạo mạn của chúng, cứ như chúng muốn nói rằng sự giàu có của thầy là nhờ những đồng tiền của bọn em đấy. Tôi ngày càng cảm thấy chua chát và đau đớn. Tôi mất ngủ triền miên, rồi nhiều khi chỉ vừa chợp mắt là lại mê sảng vùng dậy, mồ hôi toát ra như tắm. Tim tôi đập thình thình như vừa bị hút xuống một vực nước sâu thăm thẳm, có những con xoáy ghê sợ. Thủ thực đã mấy lần tôi đánh liều cầm bút viết thư gửi lên báo *Phụ nữ* để than thở và xin ý kiến chị Thanh Tâm, người mà tôi tin cậy nhất. Tôi kiên chì chờ đợi hồi âm, nhưng có lẽ vì quá bận, cho nên vẫn chưa thấy chị trả lời. Có anh bạn đồng nghiệp rất thân với tôi, trong một lần uống rượu hết mình, tôi tâm sự với anh tất cả, anh bảo: "Chị Thanh Tâm chỉ tâm tình khuyên nhủ việc nội bộ của phụ nữ với nhau thôi, còn cậu là đàn ông, cậu không có quyền thắc mắc. Biết thân thì hãy im lặng đầu hàng đi, còn nếu có ý cựa quậy phản kháng thì cú liệu hồn đấy. Nhẹ nhất cậu cũng sẽ mất tiên tiến, vì tội có ý đồ bạo lực với phụ nữ, vô phúc mà phạm phải pháp lệnh Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em thì đời cậu toi".

Toàn những chuyện nghiêm trọng vậy mà anh bạn tôi lại nhếch mép cười. Tôi đâm hoang mang, cũng nhếch mép cười theo, tự thấy thật ngây ngô.■

Tháng 8-2001

Đ.C.T.

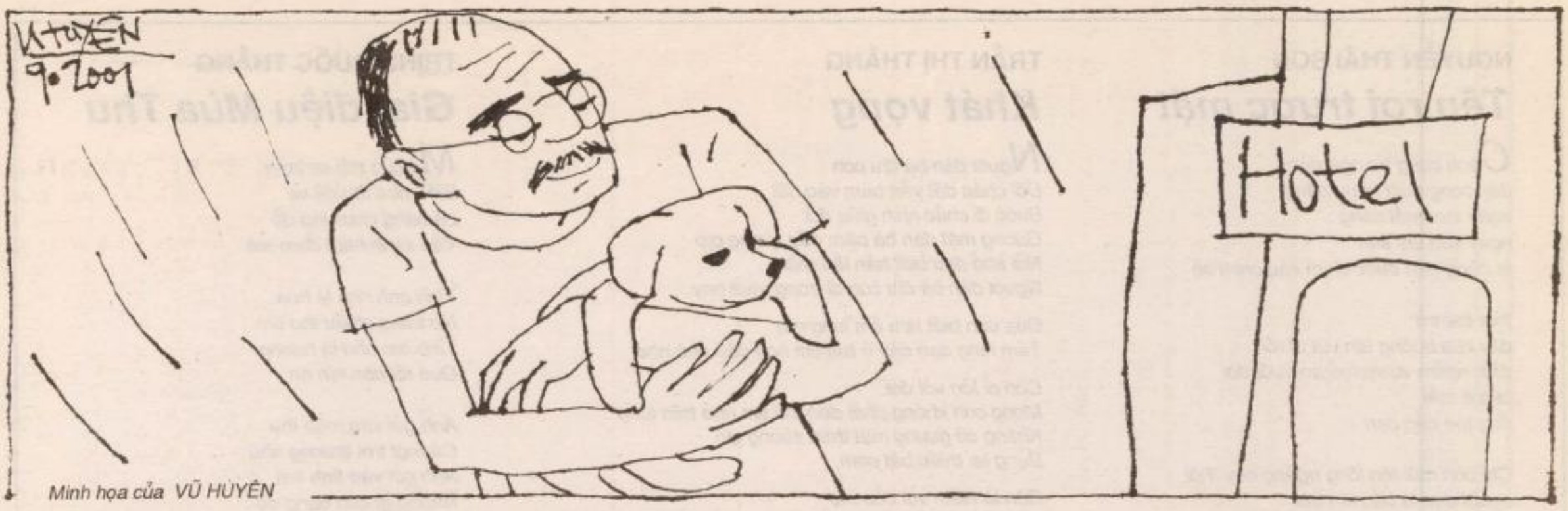

Minh họa của VŨ HUYÊN

Người đàn ông và con chó nhỏ

Truyện ngắn của TRẦN NHÃ THUỴ

MƯA. Người đàn ông đó đang ngồi nhìn mưa. Sự lặp lại của những cơn mưa trong nhiều buổi chiều nay làm cho ông chán ngán. Ông dự định, khi tanh cơn mưa ông sẽ bước xuống đường. Ông biết rành con đường đó và hình dung mình sẽ đi ngược chiều gió như thế nào. Đến chỗ đó ông sẽ rẽ sang một con đường khác. Con đường chẳng dẫn ông đi đến đâu cả nhưng gió thì cứ đẩy phía sau lưng. Gió như một bàn tay.

Mưa. Vẫn tiếp tục rơi. Mưa nắng luôn là sự lặp lại nhưng cũng luôn là sự khác biệt. Ông chưa bao giờ thấy mưa dai dẳng như thế trong một buổi chiều. Điệu này, có nguy cơ mưa cả vào đêm. Ông chán chủ bên cửa sổ, nửa muốn quay vào nửa muốn nán lại, đúng lúc đó thì gã lái xe thò đầu vào, thông báo: "Bọn họ đang đợi anh ở dưới". Ông bảo: "Ừ, cậu xuống trước đi", rồi nhìn ra cửa sổ lần cuối. Trong khi nhìn ra như vậy ông nhận ra mình đã quên mất tên của gã lái xe, đúng hơn là ông chưa thể kêu tên gã ra được. Ông biết nếu cố tình cố nhớ thì không cách gì nhớ ra nên ông gạt phăng ý nghĩ đó đi. Nhưng chính điều đó làm ông khó chịu, ông lâu bàu, "Chết bầm, trí nhớ tồi tệ tuổi già". Ông chậm rãi bước xuống cầu thang. Cái khách sạn này đối với ông chẳng phải là chỗ xa lạ. Một khách sạn hạng trung nhưng ông thích nó bởi sự dễ chịu khi nghỉ ngơi, thuận tiện khi đi lại. Nhưng nói chung, ông không phải là người thích sự thay đổi. Trong khi đi xuống ông lục túi lấy bao thuốc lá nhưng rồi phải đứt nó vô trở lại vì cái hộp quẹt đã bỏ quên trên phòng.

Một người trong "bọn họ" mời ông loại thuốc ông thích rồi bật lửa luôn cho ông. Một người khác hỏi "Thấy khoẻ không?". Ông cười, bảo "Khoẻ. Nhưng già rồi, khoẻ để làm gì?". Cả bàn cười. Bia rót ly cụng. Ông chỉ một người, nói "Lúc này anh coi bộ khá. Chưa có bứt phá lớn nhưng phong độ được". Người vừa được khen là một gã trung niên, khuôn mặt nhàu nát, nụ cười hiền nhưng thiếu tự tin. Gã cung kính nâng ly lên, chỉ nói "Dạ...", rồi cạn một hơi. Một người hỏi "Cái vừa rồi em gởi cho anh có dùng được không?". Ông bảo, "Cái nào của anh mà chẳng dùng được. Nhưng quan trọng là anh có thích nó hay không?". Người đó nói, "Em cũng không biết". Ông cười, "Nói chuyện với anh chán chết đi được". Nhưng rồi ông lại bảo, "Lúc này tôi cũng thấy chán tôi ghê quá". Một người nói, "Thôi, ta vui đi anh ơi. Xong chầu này mình còn đi *tăng* hai nữa chứ". Ông cười, "Nghe có lý đấy. Can cái coi. Chúc sức khoẻ".

*

Khoảng chín giờ sáng. Ông nằm im trên giường quay mặt vào tường giả ngủ. Ánh nắng yếu ớt vạch một đường xiên trên tấm rèm che. Ông nằm im như vậy rất lâu, những suy nghĩ động sóng miên man. Ông cũng không hiểu sao mình lại về đây, chọn nơi chẳng phải là quê nhà làm sự lựa chọn cho chuyến đi cuối cùng trước khi về hưu. Ông cũng đã nghĩ đến cảnh về hưu sẽ ngồi *chống ngốc* ở nhà, nhưng điều đó đối với ông cũng chẳng có gì buồn. Chỉ có điều ông cảm biết rằng cuộc sống của ông rồi đây sẽ thu về một góc. Sống một góc nhỏ riêng mình rồi chờ phút ra đi. Lúc đó mọi buồn vui đều vô nghĩa. Và lúc này đây ông cũng đang sống với cảm giác không buồn không vui đó. Ông nằm im, quay mặt vào tường, giả ngủ. Ông có tật giả ngủ từ hồi còn nhỏ. Những lúc không muốn ai làm phiền đến mình là ông nằm quay mặt vào tường nhắm mắt hoặc mở mắt, rì rầm những ý nghĩ, những câu chuyện, những đối thoại và xung đột... Ông thích giả ngủ giữa những người đang thức xung quanh.

Tự nhiên ông nhớ đến gã làm thơ có khuôn mặt nhàu nát. Ông không biết gã sống như thế nào vì gã không biên chế hay hợp đồng cho một cơ quan nào cả. Có thể gã sống nhờ vợ, nhưng ông chưa nghe gã nói về vợ bao giờ. Ông chỉ biết gã không phải là người miền Tây mà quê đâu miền ngoài, gã trôi dạt vào đây cũng khá lâu và lăn lộn cũng khá nhiều, cho đến bây giờ vẫn chưa ổn định được. Nhưng ông thấy gã là một người có tư chất. Có lần, sau đêm vui, khi cùng ngồi trên phà để qua sông, gã đã hỏi ông, "Tại sao gái miền Tây làm điếm nhiều như vậy, hở anh?". Ông không thể trả lời được, ông đâu phải là nhà tâm lý hay nhà xã hội học. Ông hỏi lại, "Vậy theo anh thì vì sao?". Gã bảo, "Tôi cũng thấy khó trả lời được nhưng tôi muốn chia xẻ với anh điều đó". Ông bảo, "Đây không phải là lần đầu tiên tôi được nghe một câu hỏi như vậy. Đây là vấn đề để chúng ta cùng suy nghĩ chứ không phải để trả lời cho qua". Gã cười, "Khó, tôi biết là khó. Mà thôi, tôi đã làm phiền anh vì một câu hỏi ngu ngốc không đâu". Nói rồi, gã ngồi gục đầu, mắt cứ nhìn mãi xuống dòng sông. Khi lên bờ ông phải đỡ tay gã. Giọng gã thảng thốt trong cơn say, "Lên bờ rồi hả anh, vậy mà tôi còn nghe tiếng sóng".

*

Ông mỉm cười trong khi vẫn tiếp tục nằm giả ngủ. Ông cũng cảm thấy hài lòng về sự kính trọng mà giới trong nghề vẫn dành cho mình. Lát nữa đây bọn họ sẽ đến đưa ông đi chơi mấy chỗ nhà vườn. Ông ngồi dậy, châm thuốc. Có tiếng gõ cửa, rồi gã lái xe thò đầu vào, "Một ngày nắng đẹp. Ta đi thôi anh. Mọi người đã đến đông đủ rồi". Ông phẩy tay ra hiệu cho gã lái xe lui xuống rồi chậm rãi thay quần áo. Tay làm thơ mà ông có cảm tình không có mặt trong đoàn. Ông không hỏi lý do, cũng không thấy ai nói gì. Lên đường. Xe mở máy lạnh nhưng mọi người thi nhau hút thuốc. Ông cũng hút liên tục. Gã lái xe hơi khó chịu quay cửa kính mở hé một chút. Cũng may đường ngắn. Dọc đường, ông thấy vài vạt điên điển đang ra bông, phía xa cánh đồng nông dân đang gặt lúa chuẩn bị chạy lũ. Xuống xe. Cả đoàn đứng trên bờ sông. Ông bước xuống gần mép nước. Dòng sông chói nắng. Chiếc tắc ráng rẽ sóng. Tiếng cười nói lao xao. Ông là người đầu tiên bước lên bờ. Một người nói, "Chỗ này hay quá chớ anh". Ông bảo, "Hay, trưa nay phải ngủ lại đây mới sướng". Một người nói, "Mau thiết kế bàn nhậu sớm đi. Anh thích món gì hả anh? Ở đây có món cá hết xẩy". Ông bảo, "Sao cũng được. Tôi thì ăn được bao nhiêu, chủ yếu là vui thôi mà". Trong khi mọi người xúm xuýt lo làm mồi nhậu ông bỏ đi tha thẩn một mình. Quê của ông cũng giống nơi này thôi, vùng quê sông nước nào lại không giống nhau. Nhưng ở quê của ông, giờ đây ông không còn người thân, chỉ còn lại một xác nhà. Ông bỗng nhớ cái bến tắm hồi nhỏ, nhớ cái cồn cát lơi thơi bên kia sông. Ông thấy ông một mình đi thăm lại những cảnh cũ, tất nhiên là đi trong tưởng tượng, trong hồi nhớ, nhưng ông cũng nhận ra rằng đôi khi mình cũng bị lạc đường. Một cô sồn sồn trong đoàn đi về phía ông. Cô này là nhà báo. Cô gọi, "Anh ơi, vào trong kia ngồi cho mát". Ông dừng lại, nhìn lại thấy một cô phấn son loè loẹt, cô này đã ngồi cạnh ông trên xe, suốt dọc đường cứ bị mấy gã đàn ông trêu chọc nhưng cô cũng mồm mép và bạo dạn không kém. Ông quay lại, đi bên cô, "Ở đây mát mẻ quá". Cô cười, hỏi, "Anh về đây chơi lâu không?". Ông cười, hỏi lại "Tôi muốn ở lâu có được không?". Cô cười to, mạnh dạn nắm lấy tay ông, "Được quá đi chớ. Em sẽ tình nguyện làm hướng dẫn viên cho anh. Nhưng anh phải giúp em một việc". Ông hỏi, "Việc gì?". Cô nói, "Anh trả lời giúp em một số câu hỏi phỏng vấn. Em muốn anh có mặt trong số báo đặc biệt sắp tới của em. Được không?". Ông bảo, "Được, chuyện nhỏ mà".

Trở lại phòng nghỉ khách sạn. Một đêm trôi qua. Buổi sáng. Cà phê. Những gương mặt cũ, những câu chuyện cũ được phát lại nhưng vẫn có tiếng cười vang lên. Ai cũng cần tiếng cười. Một người nói, "Tôi đúng là người vụng về, hậu đậu, ở nhà nuôi con gì cũng chết..." Những cặp mắt liếc nhìn nhau, chuẩn bị miệng cười. Người đó nói tiếp, "...Nuôi con gì cũng chết, vậy mà ác nhơn, có con vợ nuôi hoài nó... hống chết". Một trận cười nổ ra. Ông cũng cười. Chuyện này ông nghe đã hàng trăm lần, nhưng lần nào cũng cười. Cũng là cười cho vui vậy chớ còn biết làm gì. Gã làm thơ có khuôn mặt nhàu nát biến đâu mất tăm từ hôm đó. Mọi người không ai nhắc nên ông cũng không tiện hỏi. Thường thường mọi người giải tán vào lúc giữa buổi. Ông trở lên phòng, lại nằm nhắm mắt giả ngủ. Chiều tối lại có một trận nhậu. Nhiều lần phải đội mưa đi. Nhiều lần, ông chợt nhớ đến con chó nhỏ ở nhà. Thực ra con chó này cũng đã được vài tuổi nhưng nó là giống chó Trung Quốc nên nhỏ con. Một con chó nhỏ, lông vàng xoăn, khôn lanh đáo để luôn quấn quýt bên chân ông. Trước đây, ông có nuôi một con chó (tất nhiên, ban đầu nó cũng là một con chó nhỏ), nó sống với ông suốt mấy chục năm, kể từ ngày ông thôi vợ đến lúc thằng con ông lấy vợ, thì con chó đã quá già. Không có gì khó chịu bằng nuôi một con chó già trong nhà, nhưng giống chó khi già rồi cũng rất biết thân biết phận và ông cũng gắng đối xử với nó đàng hoàng cho đến khi nó chết. Cái chết của một con chó nào có ý nghĩa gì, nhưng ông đã rất buồn, bởi ông cũng là một người già. Có ông bạn, chuyên nghề nuôi chó mang đến cho ông một con chó nhỏ. Ông nhận con chó và từ đó mướn thêm một bà giúp việc.

Buổi chiều tối lại có một trận nhậu. Sau độ nhậu đó ông quyết định ngày mai sẽ trở về thành phố. Nhưng cô nhà báo nhắc ông cái nợ một bài phỏng vấn nên ông hẹn sáng mai sẽ làm việc. Khi làm việc xong thì ông sẽ về luôn. Gã lái xe nghe vậy rất phấn khởi, gã nói, "Ngày mai mình về hả anh. Em nhớ vợ quá rồi". Cô nhà báo liếc xéo, "Ở đây đâu có thiếu vợ". Gã lái xe nhăn nhó, "Lái xe cho cơ quan văn nghệ như bọn em thì tiền đâu hở chị?. Biết vậy mà con vợ ở nhà nó ghen hết biết luôn". Cô nhà báo cười, "Đàn bà ai chẳng thế, tôi đây chưa chồng còn ghen nữa là". Một người thừa cơ chọc, "Vậy ông lái xe tranh thủ tối nay đi, không mai về rồi hối hận". Gã lái xe mặt đỏ bừng. Cô nhà báo tấn tới, "Anh có dám không, đằng nào mà vợ chẳng ghen, hở anh?". Gã lái xe liếc nhìn ông. Ông bảo, "Đừng nên dở với người đẹp". Ông vui miệng nói vậy, chớ đẹp nỗi gì, nhưng gã lái xe thì mừng hết lớn, gã nói với cô nhà báo, "Chút nữa tôi sẽ đưa chị về, được không?". Cô nhà báo che miệng cười, "Anh đã nghĩ kỹ chưa?". Gã lái xe bảo, "Rồi", rồi mặt lại đỏ bừng lên một lần nữa.

Một mình ông trở về khách sạn. Khoảng mười giờ đêm. Vài tay làm nghề xe lôi đạp lảng vảng trước khách sạn gạ gẫm, dắt mối gái cho khách. Ông lắc đầu, từ chối cuộc "trao đổi" với một tay thanh niên, mệt mỏi đi lên phòng của mình. Ông tắm nhanh rồi ra sa lông ngồi hút thuốc. Nhưng ông lại ném điếu thuốc xuống bàn vì cái hộp quẹt đã bỏ quên ở quán. Ngồi thừ ra một lúc, ông lại mặc quần áo vào quyết định đi xuống chỗ tiếp tân để mượn cái hộp quẹt. Khi xuống đến hành lang lầu một, ông chợt thấy một cô gái nhỏ đang ngồi tựa lưng vào tường, phía cuối hành lang là mấy đứa con nít đang chơi trò lò cò. Mấy đứa nhỏ vừa chơi vừa cười vừa nói nhưng xa nghe không thành tiếng, như phim câm. Cô gái nhỏ chăm chăm nhìn mấy đứa trẻ, đôi mắt hình như ướt lệ. Ông đứng nhìn cô gái. Cô gái nhỏ không hay thấy ông. Ông đi xuống chỗ tiếp tân lấy được cái hộp quẹt nhưng rồi tự trách mình không mang gói thuốc theo. Ông trở lên. Cô gái nhỏ vẫn ngồi đó, nhưng không nhìn mấy đứa con nít chơi nữa mà ngồi dựa lưng hẳn vào tường, dáng điệu mệt mỏi và buông thả. Ông bước lại phía cô gái, "Em làm gì mà ngồi ở đây?" (ông gọi *em* theo thói quen). Cô gái nhỏ quay nhìn ông, chợt chớp mắt và chợt hé cười, ông cũng chợt nhận ra điều bất trắc (đây là một cô điếm nhỏ). Cô gái nhỏ cười, "Em đang chờ... anh. Anh ở phòng nào?". Ông nói số phòng của mình. Hỏi, "Anh ở một mình thôi sao?". Ông trả lời là chỉ có một mình. Cười, "Anh cho em... tạm trú đêm nay được không anh?". Ông lại hỏi, "Sao em ngồi đây?". Cô gái nhỏ uể oải đứng dậy, chiếc áo khoác ngoài tuột ra khỏi vai để lộ một mảng nước da đen ngăm, khuôn ngực nhú nhỏ, khuôn mặt không mấy đẹp nhưng đôi môi thì nũng nịu, gợi cảm. Im lặng. Mấy đứa nhỏ đằng kia đã rút vào phòng từ lúc nào. Cuối cùng ông nói, "Thôi đi lên phòng, đi". Cô gái nhỏ nói, "Em cảm ơn anh". Trong phòng.

- Em tên gì?
- Em tên Tùng.

- Tên gì như của con trai.

- (Cười) Ở nhà em còn có một cái tên nghe kỳ lắm.

- (Cười) Tên gì mà kỳ?

- Thôi, em không nói đâu.

- Nói đi.

- Tên ở nhà của em là... Chó Con.

- Hủ, tên là Chó Con, nghe hay quá đi chớ.

- Anh dám chọc quê em hả, bắt đền đó.

- Bắt đền gì... Chó Con?

- Hủ, chọc người ta hoài. Mà anh biết không, em cũng có một con chó nhỏ nữa.

- Hả, con chó nhỏ.

- Ừ, em đã bỏ nhà đi và mang nó theo, nhưng nó đã đi lạc trước cửa khách sạn rồi.

- Em bỏ nhà đi?

- Đúng, em bỏ nhà đi vì ba em đã bỏ đi luôn rồi.

- Ba em đi đâu?

- Em không biết.

- Ba em làm nghề gì?

- Em không biết.

- Tại sao ba em lại bỏ đi?

- Em không biết?

- Còn má em?

- Má em thì ở nhà. Nhưng má em rất ghét em vì em làm gái nhưng không kiếm được nhiều tiền. Em xấu và hơi bị *tưng tưng*. Anh có thấy vậy không?

- Vậy sao? (ông cười).

- Ba em cũng hiền như anh. Ba em trẻ hơn anh, mà không, già hơn. Ba em hơi khó hiểu. Má nói ba cũng *tưng tưng* như em.

- Vậy sao? (ông lại cười).

- Thôi ngủ đi anh (cô gái nhỏ ngáp, kéo ông ngã xuống giường).

*

Khoảng bốn giờ sáng. Ông thức dậy. Cô gái nhỏ vẫn ngủ ngon. Cô nằm nghiêng, mặt hơi sấp xuống gối, hơi thở nhẹ, đều, hình như suốt đêm cô đã nằm với tư thế đó. Một cô gái có nết ngủ ngoan. Ông thầm nhớ đến cái nết ngủ của vài người đàn bà rồi mở hé cánh cửa phía ban công nhìn xuống phố. Phố lác đác người. Ông đốt thuốc, ngồi ngó chừng cô gái, ông mong cho cô sẽ dậy sớm vì biết đâu gã lái xe sẽ trở về bắt thình lình. Sáng nay ông còn cái hẹn với cô nhà báo. Cô gái nhỏ vẫn ngủ ngon. Ông hút xong điếu thuốc rồi đi vào phòng tắm. Ông loay hoay trong đó gần cả tiếng đồng. Khi ông trở ra thì cô gái đã biến đâu mất, không một vết tích gì lưu lại. Một chút hốt hoảng lẫn bàng hoàng thoáng qua. Ông ngồi xuống, đốt một điếu thuốc khác.

Gã lái xe biệt tăm luôn trong cả buổi sáng. Cô nhà báo cũng không thấy lại. Bọn họ, có lẽ nghĩ ông đã về nên cũng không ai đến. Suốt buổi sáng ông nằm trong phòng, giả ngủ. Ông nằm giả ngủ rồi ngủ say lúc nào không hay. Một giấc ngủ dài có những thời khắc nặng nề. Trôi qua. Như một sự lược bỏ, giấc ngủ triệu tập giấc mơ, phục hồi những vùng sống. Ông chưa từng ngủ một giấc dài như thế bao giờ. Khi ông thức dậy đã thấy gã lái xe có mặt trong phòng. Gã nói, "Thấy anh ngủ say quá em không dám gọi. Ta về được chưa anh?". Ông gật đầu, gã lái xe lăng xăng thu dọn đồ đạc, đồng thời gã cũng thông báo cho ông biết, "Đã bốn giờ chiều rồi". Khi mặc quần áo, ông mới phát hiện cái bóp của mình đã bị mất sạch tiền. Nhưng ông im. Ngoài kia nắng vàng rực. Một chiều nắng hiếm hoi trong đợt ông về nghỉ ở đây. Ông bảo gã lái xe, "Anh cứ xuống lấy xe rồi chờ tôi ở dưới, tôi đi đây một chút rồi sẽ về ngay". Gã lái xe nhanh nhẹn rút khỏi phòng. Ông đi xuống dưới. Đầu tiên là một con đường ngược gió. Sau đó, ông sẽ sang một con đường khác. Gió cứ đẩy phía sau lưng. Sự lựa chọn của ông trong lần đi nghỉ cuối cùng này có lẽ là để được đi trên con đường này. Những hạt cát bay cứa nhẹ vào cổ chân, ông nhận ra là mình không mang giày mà đã mang đôi dép nhựa của khách sạn. Ông cũng chợt nhận ra có một con chó nhỏ đang chạy về phía ông. Một con chó có bộ dạng tẹp nhẹp nhưng đôi mắt khá linh hoạt. Con chó chạy đến trước chân ông thì dừng lại hít hít đánh hơi. Ông cúi xuống ẵm con chó nhỏ lên, nó kêu vài tiếng ủng ẳng rồi rúc đầu vào ngực ông.

Ông cứ ôm giữ con chó nhỏ như thế mà bước đi. Gió cứ đẩy phía sau lưng. Gió như một bàn tay. Gió đã như thế tự bao giờ.■

Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh.

6-2001

NHÂN VẬT VẤN ĐỀ

Nhà văn VŨ BẰNG:

"LÀM BẤT CỨ CÁI GÌ CÓ ÍCH CHO ĐẤT NƯỚC"

Đọc lại vài trang VŨ BẰNG viết tháng 9-1945

Nhà văn VŨ BẰNG

(1914-1984)

Dưới đây là *Bức thư thượng khẩn thứ hai ta lại gửi cho ta* của Vũ Bằng trên *Trung Bắc tân văn* số 262 (Hà Nội, 16-9-1945). Nhà văn bàn với người đối thoại của mình về ngoại giao nên bài báo có nhan đề BÂY GIỜ TÔI NÓI ANH NGHE CHUYỆN NGOẠI GIAO CỦA NƯỚC TA.

Đọc lại bài báo này, chúng ta thấy ngay hồi tháng 9-1945, ngòi bút Vũ Bằng đã hăng hái làm công tác quần chúng, giải thích và hướng dẫn niềm tin của công chúng trước hiện trạng chính trị hết sức phức tạp mà chính quyền nhân dân đang phải đương đầu ngay sau khi giành được chính quyền.

LẠI NGUYÊN ÂN sưu tầm và giới thiệu

CÂU chuyện này, sự thực, không phải đến bây giờ anh mới quan tâm đến. Ngay từ hôm cuộc nhân dân cách mạng nổi lên, cái mặt anh đã méo đi rồi. Anh đi dự hết các cuộc biểu tình; anh hát bài *Tiến quân ca* đến đoạn "tiến lên, cùng thét lên" thì hò hét to hơn ai hết; anh không sắm một lá cờ để treo trước cửa nhưng sắm một lúc luôn 5 lá và thành thực không tiếc tiền. Ai cũng tưởng anh là một người cương quyết, một người can đảm, một người có lòng tin như một thứ sắt tốt, nung dưới hai ngàn độ không thể nào chảy được. Ấy vậy mà thành đoàng vị! Tôi muốn cúng vào sọ anh bởi vì tôi đã biết tỏng ra là nó nghĩ gì rồi. Những khi bạn bè lui gót, anh nằm như cái xác Tây chết trên giường, những khi trằn trọc trong đêm, anh vắt tay lên trán nghĩ đến nỗi quốc gia trăm mối; những khi đi nghe chỗ chuyện, anh thấy đồn quân Pháp thực dân định do các ngả đường Lào, Đồng Đăng và Lạng Sơn cắt lên vào biên giới Việt Nam, anh đã lo sợ vô cùng, hỡi hỡi người bạn của tôi! Không phải lo sợ quốc dân không thừa sức phanh thây bọn cướp nước và vứt xác họ xuống biển cho cá rỉa. Không phải lo sợ những sự thử thách đương chờ người ta để thử xem gan dạ ta thế nào. Không phải, không phải cả. Anh đã lo sợ một điều khác, một điều gần như viển vông: Anh lo sợ rằng "Không biết ban ngoại giao thường trực của ta vẫn tiến hành công việc hay đình trệ; mà nếu vẫn tiến hành thì hiện lúc này đang thắng lợi hay thất bại?".

Thế thì có đáng chán nản cho cái khối óc của anh không hở đời? Tôi không bảo rằng phàm người ta lo nghĩ thì đều có hại. Tôi biết rằng bất cứ sự quyết định quan trọng nào cũng là kết quả của sự trầm mặc, của sự lo xa nghĩ sâu, nhưng ta nên biết rằng tất cả những sự trầm mặc đó, những sự lo xa nghĩ sâu đó đều có một đối tượng nhất định và vô hại. Nhưng mà lo sợ những cái vẩn vơ, "sáng tạo" ra những tai nạn xa xôi, vô hình để mình lại tự làm hại sự bình tĩnh của mình, thì nhất định tôi chủ trương là không được. Một kiến trúc sư phải nghĩ đến tương lai cái nhà của mình làm, một người thợ phải nghĩ sao cho lúc mặt trời bóng xế khỏi phải đi hành khất; một ông bộ trưởng phải nghĩ đến những kết quả sau khi mình ký một sắc lệnh gì. Nhưng ta chớ nên đi qua cái tầm của chúng ta. Chúng ta đừng nên thắc mắc về chuyện đó trời nổi kiếp ngày mai thì cũng chớ nên lo rằng chánh phủ nhân dân lâm thời không lo nghĩ tiến hành về công việc ngoại giao với Nga, Tàu, Anh, Mỹ.

Cũng như anh, tôi biết rằng vấn đề ngoại giao hiện giờ là vấn đề sinh tử của nước nhà. Bổn phận ta là phải nghĩ đến lo đến, nhưng ta không nên vì thế mà tự cho ta cái quyền được nghi ngờ, bởi vì chánh phủ này do dân chúng cất lên thì chính dân chúng tất sẽ thấy họ có thẩm quyền như thế nào rồi. Mà nếu họ đã có thẩm quyền như thế nào rồi thì anh yên trí với tôi rằng ông bộ trưởng ngoại giao tất phải hiểu biết hơn anh và tôi về việc ngoại giao. Mà nếu anh và tôi đã băn khoăn lo nghĩ về việc ngoại giao như thế thì chánh phủ nhân dân lâm thời còn lo nghĩ một vạn, một triệu lần gấp bội. Chỉ có một điều là vấn đề ngoại giao, khác hẳn vấn đề văn hoá, vấn đề xã hội hay vấn đề kinh tế, không thể mỗi lúc mà tiết lộ ra ngoài để cho mọi người cùng hay. Vậy thì anh nên biết thế mà càng đừng băn khoăn nữa, mà cũng đừng hỏi nữa. Mà hỏi làm sao được? Bởi vì vấn đề ngoại giao, anh đã biết thừa rồi đấy, - nó như một cái chong chóng đặt ở trước một ngã tư, bây giờ thì thế này, chốc nữa thì thế khác, quay tụ không ngừng, chả biết bắt đầu từ đâu mà cũng chả biết đến đâu là hết. Vậy thì tuyên bố làm sao cho được? Nhất là nếu tuyên bố ra thì cái hại lại nhiều hơn cái lợi, nhất là nếu tuyên bố ra thì có khi lại có thể làm hại cả đến vấn đề quân sự nữa, - nếu có một trận chiến tranh thứ ba lại nảy nở ngay từ bây giờ ở cái mầm mà người ta gọi là cái mầm đại hoà bình thế giới! Nền đại hoà bình thế giới phen này có thật vững vàng không?

*

Này, tôi xin nói thật: cái việc ngồi tiên tri thời sự, xưa cũng vậy mà nay cũng vậy, không bao giờ hay hớm. Bởi vì thời sự, do nghìn vạn nguyên nhân khích thích, thường vẫn ra ngoài phạm vi sự tính toán của tâm hồn nhân loại. Năm 1793 Nã Phá Luân có thể tưởng tượng được một người Pháp như thế nào? Ở đảo Sainte Hélène năm 1807? Anh ơi, ta vẫn chủ trương rằng người ta phải lo đến tương lai nhưng chỉ lo đến tương lai khi nào người ta hành động được mà thôi.

Cái việc anh phải lo nghĩ bây giờ chính là nền độc lập hoàn toàn vậy. Mà muốn độc lập hoàn toàn thì phải có điều kiện cốt yếu gì? Phải tranh đấu, phải đoàn kết, phải có thực lực. Cái việc ngoại giao mà anh băn khoăn thắc mắc đó, thắng lợi hay thất bại, chính là xây dựng ở trên ba cái nền tảng thiết yếu trên kia vậy. Thế thì cớ sao lại làm khổ tâm hồn mình mãi về công việc ngoại giao? Hãy cày cái thửa ruộng của anh, anh bạn của tôi! Anh nên nghĩ đến cái thực lực của nước anh, anh nên nghĩ đến sự đoàn kết của đồng bào, anh nên nghĩ đến sự tranh đấu của quốc dân. Ba cái đó mà mạnh thì ngoại giao mạnh đó. Ba cái đó mà vững thì ngoại giao vững đó. Ba cái đó mà cứng thì ngoại giao cứng đó. Cũng như một người, một nước dù mạnh, dù vững, dù cứng đến thế nào cũng không thể sống biệt lập một mình.

*

Hãy khoan, tôi biết là anh sắp nói với tôi thế nào rồi. Anh nói với tôi rằng anh sầu khổ cho nhân loại quá. Cái nỗi gì cũng vật chất, cũng sức khoẻ, cũng mạnh. Tưởng như sức khoẻ này quản trị được cả thế giới chứ người ta không biết thế nào là khối óc nữa à? Thế nào là tinh thần nữa à? Thế nào là cao thượng, thi vị nữa à?

Không biết bao nhiêu lần, anh và các bạn anh vẫn cứ giở cái giọng gàn bát sách ra như thế! Ai bảo anh rằng một cái nhà đúc súng không thi vị? Ai bảo anh rằng tinh thần thể thao lại không phải là một tinh thần thanh cao? Ai bảo anh rằng một cái bắp thịt thép lại không phải là một bài thơ tuyệt tác? Đốt đi, những bài thơ ca tụng cái kim ngân thời đại! Đập đi, những khối óc triền miên về dĩ vãng! Tan đi cái tinh thần sa đoạ lúc nào cũng tưởng tượng rằng thế kỷ này không được cao thượng bằng thế kỷ trước!

Nết ưa chuộng hoà bình là một cái nết mà hình như trời biệt đãi chúng ta, nhưng nếu có kẻ xâm lăng thì nhất định ta phải dùng đến cánh tay thép để đập họ xuống như đàn bọ. Chúng ta đoàn kết, chúng ta tranh đấu, nhưng chúng ta không nói chuyện nhảm với quân Pháp xâm lăng: chúng ta có một khối dân thương nước hơn thương mẹ, biết cách lấy sắt và máu ra nói chuyện với bọn sài lang phát-xít.

*

Anh ơi, tôi cũng nghĩ như anh vậy: khí giới nhiều và mạnh chưa chắc đã giết được ai nếu mà người ta không có một tấm lòng. Nhưng, trái lại, nếu mà người ta có một tấm lòng, nếu mà người ta đoàn kết hai mươi triệu người như một, nếu như hai mươi triệu người như một đều có một tinh thần vững chắc như uy-ra-ni-om rồi mà lại thiếu khí giới thì anh có nghĩ rằng đó cũng là một sự thiếu sót ru?

Chánh phủ nhân dân có nhiều khí giới để bảo vệ đất đai rồi, nhưng có bao nhiêu khí giới cũng vẫn là chưa đủ. Anh có bổn phận cấp tốc phải tăng súng, phải tăng bất cứ hạng súng gì cho chánh phủ, nếu anh có; anh phải cổ động cho người chung quanh anh cũng làm như anh; anh phải cổ động cho người ta bỏ vàng ra, bỏ tất cả vàng ra để chánh phủ dùng ra mua súng để dùng và phân phát cho nhân dân mỗi khi cần dùng đến; anh phải gào lên, thét lên, khóc lên để tỏ cho mọi người biết rõ rằng "có súng để bảo vệ đất đai thì ngày mai mới có thể cầm lấy bát cơm mà nuốt cho trôi được". Cái việc thượng khẩn của chúng ta bây giờ là không nghĩ gì cả, không chia rẽ gì cả, không làm gì khác cả, ngoài việc nhìn thẳng vào Người Mẹ Chung để giữ gìn lấy và cắn răng bảo vệ cho kỳ được nền độc lập hoàn toàn.

Đừng e thẹn, đừng rụt rè, đừng suy tính. Chạy lên, thét lên, gào lên để đòi lấy một công việc của chánh phủ trong công cuộc cứu quốc, để mà thi hành tài trí và hoài bão của mình, để sau này đến lúc thịnh trị khỏi phải hổ hận với lương tâm "Tôi đã không làm gì cho đất nước".

Một kẻ đại lãn bao giờ cũng là một thí sinh thi lấy bằng "sầu khổ". Trong lúc không ngủ được, bất cứ người nào cũng sầu khổ bởi vì không có cách trốn tránh những tư tưởng của mình. Thi sĩ Byron, bẩm sinh là một người sầu khổ, đã tìm thấy hạnh phúc ở Hy Lạp trong cuộc chiến tranh đòi độc lập. Ở đó nhà thi sĩ có sướng đâu, có vui vẻ khoái lạc gì đâu, nhưng ông bận rộn và ông quên việc đời, tựa như đứa trẻ trong khi chơi quên khóc. Tôi chưa thấy một người nào sầu khổ trong khi chiến đấu.

Anh bạn của tôi! Trong lúc quốc gia đương đòi hỏi tất cả sự gắng sức của các con, anh cũng sẽ chiến đấu như Byron vậy. Nếu anh biết bắn súng, anh phải dạy người ta bắn, nếu anh có tài biện thuyết, anh phải đem tin tưởng nuôi lòng người ta; nếu anh biết võ nghệ, anh phải dạy người ta học võ. Anh thấy một sự gì thiếu sót chưa làm? Chạy ngay đến những phòng thường trực mà chỉ bảo. Thấy chỗ nào quân Pháp âm mưu, tức tốc chạy ngay đi mà báo. Thấy Việt gian ở chỗ nào, trình ngay và đúng đắng sau bảo an binh để bắt cho nó không chạy thoát thân.

Anh làm tất cả, anh làm tất cả. Nếu anh xung vào Cứu quốc quân rồi, em anh sẽ là Thanh niên tự vệ. Nếu vợ anh đã là Phụ nữ cứu quốc rồi, con anh sẽ xung vào "Nhi đồng cứu vong đoàn". Những người quen anh làm tất cả. Và nếu anh không làm được tất cả, nếu những người quen anh không làm được tất cả thì anh cổ động bạn anh làm, cổ động gia quyến anh làm, cổ động những người đi đường làm. Làm người giữ trật tự, làm người cứu thương, làm người phất cờ, làm người kẻ biển, làm người đứng gác đêm ở ngoài đường để đề phòng những bất trắc xảy ra, làm bất cứ cái gì có ích cho đất nước hôm nay. Ai cũng làm tất cả, ai cũng làm tất cả.

Nhà triết học Bertrand Russel kể chuyện rằng trong đời ông đã từng gặp một người sung sướng. Đó là một người thợ đào giếng. Y khoẻ mạnh, y đào đất, chuyển từ bên nọ sang bên kia; y biết rằng y làm được. Đó là một phương diện của hạnh phúc. Đó là hạnh phúc của người hùng.

Nghĩ rằng nếu anh nỗ lực tranh đấu thì cũng sẽ được hưởng hạnh phúc đó cho riêng anh, mà rộng ra đối với đất nước lại còn làm tròn được bổn phận một dân con, anh có chết cũng được mát mặt, không bị nhục với ông cha nơi chín suối.■

Trung Bắc chủ nhật, số 262 (16-9-1945)

(Tiếp theo trang 1)

chuyện vừa xây dựng vừa sản xuất sao cho kịp hàng giao Tết... Vậy phải nhiều công nhân. Chỗ này gần ngã ba ngã tư, xe cộ qua lại nhiều... Mình phải đồng ý để bả mở quán cơm thôi...".

"Bả kham nổi thì làm" - Ông Hai nói với vợ rồi bước ra sân, vừa hút thuốc vừa suy nghĩ tiếp:

"Nhưng nhà mình ít người... Con Ba phụ bán cà phê cho anh chị nó... Giờ má nó bán cơm nó phải về phụ thôi. Gì chớ bán cơm cách rách và bận lắm! Hai má con nó chắc chắn kham không nổi...

Vậy có khi mình phải phụ... Chật! Nếu không kiếm được đầu bếp thì mình đứng nấu cũng được chớ sao... Đồ nhậu mình làm còn bát, nhằm nhò gì ba thứ món ăn thường".

Ông Hai bị cuốn vào cái thế giới kinh tế đó hồi nào không hay.

Ông Hai xuống bếp, thấy vợ đang lặt rau với Hồng, có cả vợ chồng Hùng đứng đó.

Vợ Hùng nói: "Má ơi, má khỏi mở thêm quán bên này chi cho rộn. Má muốn bán cơm thì để vợ chồng con nới thêm quán. Sáng trưa chiều má bán cơm, vợ chồng con bán nước giải khát, có em Ba phụ, coi như gia đình mình hợp tác làm ăn. Tiền ai người đó chi thu. Má coi vậy được không?

Hay! Con nhỏ coi vậy mà tính được. Mở thêm quán chi cho bận nhà, thêm tốn kém. Vậy mà thằng Hùng cứ chê vợ nó quê mùa. Nó còn biết nói hợp tác với chi thu.

Hồng ngồi thẳng lên, mắt long lanh, cô sôi nổi nói với anh chị dâu: "Em luôn sẵn sàng. Nhưng cho em nói trước: Tháng rồi em phụ anh chị bán cà phê cho vui, cũng là tập nghề, giờ em phụ má bán cơm, phụ anh chị bán cà phê luôn". Hồng ngưng một chút, cười cười nói tiếp: "Anh chị trả em bao nhiêu một tháng?" - "Ba trăm ngàn" - Hùng đáp liền - "Em thấy được không?"

Ông Hai nghe hai đứa con nói chuyện kinh tế mà mỉm cười. Thôi vậy cũng phải, anh em là anh em, đã làm ăn phải đâu đó rành rọt, vậy mới bền.

"Em đồng ý" - Hồng gật - "Cho vui thôi". Cô vừa nói vừa cười với anh: "Đáng ra phải năm trăm đó nghe anh Hai. Giờ anh mướn một cô phụ bán coi? Ít nhứt cũng phải trả ba trăm, còn bao luôn ăn ở". Hùng cũng cười: "Nhưng người ta trẻ đẹp". Hồng bĩu môi: "Bộ tui hổng đẹp sao?". Rồi nháy mắt với chị dâu: "Thách anh dám mướn mấy cô trẻ đẹp đó".

Vui thiệt! Gia đình ông Hai lâu nay lặng lẽ với công việc nương rẫy thầm lặng, thậm chí buồn chán, giờ sinh động hẳn lên, chính ông Hai cũng thấy non nao!...

Thiệt ra ông cũng đã cảm nhận thấy hơi thở mạnh mẽ của khu công nghiệp Sóng Thần đang thổi tràn về vùng ông đang ở, không ngờ nó bay nhanh đến vậy.

Kể ra nếu ông không bán đất thì chỉ vài năm nữa giá đất sẽ tăng. Nhưng nghĩ lại nếu ông không bán cho họ xây dựng nhà máy, thì tới bao giờ họ mới mở mang đường sá, thắp sáng đèn đường, vui vẻ nhộn nhịp như bây giờ? Đồng tiền mỗi lúc mỗi giá. Đời biết đâu khôn dại? Kệ! Ông cứ sống hoà theo dòng chảy của thời đại, biết có cản cũng không được, có khi thêm thiệt thân.

Những đêm không ngủ được, ông Hai cứ nằm trên giường suy nghĩ lung tung, nghĩ về thời cuộc, về những diễn biến chung quanh nơi ông ở.

Quê ông đang chuyển mình, thay da thầm thịt, thay đổi đến từ suy nghĩ của mỗi con người. Ông cảm thấy tạm bằng lòng với cuộc sống của gia đình mình hiện giờ, còn có cơ phát triển hơn xưa.

Bằng chứng là miếng cơm ngon hơn, nhà ông rộng đẹp hơn, sắm thêm được nhiều thứ...

Duy có điều ông vẫn buồn trong lòng là chuyện thằng út. Cái thằng giống ống

Minh họa của HÀ TRÍ HIẾU

Đất lành

từ mặt mũi vóc dáng cho tới tánh tình. Nó đi nghĩa vụ bốn năm về, ông chia cho năm sào đất như anh Hai nó, nhằm vợ cho nó, cái nhà vợ chồng ông đang ở cũng cho nó chớ cho ai. Con Ba ông cũng đã cho năm sào rồi, khi lấy chồng chưa có nhà ông sẽ giúp. Vậy mà thằng út nhứt quyết đi. "Con hổng ưa làm rẫy. Ba để con đi học nghề vài năm". Vậy là nó đi. Hồng thêm xin ông một xu. Ông cũng tức không cho. Hổng biết vợ ông có lén cho nó chỉ vàng nào không?

Lâu lâu Hiển mới về năm ba bữa - thường là nhằm ngày giỗ. Có một Tết nó không về làm gia đình ông thiệt lo rầu! Qua giêng nó mới về, người ốm nhom! Nói rằng bị sốt rét hành. Má nó trách sao không biên thư cho hay, nó nói: "Con sợ ba má với anh chị lo". Rồi nhăn răng cười: "Mạng con lớn lắm! Hồi còn ở Căm-bu-chia, trái pháo nổ trước mặt con cũng chưa sao mà".

Thằng út lang bạt học nghề đã hai năm rồi mà ông cũng không biết nó "tốt nghiệp" nghề nào? Ba hồi nói học cơ khí, ba hồi nói học điện, khi phụ bạn mở tiệm sửa xe gắn máy, ráp xe đạp... "Lúc hổng có việc, kẹt quá con phụ hồ cũng hổng chết ai" - Nó nói nhu không - Ông biết nó nói thiệt. "Đồ ngu! Nhà có đất có rẫy mày không chịu làm, đi làm công người ta". Nó cười hì hì: "Có làm công mới làm chủ được chớ ba. Người ta nói ruộng tứ bề không bằng một nghề trong tay". Cũng hay! Nhưng một nghề thôi nghe con. Trình độ lớp 12 như mày, nửa thấy nửa thợ mà sĩ diện là thất nghiệp dài dài. Ông muốn khuyên nó vài câu, nhưng sợ nó tự ái bỏ đi luôn.

Ông biết tính thằng đó, nó không nói ra chớ muốn thành cơ thành nghiệp rồi mới về. Ông chỉ còn nước dằn chừng: "Đừng ham ánh đèn thành phố, có ngày chết đó con".

Được cái nó chịu khó học hỏi, chịu cục chịu làm. Rồi thời gian và cuộc đời sẽ dạy thêm nó. Có khi bị đời đá lên đá xuống nó mới thành người. Con trai lăn lóc xó nào cũng được, khi hết tuổi bay nhảy nó sẽ về với mình. Mình vẫn dành ngôi nhà và mảnh vườn này cho nó. Miễn nó đừng sa vô con đường nghiện ngập là mình mừng".

Ông Hai còn thương đứa trai út ở chỗ nó không vòi vĩnh phá phách. Cha mẹ anh chị có cho gì mới lấy chớ không hề xin. Còn lúc nó có tiền là biết liền, sởi lởi và sang lắm! Khoái cái gì là mua luôn. Năm trước nó mua cho ông bộ véc chánh hiệu *Phờ răng xe* "Để ba đi ăn nói" - Nó nói vậy - Ông bận vô thấy bảnh và vừa y - Ra nó nhờ con Ba đo trước bộ bà ba ông thường bận.

Đã tám tháng rồi, trước khi nhà máy Rượu thành lập, Hiển vẫn chưa về, cũng chẳng thư từ. Ông và gia đình lo lắng cho nó riết rồi cũng nản! Muốn không thèm lo nữa, ấy vậy mà vẫn lo.

"Hổng biết giờ nó lang bạt ở đâu? Làm ăn ra sao? Cái thằng lì như trâu nước, đã vậy còn biếng biên thư". Ông Hai thấy lo lo, nếu khá thì nó đã về.

Vậy mà Chủ nhật sau, gần mười giờ tối, cái thằng lì như trâu nước đó lù lù đứng giữa cửa.

Người Hiển đen nhẻm, cao gầy nhưng rắn chắc. Hiển thả túi xách xuống phản rồi nhăn răng cười chào cha: "Ba mạnh giỏi". Ông Hai chưa kịp nói câu gì thì Hiển chạy xuống bếp. Bà Hai nghe tiếng con trai mừng quá lật đật chạy lên, hai má con ôm chầm lấy nhau.

Bà Hai đập đập vô vai con trai, nói mếu máo: "Thằng trời đánh! Sao mày không đi luôn đi?". Hiển cười hì hì: "Má lo chi cho mệt! Con lớn rồi, phải đi làm ăn chớ". Rồi nhìn quanh: "Nhà mình đổi mới nhiều quá!... Còn... chị Ba đâu? ...". Bà Hai chỉ qua quán cà phê: "Đi qua bển. Chị Ba mày phụ bán cà phê với vợ chồng thằng Hai" - "Vậy sao?" - Hiển tròn mắt - "Hồi nãy thấy quán... Con tưởng anh Hai đã bán nhà, hay cho người ta mướn..." - "Đâu có. Tụi nó mở quán đó - được năm tháng rồi - Má cũng bán cơm nữa đó. Thôi mau qua cho anh chị mày mừng".

Vậy là má con kéo đi, bỏ ông Hai lại một mình, nghĩ thiệt tức!

*

Ông Hai ngồi nhấp trà, suy nghĩ những câu để nói với thằng lì như trâu nước này.

"Lần này mình phải cương quyết. Nếu cần phải chửi nó một trận. Mình sẽ nói: Nè Út, nếu mày không chịu ở nhà lo mần ăn, thì tao sẽ bán luôn căn nhà và mảnh vườn năm sào này. Tao với má mày sẽ qua nhà anh chị Hai mày ở, hay làm nhà trên đất chị Ba mày. Lúc đó mày hối cũng không kịp. Tiền bán được tao sẽ gởi nhà băng kiếm lời xài. Khi nào mày cần tao sẽ cho. Tạo với má mày già rồi không làm rẫy nổi nữa. Chị Ba mày con gái sức yếu, nó cũng phải lấy chồng... Mình sẽ chơi ván bài lật ngửa đó, coi nó trả lời sao?".

"Í cha! Nói vậy chắc nó hổng tin đâu!... Mình mới bán mẫu đất được hơn trăm triệu, còn gởi nhà băng, tiền lời đủ xài, chưa kể bà vợ mình mới khoe bán cơm bán nước... Vậy dư sống rồi cần gì bán thêm đất... Chu cha!... Nó sẽ bắt bài mình liền! Biết đâu nó sẽ lễ phép thưa: Việc đó tuỳ ba má định liệu, con không dám có ý kiến. Ờ, nó có thể nói vậy lắm!... Thì sao?... Tức thiệt!...".

"Vậy thì mình sẽ chơi màn tâm lý: Vậy mày nhứt định đi hửa phải không? Đi đâu làm ơn nhớ biên thư về, biên vài chữ vài số thôi, để gia đình có việc cần thì gọi. Chớ cách đây ba tháng, má mày bịnh nặng xém chết mà hổng biết mày ở đâu? Mày hỏi má mày coi tao nói đúng không?".

Sớm hôm sau, khi hai cha con uống cà phê, ông Hai chưa kịp "vô đề" thì Hiển đã nói: "Ba à, lần này con về... tính bàn với ba một chuyện...".

Ông Hai ậm ờ: "Chuyện gì? ...". Hiển chậm rãi: "Năm rồi, con theo bạn đi Phú Yên mở lò gạch, trông coi cho nó, anh em làm ăn cũng đỡ, con gom được hai chục triệu...". Hiển chỉ vô túi xách: "Con để trong đó... Con tính kỳ này về gởi má, thăm gia đình ít ngày rồi đi làm ăn tiếp. Trời thương nếu xuông xẻ hai năm nữa con sẽ có đủ năm chục triệu. Lúc đó con sẽ về xin ba chia đất mở lò gạch...".

Ông Hai nín thở lắng nghe, ra bộ trầm ngâm nhưng lòng hồi hộp và mừng... "Mày cứ nói tiếp?".

Hiển ngập ngừng: "Tối qua... Má khóc kể cho con hay kỳ má bịnh nặng... Con áy náy suy nghĩ suốt đêm qua... Con biết mình đi như vậy là hổng phải... Nhưng... con muốn làm ăn ba à... Mà làm ăn bây giờ phải bền chí và có thời gian. Nhứt là phải có vốn. Con học được nghề nhưng không có vốn cũng chỉ là thợ, là người làm công. Phải không ba?...".

Ông Hai gật gù: "Thì mày cứ nói đi, tao nghe".

"Con về kỳ này, thấy nhà mình đổi khác nhiều, nhà anh chị Hai làm ăn tấn tới, làng xóm phát triển, con mừng hết sức... Giờ con nói điều này, nếu ba thấy được thì giúp, còn không thì thôi...".

"Nói đại đi? Vòng vo hoài!".

"Con biết ba má mới bán đất có tiền, mà xin cũng kỳ!... Trước đây con chưa dám xin, giờ ba cho con mượn ba chục triệu - con mượn đàng hoàng".

"Mày tính mở lò gạch hả?".

"Dạ. Đất nhà mình còn rộng, dư chỗ làm. Xây lò gạch nung và mua dụng cụ làm gạch chừng năm chục triệu. Nhân công mình mướn, kỹ thuật con coi. Đất sét con quen mối họ sẽ chở tới, trả tiền sau. Tỉnh Bình Dương mình đang phát triển mạnh - nhứt là các khu công nghiệp - Con đọc báo thấy năm nay đứng đầu cả nước. Chỗ mình cũng đang phát triển thành thị trấn, người ta xây nhà rầm rầm, cần nhiều gạch lắm".

Ông Hai càng lúc càng mừng, nhưng cố trầm tĩnh giả bộ dằn đo: "Tao cho mày cũng được thôi. Đó là phần mày. Nhưng mày làm được không?". Hiển gật mạnh: "Con làm được. Con có dàn thợ chiến lắm! Sau này con sẽ mua máy đóng gạch bằng hơi ép chớ không đóng bằng tay".

"Vậy tao giao cho mày năm chục triệu được chưa?".

Hiển nhìn cha, run run: "Con cảm ơn ba...". "Ráng mà làm ăn. Tao với má mày già rồi".

Ông Hai nói xong thở nhẹ. Vậy là mình khỏi phải nói với nó... Thiệt uổng công mình suy nghĩ suốt đêm qua.

Nhà ông Hai vui như hội từ khi có cậu trai út về. Hiển gọi thợ xây lò nung gạch theo đúng kỹ thuật anh giao. Hiển coi bộ rành rẽ quen thuộc với công việc này, anh xốc vác chỉ huy, chạy qua chạy lại...

Lò nung chưa xây xong, Hiển đã tự làm khuôn, rồi mải mê đóng gạch, bày cách cho đám thợ mới. Những viên gạch bằng đất sét dẻo lấy từ Biên Hoà về đỏ quạch, lần lượt hiện ra, nằm phơi hàng hàng lớp lớp dưới nắng mặt trời. Hiển dặn người làm siêng đảo mặt gạch cho mau khô, khi nung đỡ tốn củi.

Lò xây xong thì gạch cũng vừa khô, Hiển cho thợ xếp vô lò, kiểm tra đâu đó rồi mời ông Hai ra. Anh trịnh trọng nói: "Ba châm lửa lò đầu tiên cho con".

Ông Hai sung sướng run run bật lửa, ánh sáng dâng tràn...

Để rồi từ đó, ông Hai vẫn quen dậy sớm, ông không nằm suy nghĩ như trước nữa mà bước ra sau vườn, vừa đi bộ thể dục vừa vung tay vung chân, luôn tiện thăm nom bảo vệ lò gạch cho thằng con

CHUYỆN VĂN CHUYỆN ĐỜI

CHU VĂN - NHÀ VĂN HIỆN THỰC

LÊ HOÀI NAM

Nhà văn CHU VĂN
(1922 - 1994)

CHU Văn sinh ngày 22 tháng 12 năm 1922 tại huyện Đông Hưng, Thái Bình. Chưa đầy 20 tuổi, Chu Văn đã tham gia phong trào Thanh niên Cứu quốc ở Nam Định, Hải Phòng; 28 tuổi ông phụ trách toà soạn báo Cứu quốc Liên khu Ba. Năm 1969, khi đã 47 tuổi và đang giữ cương vị Trưởng ty Văn hoá Nam Hà, Chu Văn lại tình nguyện đi chiến trường miền Nam. Ở chiến trường, ông đã viết truyện ngắn rất thành công như *Hoa Lim, Câu chuyện trong túi nước* v.v. . Ngần ấy công lao, cộng với vốn học vấn uyên bác (Chu Văn giỏi cả tiếng Hán và tiếng Pháp), nếu không dính vào cái nghiệp văn chương, hẳn là ông cũng có một chức vụ không nhỏ trong bộ máy chính quyền Nhà nước. Ông có đủ nhạy cảm để biết rõ điều đó, nhưng ông vẫn chọn văn chương. Một nhà văn như ông sống và làm việc ở tỉnh, ông không thể không giữ một cương vị quản lý. Hơn 30 năm làm sếp, ông chỉ giữ có hai cương vị: Trưởng Ty Văn hoá và Chủ tịch Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh. Có nhà phê bình đã viết trên báo gọi ông là "nhà văn cán bộ". Gọi như thế, xét về mặt nào đó quả không sai. Nhưng Chu Văn đọc bài báo này thì buồn lắm. Ông đâu phải hạng người ham hố quyền lực? Cũng vì không ham hố nên quyền lực cũng không hào phóng với ông. Đời cán bộ của ông không được gì hơn ngoài một căn hộ tập thể ba chục mét vuông, một chiếc đài bán dẫn chạy pin, một chiếc ti vi Sam Sung đen trắng và một chiếc xe đạp Fa-vô-rit. Ở công sở, ông chưa bao giờ được ngồi trong chiếc ô tô mới. Ba đời xe ô tô ông được phép dùng là ba chiếc xe của các vị lãnh đạo khác thải ra. Trong cơ quan đã có người gọi đó là "những chiếc chuồng gà".

Tôi đọc tác phẩm của Chu Văn từ khi còn là một cậu học sinh cấp hai. Những truyện ngắn: *Con đường lầy, Cô lái đò sông Ninh, Ánh sáng bên hàng xóm*... đưa tên tuổi Chu Văn vào làng văn. Nhưng phải đến khi cuốn tiểu thuyết hai tập *Bão biển* của ông ra đời (1969) tôi mới thực sự tin rằng ông là một nhà văn hiện thực chân tài.

Trong quan niệm của cá nhân tôi, một nhà văn được xem là chân tài cần phải hội tụ nhiều yếu tố, song có thể nêu ra ba yếu tố chính:

1- Nhà văn ấy viết những điều chưa ai viết, hay nói cách khác khiêm tốn hơn, anh ta chỉ viết những gì anh ta trải nghiệm, khám phá.

2- Những nhân vật chính trong tác phẩm của nhà văn ấy gây được ấn tượng và không giống với bất cứ nhân vật nào trong tác phẩm của những nhà văn trước đó.

3- Nhà văn ấy có giọng văn riêng, cách dẫn chuyện riêng không lẫn với ai.

Cả ba yếu tố này, Chu Văn đều đạt được. Về đề tài thiên chúa giáo ở nông thôn, trên thế giới cũng đã có người viết, nhưng ở Việt Nam thì *Bão biển* là cuốn tiểu thuyết dài hơi đầu tiên đề cập đến. Những mảng hiện thực hoành tráng, tươi rói, sống động không thể bịa được nếu tác giả không thâm nhập sâu vào cuộc sống nông thôn vùng thiên chúa giáo Nam Định những năm sau hoà bình 1954. Có nhiều tình tiết trong *Bão biển* gây cho tôi cảm giác ngoài Chu Văn ra không ai viết nổi. Thời gian, lùi xa, bây giờ nhìn lại, một số vấn đề thời sự về đề tài như thiên chúa giáo, hợp tác xã nông nghiệp đã không còn là điều để công chúng phấp phỏng quan tâm, nhưng bút pháp nghệ thuật ở *Bão biển* thì vẫn chưa phôi phai giá trị.

Những nhân vật trong *Bão biển* như: già San, quản Ngật, tu sĩ Phùng, Maria Nhài, Nhân, Ái... như cứ quẩy trên trang sách, "sờ" thấy được. Tôi cho rằng điểm mạnh nhất trong bút pháp Chu Văn là cách dựng nhân vật. Hầu như tất cả các nhân vật trong *Bão biển*, dù kỳ công tạo dựng hay chỉ bằng vài nét tả cũng rất chân thực, rất sống động rất độc đáo nhưng lại có tính khái quát cao, buộc người đọc phải tin đó là những nhân vật của cuộc đời chứ không phải nhân vật do "sáng tác". Các sự kiện trong *Bão biển* cũng gây cho độc giả niềm tin đó. Còn giọng văn của Chu Văn thì riêng lắm. Văn ông rất khoẻ, đầy ứ chất liệu và hơi thở cuộc sống nhưng không ôm đồm và dồn nén, đậm đặc, khi mau lẹ, khi thâm trầm, khi hóm hỉnh hài hước - một giọng văn tránh xa sự bằng phẳng tẻ nhạt.

Sau *Bão biển*, Chu Văn còn viết thêm hai cuốn tiểu thuyết *Đất mặn* (1975), *Sao đổi ngôi* (1984). Hai cuốn đó đều có những điểm đáng chú ý, nhưng theo tôi, chúng không thể sánh được với *Bão biển*.

Tuy nhiên, sự nghiệp văn chương của Chu Văn không chỉ thành công ở tiểu thuyết. Những năm cuối đời, khi học vấn và vốn sống đã ở bậc lão thục, Chu Văn lại chọn thể loại truyện ngắn để sử gửi gắm bao tâm sự sâu xa, những "ái, ố, hỉ, nộ, tham, sân, si" của cõi người. Đó là truyện ngắn: *Đêm nguyên tiêu, Bông hoa thương uyển, Ông quận vênh, Tiếng hát trong rèm, Ông đồ già và viên quan võ*... Tôi cho rằng ghi nhận sự nghiệp của Chu Văn ngoài *Bão biển*, không thể không nhắc đến những truyện ngắn tài hoa và thâm hậu này.

"Đó là một kẻ sĩ - một cây bút có bản lĩnh" - Khi còn sống Nguyễn Bính đã có lần nói về Chu Văn như thế. Nguyễn Bính đã nói rất chân xác về Chu Văn. Và vì thế sau này mọi điều xảy ra với ông, tôi đều lấy lời Nguyễn Bính mà lý giải.

Chu Văn sống thật thà, ngay thẳng, rất ghét mối quan hệ bạn bè theo kiểu "cánh hẩu", vì thế mà ông không có nhiều bạn. Nhưng ai đã là bạn ông thì thật sự cảm thấy hạnh phúc vì ông rất chân thành, rất tri âm tri kỷ và là chỗ dựa lớn về tinh thần. Tào Mạt, Vũ Quốc Ái, Kim Ngọc Diệu, Nguyễn Văn Huyền, Hồng Vũ là những người bạn như thế của Chu Văn.

Chu Văn cũng có không ít kẻ thù. Kẻ thù của ông thường là những kẻ tài văn còn rất khiêm tốn nhưng tham vọng danh lợi thì lại dư thừa. Những người này chỉ vì ghen ghét, đố kỵ với văn tài của Chu Văn mà đã không từ một thủ đoạn nào ngõ hầu làm ông biến dạng, thấp lùn và xấu xí đi trong mắt công chúng. Và đáng buồn thay, trong số những người ấy, có cả những kẻ từng được ông dạy dỗ, nâng đỡ, để bạt. Một kẻ sĩ như ông thì dễ bị tổn thương lắm, những chuyện ti tiện như thế nó huỷ hoại thể xác và tinh thần ông còn hơn cả chuyện đói cơm, rách áo ngàn lần.

Bước sang tuổi 73, Chu Văn mắc căn bệnh hiểm nghèo. Những ngày ông nằm viện Việt-Xô, tôi thường lên thăm ông. Dù mang bệnh trọng, gương mặt của ông vẫn rất nho nhã và lịch thiệp. Rồi một hôm, xem chừng căn bệnh đã ở thời điểm kịch phát, khi thấy tôi đến, ông ra hiệu cho tôi ngồi xuống cạnh ông. Như thể ông đã tận dụng chút sức lực cuối cùng để nói với tôi:

- Sống ở tỉnh lẻ mà muốn có một sự nghiệp văn chương là phải có nghị lực và bản lĩnh lắm. Nhiều khi phải chấp nhận sự thua thiệt, đắng cay. Ông Tú Xương, ông Nguyễn Bính đều làm nên sự nghiệp ở tỉnh lẻ. Thơ hay thế nhưng cuộc đời hai ông ấy tội thế. Cháu làm lãnh đạo văn nghệ, cái quan trọng nhất là phải có con mắt xanh để nhìn các văn tài và tìm cách giúp đỡ họ. Còn những văn tài giả thì...

Tôi nắm chặt tay ông, nước mắt lưng tròng. Ít ngày sau ông trút hơi thở cuối cùng để về với thế giới vĩnh hằng.■

Kỷ niệm 7 năm ngày mất nhà văn Chu Văn
Thu 1994 - Thu 2001

út. Có đêm ông dậy sớm quá, dưới ánh sao mờ ông thấy những tháp gạch đen thui đứng cạo lù lù, tháp cao tháp thấp, tháp vuông tháp chữ nhật, lớn có, nhỏ có nằm nối nhau san sát, như những dãy nhà lầu trên thị xã Thủ Dầu Một đang đứng ngủ trong đêm.

Những viên gạch đó là nhà lầu dinh thự sẽ mọc lên. Chính hãng Rượu bên cạnh cũng qua mua gạch ông. "Không ngờ thằng lì như trâu nước đó giỏi thiệt! Hình như nó đang gặp thời... Mừng cho nó".

Vậy là vợ chồng ông khoẻ rồi, có thể yên tâm...

Nhưng chưa đâu, đời người cho tới lúc nhắm mắt cũng chưa chắc được yên. Ông Hai lẩm bẩm. Mình mới ổn được mặt tình cảm, tài chánh, gia đình... Coi như an cư lạc nghiệp, con cái khoẻ mạnh làm ăn. Nhưng còn phải lo dựng vợ gả chồng cho chúng nữa. Nó làm ăn tấn tới thì mình mừng, chớ bết bát thì mình cũng phải lo tiếp, chưa kể đám cháu nội cháu ngoại sắp tới...

Đời người biết lo cũng đâu có sướng... Thôi tới đâu hay tới đó vậy.

Trưa nay, Hồng mang quần áo mới ủi vô mắc trong tủ, rồi nhẹ nhàng tới bên ông Hai, ghé tai ông nói nhỏ: "Ba ơi, con nói ba nghe chuyện này nghen?".

Gì nữa đây? Con gái thường tâm sự với mẹ, giờ nó thì thọt với cha chắc phải có việc... đại sự!

Ông Hai nhìn con gái cưng: "Gì đó?". "Ba bán đất cho ông giám đốc hãng Rượu... Lâu lâu ổng qua chơi... Có gì ba xin cho con làm công nhân nghen?". Ông Hai giựt mình: "Mày nói sao?... Rồi ai phụ má mày bán cơm?... Rồi phụ bán cà phê?...". Hồng trả lời liền, cô đã chuẩn bị từ trước: "Trước sau cũng phải mướn thêm người ba à. Con đã nói với chị Nga con dì Năm trên chợ. Chị Nga sạch sẽ và nấu ăn hay lắm! Còn bán cà phê thì tối mới đông khách, lúc đó con rảnh rồi..." - "Làm chủ mình không sướng hơn sao mà đi làm công hở con? Chắc mày muốn có lương riêng chớ gì"?" - "Hồng phải đâu ba. Tại con... chưa được làm công nhân bao giờ, nên muốn làm cho biết... Mấy chị bên đó nói vui lắm!... Con có lĩnh lương về cũng đưa má hết à".

Ông Hai chắt lưỡi: "Thiệt tao hết hiểu tụi mày! Thôi vậy để coi?... Mà mày cứ suy nghĩ kỹ đi. Dù sao con cháu phụ vẫn hơn mướn người ngoài". Hồng nũng nịu: "Con muốn đi làm lắm ba à. Ba xin cho con nghen?" - "Sao lúc trước có người giới thiệu vô xí nghiệp may, mày không làm?" - "Hồi đó con còn nhỏ..." - "Nhỏ gì nữa? năm đó mày cũng mười tám mười chín rồi chớ bộ" - "... Tại chỗ đó xa... lại hay làm ca đêm... giờ nhà máy rượu sát cạnh bên...". Ông Hai còn đang phân vân thì Hồng lắc lắc tay ông: "Vậy nghen ba? Nếu con được làm bên đó, ngày lễ Tết họ cho rượu ngoại, con tặng ba uống chơi nghen ba!".

Ông Hai bật cười: "Cô lo rượu cho cô thì có".

Hồng đỏ mặt chạy vô buồng. Ông Hai cười khà khà. Mình nói chơi vậy mà.

Chợt ông vỗ đùi đánh chát!

"A! Hay chàng kỹ sư trưa trưa vẫn qua ăn cơm?... Độ rày còn chịu khó ở lại trực đêm... Tối tối qua uống cà phê... Mới tuần trước nó tặng mình chai rượu ngon hết biết... Hồng lẽ?...".

Chai rượu vẫn còn hơn nửa - bởi ông sợ mau hết nên uống dè. Ông khoái mùi vị nó thơm ngon, độ mạnh uống tới đâu biết tới đó, mà không nhức đầu.

Trời bữa nay hiu hiu lạnh, lòng ông Hai vui vui, tối nay ông sẽ biểu vợ làm chút mồi nhậu, kêu thằng Hai qua, biểu thằng út kéo chàng kỹ sư Chung qua luôn. Phải nói là ông có chuyện nhờ chàng ta. Men rượu ngon sẽ giúp ông và giúp tụi trẻ thêm hưng phấn, sẽ gần nhau và nói chuyện tự nhiên hơn. Rồi ông thủ nhờ Chung chuyện xin việc cho con gái. Việc nhỏ cần gì phải phiền tới giám đốc. Để coi chàng kỹ su đó tính sao? Biết đâu...

Vậy ông sẽ nói những câu gì cho hay?...

Ông Hai suy nghĩ một lúc rồi mỉm cười: "Mà chắc mình cũng chẳng cần nói gì đâu. Tự tụi nó sẽ lo cho nó như thằng út. Hồi xưa ở đây khó làm ăn thì nó đi, giờ có điều kiện phát triển thì nó về. Mình chỉ cần khuyến khích hỗ trợ, bắt chước vua giỏi ngày xưa, chiêu hiền đãi sĩ đó mà. Việc gì tới sẽ tới. Đất này lành chim sẽ đậu. Khà!■

P.Đ.N.

Tháng 6-2001

BẠN ĐỌC VỚI VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ CẦN SỚM NỐI MẠNG INTERNET

TÔI cũng nhất trí với nhiều ý kiến là báo *Văn nghệ* thời gian gần đây đã cải tiến nhiều và càng ngày càng hấp dẫn người đọc. Và cũng vì vậy mà số người góp ý và gửi bài cho báo cũng nhiều hơn (thể hiện qua các trang *Bạn đọc với Văn nghệ*). Và cũng vì muốn góp ý cho quý báo nên mới thấy ra một điều là cho tới thời điểm này, bước sang Thế kỷ XXI rồi, mà toà soạn báo ta chưa có được một hộp thư điện tử (E-mail), một phương tiện quá phổ cập ở thời điểm này. Chính vì quý báo chưa có hộp thư này, mà muốn góp ý, gửi bài cho quý báo, tôi cứ lần khần mãi vì ngại: nào là soạn thảo xong, phải in ra, phải tìm mua phong bì, mua tem và đi gửi... biết bao phiền phức.

Tôi khẳng định rằng, hiện nay ở toà soạn báo *Văn nghệ* không thể không có máy tính, và chắc chắn Ban Biên tập cũng phải "lên khuôn" bảo bằng cách chế bản, bằng cách đánh máy vi tính, và tôi cũng xin khẳng định rằng, không nhiều thì chỉ ít cũng phải 5-60% tác giả gửi bài đến là đã soạn thảo trên máy tính (ông Nguyễn Lân Dũng, ông Hồ Ngọc Đại, các nhà văn... chắc chắn đều đã sử dụng máy tính), thế mà chỉ vì Toà soạn không có **hộp thư điện tử** nên phần nào đã làm phiền phức quá trình gửi bài của các tác giả, mà tác hại to lớn hơn nữa là quỹ báo đã không tận dụng được các bản thảo đã có trên máy tính này, báo đã phải mất thêm nhiều thời gian và chi phí thuê đánh máy lại các bản thảo, mà đáng ra báo có thể sử dụng được ngay.

Gửi thư này, tôi chỉ mong Ban Biên tập sớm lập ngay hộp thư điện tử cho báo *Văn nghệ*. Chi phí của việc này không lớn, mà có thể còn nói là quá nhỏ, máy tính chắc chắn đã có, chỉ cần mua một mô-đem khoảng 2-3 trăm nghìn VND (hai đến ba trăm nghìn) và mời VDC đến đặt hộp thư là đủ. Chắc chắn cước phí bưu điện sẽ rẻ hơn thuê đánh máy vi tính nhiều. Với hộp thư này, các độc giả và tác giả trong Nam ngoài Bắc sẽ dễ dàng gửi bài đến quý báo hơn nhiều lần.

Rất mong Toà soạn quan tâm đến ý kiến này.■

NGUYỄN KIM XUYÊN

LTS:- Văn nghệ là tờ báo có kinh phí hơi "khiêm tốn" nên cho đến nay, có lẽ là một trong rất ít tờ báo chưa nối mạng. Xin hứa cùng bạn đọc gần xa, chỉ vài ba số tới, toà soạn sẽ có thể công bố số hòm thư điện tử (E-mail) sau khi hoàn tất khâu trang bị và nối mạng. Xin cảm ơn những ý kiến góp ý của quý bạn - VĂN NGHỆ.

Truyện ngắn *XA QUÊ* của NGUYỄN VĨNH NGUYÊN
(*Văn nghệ* số 34, 25-8-2001)

TỊNH, nhân vật chính của truyện gặp nhiều trở ngại, khó khăn trong cuộc sống. Khó khăn về nơi ở của quê hương, hoàn cảnh gia đình, người thân trong xóm, đến việc làm của mình. Đọc xong truyện tôi có cảm nghĩ buồn... Tôi sẽ nói ở phần cuối bài.

Truyện đã nêu được những tình tiết rất thực, cụ thể, sống động những trường hợp mà nhân vật đã sống, đã chịu đựng. Có thể nêu bật những tình tiết, những trường hợp tiêu biểu sau:

Trước hết, quê nhà của Tịnh bốn bề là núi, "Địa thế đã thắm cắt nghĩa cho sự cằn cỗi, nắng thừa mưa thiếu". Ở cái nơi mà nhiều người "quay lưng tìm xứ người làm đất dung thân, lập nghiệp".

Đến hoàn cảnh gia đình Tịnh gặp nhiều trắc trở. Bố mẹ lục đục vì "ba tôi thất nghiệp, chán nản hay nhậu nhẹt, mẹ tôi hay cằn nhằn" Tịnh là con đầu "phải là cái mối hàn cho những sứt mẻ trong gia đình". Tịnh đã than thân. Tôi là đứa trời sinh bất hạnh.

Rồi đến người thân trong xóm là cụ Bá, cụ cũng ở hoàn cảnh không vui. Cụ bà bị mất sau lần sinh con, do bị sót rau. Con trai học hành thành đạt lại lấy vợ nước ngoài "Thằng cháu đích tôn mũi lõ không biết nói tiếng Việt. Con vợ nó cũng thế. Vợ chồng về thăm cha mẹ, xóm giềng xì xào thế là vợ chồng nó phải ra đi. Ngày cụ Bá ốm "cứ đóng cửa im ỉm trong nhà, sợ làm phiền xóm giềng. Rồi cu ra đi trong đau thương vô hạn "Đám tang cụ vắng tiếng khóc người ruột thịt". Tịnh buồn vì cụ Bá đi rồi "ai kể chuyện làng, ai ngâm Kiều cho con nghe hở cụ...".

Khi Tịnh tốt nghiệp cử nhân văn chương về nhà thì cảnh gia đình bất hoà diễn ra đau xót giữa Bố và Mẹ. Cái cảnh vợ chồng chỉ chiết nhau hết điều, Tịnh chứng kiến thật đau lòng. Mẹ Tịnh đay nghiến chồng "suốt ngày nằm đọc báo, một tuần đi nhậu vài ba lượt" thật hết nói. Ba Tịnh đau xót "khổ lắm con ơi - Ba chết. Ba chết nhưng họ chưa đưa đám Ba đó thôi".

Đến khi đi xin việc, đi hết cơ quan này đến cơ quan khác cũng chỉ hẹn là hẹn. Trớ trêu là đến hội Văn nghệ xin việc, Tịnh ngã người ra khi anh thường trực nói: " Thôi, anh khuyên chú muốn phát triển tài năng nên đi xứ người. Ở đây khó lắm. Khỉ cắn sỏi đá, thơ phú như chú không có đất sống, rồi cũng như bọn anh cả".

Những tình tiết đã kể, những trường hợp Tịnh đã gặp được tác giả truyện ngắn thể hiện cụ thể, sinh động, sắc sảo, hấp dẫn. Nhưng đọc xong truyện tôi có cảm nghĩ buồn. Vì sao mà buồn? Nỗi buồn của mình đúng chưa? Hay truyện ngắn mới nói được phần thực của đời mà thiếu đi một cái gì đó. Mong bạn đọc xa gần trao đổi.■

CAO TIẾN CỜN

(Xã Lam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An)

ẤN TƯỢNG CỦA BÁO *VĂN NGHỆ* TRONG BẠN ĐỌC

CÁCH đây hai năm rưỡi, tạp chí *Văn hoá văn nghệ Công an* (3-1999), có đăng một bài của tác giả Lê Trung Đản, nêu vấn đề: *Một "trung tâm", hai "một chút", ba "quên", bốn "có", năm "phải" là quan niệm sống của người dân Trung Quốc hôm nay? Riêng tôi, tôi cứ suy nghĩ mãi về "5 điểm" tổng kết ngắn gọn, dễ nhớ và thiết thực ấy.* Và tác giả đã phân tích khá đạt, từ trang 105 đến trang 108 của tạp chí, nhưng ít gây được sự chú ý.

Hai năm sau bài báo trên, tác giả Chu Hảo có bài *Bàn về lý sự Trung Hoa* đăng trên báo *Sức khoẻ và đời sống*, ra ngày 29-3-2001. Nhiều người cũng đã xem, thấy tác giả Chu Hảo cũng nêu ra năm điểm như tác giả Lê Trung Đản, tuy có đôi chữ dịch (và hiểu) khác nhau. Ví dụ, trong bốn "có" bài báo trước viết là "bạn chung thân", còn bài này viết là "bạn đời"; trong năm "phải" bài trước viết là "phải nhảy", còn bài sau là "phải vận động",v. v... Dù sao, bài *Bàn về lý sự Trung Hoa* vẫn bị lùi đi giữa bao nhiêu bài, mục cần thiết khác của *Sức khoẻ và đời sống*.

Chỉ đến khi báo *Văn nghệ* cải tiến, và ngay số đầu tiên cải tiến này đăng lại bài trên của tác giả Chu Hảo *Bàn về lý sự Trung Hoa* trong mục *Điều hay trong thiên hạ* thì mới thực sự gây ấn tượng khá mạnh trong bạn đọc. Người ta chuyền tay nhau đọc bài đó (tất nhiên là đọc nhiều bài khác nữa). Và cảm thấy thích thú. Tôi có gửi một bản về cho ông anh ở quê - kỹ sư Nguyễn Duy Nghi (Nam Hồng, Nam Sách, Hải Dương). Ông đã phổ biến lại cho hàng trăm người, trao đổi mạn đàm về bài báo, về mục *Điều hay trong thiên hạ*. Bây giờ thì nhiều câu lạc bộ người cao tuổi ở Nam Sách đều chăm chú theo dõi báo *Văn nghệ*, có nhiều nguyên nhân, nhưng trong đó có *Điều hay*...

Mở ra mục *Điều hay trong thiên hạ* là một sáng tạo của Ban biên tập. Nhưng nuôi nó là khó. Ban biên tập nên đặt một loạt cộng tác viên viết bài cho mục này (tất nhiên với các mục khác cũng thế). Nó đã gây ấn tượng sâu rộng trong bạn đọc, một tháng không được bốn số thì chí ít cũng được hai số báo có *Điều hay*..., vào số đầu tháng và số giữa tháng. Liệu báo *Văn nghệ* có đáp ứng được yêu cầu đó không?■

NGUYỄN HỮU PHÁCH

(Khu 3 phường Ngọc Châu TP Hải Dương)

TRẦN KIM TRẮC *TỰ CƯỜI*

CÓ lẽ không phải ngẫu nhiên mà báo *Văn nghệ* cho đăng trên hai số báo liền nhau trong tháng 8-2001, số 32 bài *Nhà văn Trần Kim Trắc "Viết bằng ký ức trong cuộc chiến"* và ở 33 là truyện ngắn *Tự cười* của ông.

Tuy một bài là *Chuyện văn - chuyện đời* của nhà văn Trần Kim Trắc do tác giả Nguyễn Tý viết dưới dạng phỏng vấn, và một là truyện ngắn của nhà văn, nhưng có một phần nội dung khá nhất quán: phản ánh quan điểm của nhà văn về sáng tác văn học.

Thực tiễn tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, nhất là sau khi rời phòng Văn nghệ Quân đội, "phiêu bạt lãng tử, làm đủ mọi nghề để sống", và như nhà văn đã nói:" Lòng lại dặn lòng... *bể khổ ta không qua ai qua*, nhưng nhờ "bể khổ" ấy tôi học thêm rất nhiều trong suốt quá trình kiếm sống, kiếm yêu. Mỗi sự cố trên trường đời đều là những đề tài rất bổ ích cho "nghiệp" văn sau này, mà cái đó mình chỉ là thư ký, trải nghiệm rồi ghi lại". Ông "nhìn cuộc sống quanh ta liên quan đến chữ nghĩa văn chương". Vì vậy sau bốn mươi năm ông lại cầm bút:" Tôi bắt đầu viết lại cũng bằng thúc giục những ký ức mà tôi đã trải qua. Viết trong tự do, không bị ràng buộc, vì tôi sẵn vốn sống...".

Ông cũng quan niệm:"... Không lạm dụng cái chủ quan của mình mà nhồi nặn nhân vật theo ý tưởng của nhà văn. Văn học là phản ánh cuộc sống, khi phản ánh có như chiếc gương trong suốt và chính xác. Nhà văn phản ánh hiện thực cuộc sống để bạn đọc qua tác phẩm tự soi rọi và tự hoàn thiện bản thân mình. Văn học không thể làm được chuyện "dắt tay" mà chỉ gợi ý cho bạn đọc thấy như thế nào đó để người ta chọn lấy". Vì vậy, "phục vụ chân thiện mỹ, dù nhà văn phấn đấu mãi vẫn không bao giờ với tới được".

Với quan điểm tôn trọng khách quan như vậy, nên nhân vật của nhà văn Trần Kim Trắc rất sống động và gần gũi. Đọc văn ông người ta như quên đi nhà văn, tác giả, quên đi chủ nghĩa văn chương, chỉ còn như cùng sống với nhân vật, cùng trò chuyện, nói cười không có gì cách biệt.

Hình tượng nghệ thuật mà nhà văn Trần Kim Trắc dụng công xây dựng trên nhiều trang viết là những người lính. "Họ là những người bình thường, gặp thời cuộc bất bình thường phải cầm súng đánh giặc. Họ mang cuộc đời thường của họ vào binh ngũ: kiếm ăn, kiếm yêu,, kiếm giặc để đánh". Chính trên mảng thực tiễn này mà đủ chuyện bi hài đã xảy ra, *nỗi buồn - tật xấu - nhu cầu* - nếu nhà văn kết hợp lại sẽ thành muôn mặt và nền tảng để cuộc sống phát triển". Nhà văn, nếu trải qua thực tiễn này, đề tài sáng tác sẽ vô cùng phong phú "viết hoài không hết".

Có thể coi truyện ngắn *Tự cười* như sự minh hoạ cho quan điểm sáng tác nói trên của nhà văn. Từ năm gần tròn mười sáu tuổi, nhân vật *tôi* sau một lần gặp gỡ với một cô gái trong ngày lễ Kỷ yên cùng đình, vẫn mang theo mãi ấn tượng đẹp về một cô gái nhà lành nết na, thuỳ mị. Nhưng năm mươi năm sau, khi có dịp gặp lại người xưa cảnh cũ, hoá ra "hiểu như vậy nhưng không phải vậy". Bởi vì đó không phải là cô gái con nhà lành, và cô gái ấy, bây giờ đã thành bà lão cũng không giấu giếm chuyện không trinh tiết của mình. Cái "nhầm nửa thế kỷ" khiến nhân vật *tôi* "tự cười rồi, cầm bút lại thấy run tay. Làm nghề văn mà nhìn đời thiển cận đến thế ư? Nghề văn là phản ánh cuộc đời, phản ánh con người, tôi lại tự đập vỡ gương, nhìn đời bằng lăng kính mầu mờ"... "Cười rồi thấy lo, bút rõ ràng đã tả, có nên viết tiếp hay rút lui để khỏi tiếp tục vẽ nên những nhân vật như mình muốn chứ không phải vẽ nên *những con người như chính họ*.

Những người như chính họ trong truyện *Tự cười* đó là cô Ái chỉ làm thủ tiêu khiến cho giặc nhưng khi cần lại biết cứu người kháng chiến; đó là cô Na mà chẳng chính chuyên, nhưng vẫn khiến anh chàng trai tơ suốt năm mươi năm ôm mộng chung tình. Khi cô Na gặp người quen thói trăng hoa, kiếm vợ chợ đông không kiếm, lại kiếm vợ "chợ tình", rồi nên vợ nên chồng bây giờ đã "kẻ dương gian, người âm cảnh", nhưng vợ chồng cô Na vẫn sống với nhau hạnh phúc đến "đầu bạc răng long", vì họ hiểu nhau, tin nhau, yêu nhau thực sự, không rao giảng đạo đức, nhưng "mỗi người tự biết giữ đạo nhà".

Cuộc sống vẫn hối hả với nhịp điệu biến đổi không ngừng, nhân vật *tôi* tự nhủ (Hay cũng là nhà văn tự cười và tự vấn?): " Tầm sinh con người, nghề văn như tôi phải dự báo ra sao? Để cầm bút khỏi run tay, hay chỉ hiểu cuộc đời như tôi ngày còn mười sáu tuổi. Để viết theo chủ quan ôm mãi suốt nửa thế kỷ cho đến gần xuống lỗ rồi mà vẫn hiểu như cũ trong khi thế giới tự nhiên có rất nhiều kịch tính".

Theo tôi, *Tự cười* cũng là một truyện ngắn hay trong tháng Tám năm 2001.■

TRẦN THÀNH

(số nhà 16A3, ngõ 6, Đường Ngô Quyền, thị xã Hà Đông)

CẢM NGHĨ ĐỌC *CHUYỆN VĂN CHUYỆN ĐỜI*

CHUYÊN mục *Chuyện văn - chuyện đời* trên báo *Văn nghệ* theo thiển ý của tôi, có lẽ là món ăn tinh thần được nhiều bạn đọc ưa thích.

Tuy nhiên, sau khi đọc và suy ngẫm tôi rất tâm đắc với 3 bài:

- *Ngán Giang là thế* của nhà văn Hoàng Quốc Hải (*Văn nghệ* số 52 - 23-11-2000).

- *Nhà thơ Giang Nam:" Một nhà thơ có tài hay không, nhìn vào trang viết của họ là biết ngay"* của tác giả Phan Hoàng. *Văn nghệ* số 29 - 21-7-2001).

- *Nhà thơ Chim Trắng: Tình yêu không mệt mỏi với Thơ ca* của tác giả Nguyễn Tý. (*Văn nghệ* số 31 - 4-8-2001)

Ở *Ngán Giang là thế*, nhà văn Hoàng Quốc Hải, với lối viết chân thực, dung dị, đã làm cho tôi thật sự xúc động. Tôi không thể nào quên được chi tiết: " Gặp bệnh tật hiểm nghèo, lại tuổi cao và không có thu nhập, nữ sĩ Ngán Giang thường ao ước:" Giá như ông Chính phủ ông ấy trợ cấp cho mình ổn định mỗi tháng dăm trăm đồng để mà sống"...

Và tôi tự hỏi:" Chẳng biết cho đến hôm nay nữ sĩ lão thành Ngán Giang sống ra sao? Đã có ai làm "Mạnh Thường Quân" dám mua bản quyền thơ Ngán Giang để in và để giúp nữ sĩ có tiền xài?

Ở *Nhà thơ Giang Nam*... tôi rất thích chi tiết Giang Nam kể về hoàn cảnh sáng tác bài thơ nổi tiếng: *Quê hương*. Tôi đã hiểu kỹ thêm về xuất xứ bài thơ do chính nhà thơ kể lại; thật cảm động và thú vị biết bao!

Chi tiết cuối bài viết của tác giả Phan Hoàng là một chi tiết rất thực, hấp dẫn người đọc:" Giang Nam trước tôi bây giờ là một nhà thơ đích thực, một nhà thơ mà tôi tin rằng bất cứ độc giả nào tiếp xúc cũng dễ có cảm tình. "Quan nhất thời, còn nhà thơ thì có thể... vạn đại".

Còn ở *Nhà thơ Chim Trắng*..., một nhà thơ mà tôi ít được đọc thi phẩm của ông; có lẽ tôi chỉ nhớ bài thơ: *Hương cau quê ngoại*, một bài thơ hay đã được chọn in trong tuyển tập Thơ Việt Nam 1945-1985 (Nhà xuất bản *Văn học* - 1985). Qua bài viết của tác giả Nguyễn Tý, lời giãi bày đầy xúc động của nhà thơ Chim Trắng, đã làm cho tôi hiểu đầy đủ hơn về mối quan hệ họ hàng thân thuộc giữa hai nhà thơ nổi tiếng:

Chim Trắng (tức Hồ Văn Ba hay Ca Văn Ba?)

- Lê Anh Xuân (tức Ca Lê Hiến).

Tôi cứ đọc đi đọc lại mãi cái chi tiết Chim Trắng trả lời câu hỏi của phóng viên (Anh đến với nghề viết báo, làm thơ khi nào?) bằng lời lẽ chân tình, mộc mạc mà gợi nhiều xúc cảm: "... Từ nhà tù Mỹ - Diệm trở về, tôi hoà mình vào tiếng trống mõ của Bến Tre - Đồng Khởi, rồi cùng đồng bào đi phá ấp chiến lược, làm hầm chông, xây xã chiến đấu, đưa dân đi đấu tranh chính trị hay cùng đội du kích chống giặc càn quét. Tiếng xèng, tiếng cuốc, con đường làng đêm mưa trơn như bôi mỡ, những tàu lá chuối phất phơ, ánh mắt của đôi trai gái chạm vào nhau trong buổi liên hoan, cái hắt hơi của đồng đội trước khi vĩnh biệt... những điều đó thúc giục tôi cầm bút!

Tôi hy vọng rằng trong những số *Văn nghệ* tới, các *Chuyện văn - chuyện đời* sẽ hay hơn, giầu chất văn hơn và thấm đượm tình đời, tình người hơn.■

TRẦN TIẾN TOẢN

(45A ngõ 133 Trương Mỹ, phường Phạm Ngũ Lão, Th.P Hải Dương - tỉnh Hải Dương)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

LASUCO

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa
Tel: 037 834091 - Fax: 037 834092

Chuyên sản xuất
kinh doanh các loại
Đường, Bánh kẹo, Cồn, Rượu...

Giải thưởng Chất lượng
Việt Nam 1997- 1998

Giải thưởng Bông lúa vàng
5 năm liền 1996 - 2000

No. : HT.019.99.15

Certificate No. Q16561

Tiêu chuẩn chất lượng Quốc tế ISO 9002

GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ 2001

CHẤT LƯỢNG TOÀN DIỆN (GQM)
Do tổ chức chất lượng toàn cầu Global quality management
Trao tặng tại New York Ngày 31-03-2001

GLOBAL QUALITY MANAGEMENT AMERICAN QUALITY AWARD
WHICH PRESENTED BY GLOBAL QUALITY MANAGEMENT
New York on March 31st 2001

NGÔI SAO VÀNG QUỐC TẾ CAM KẾT CHẤT LƯỢNG TOÀN CẦU
Do tổ chức Định hướng chiến lược kinh doanh (BID)
Trao tặng tại Paris Ngày 07-05-2001

WORLD QUALITY COMMITMENT INTERNATIONAL STAR AWARD
WHICH PRESENTED BY BUSINESS INITIATIVE DIRECTIONS
Paris on May 7th 2001

MỘT TRANG MỚI CỦA KỊCH MÚA VIỆT NAM

(Qua Liên hoan kịch Múa lần thứ nhất 2001)

CHÂU THÀNH NGUYỄN

Vở Huyền thoại Núi Đôi của Trường CĐ VHNT quân đội - Huy Chương Bạc.

Ảnh:HĐ

Vở Ngọn Lửa (Quân đội) Huy Chương Vàng 2001.

Ảnh: NGUYỄN ĐÌNH TOÁN

GIỐNG như nhiều quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á, Việt Nam cũng có truyền thống múa lâu đời, độc đáo. Bên cạnh nghệ thuật múa của người Việt là vốn di sản phong phú với múa dân gian, múa bác học, múa tôn giáo của cộng đồng các dân tộc anh em khác cùng chung sống trên đất nước ta. Nhưng kịch múa với tính chất là loại hình nghệ thuật đẳng cấp cao, đánh dấu sự trưởng thành của một nền nghệ thuật múa chuyên nghiệp đã ra đời ở Tây Âu từ thế kỷ XIV-XV, dưới tên gọi mang tính quốc tế - Ballet - không ngừng phát triển, đạt tới đỉnh cao rực rỡ và phân hoá thành nhiều trường phái, phong cách đặc sắc, thì ở nước ta, cho mãi gần đây mới được biết đến.

Đó là vào năm 1960, nhân dịp chào mừng những ngày đại lễ trong tháng 9, hai vở kịch múa Việt Nam đầu tiên *Ngọn lửa Nghệ Tĩnh* (3 màn 5 cảnh), sáng tác tập thể - lớp biên đạo, Trường Nghệ thuật Quân đội và *Tấm Cám* sáng tác tập thể - Đoàn ca múa Nhân dân Trung ương, dưới sự dàn dựng của chuyên gia nước ngoài, chính thức trình làng trước công chúng, đánh dấu mốc quan trọng trong lịch sử ngành múa Việt Nam hiện đại. Đây thực sự là những tác phẩm nghệ thuật lớn, thể hiện một cách tập trung và đột xuất khả năng diễn tả và sức truyền cảm của loại hình kịch múa, trải qua sàng lọc của thời gian cho tới nay, vẫn là niềm tự hào của kịch múa Việt Nam hiện đại xứng đáng nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật Nhà nước vừa trao tặng vào năm 2000.

Thành công bất ngờ và tiếng vang rộng rãi ở trong nước và ở nước ngoài của hai vở balê nội địa này, cho thấy khả năng diễn tả, bao quát trên một dung lượng lớn hiện thực đời sống cả với đề tài hiện đại (sự kiện lịch sử Xô - viết Nghệ Tĩnh) lẫn truyền thuyết dân gian (truyện cổ tích *Tấm Cám*), đồng thời làm nhen nhóm ý tưởng có thể xây dựng hình thức kịch múa Việt Nam. Trên thực tế, ròng rã gần nửa thế kỷ qua đã lần lượt xuất hiện thêm khoảng 40 tác phẩm kịch múa ngắn, dài khác nhau thường hiện diện trong các dịp lễ lạt long trọng, hoặc trên sân khấu các hội diễn, liên quan quy mô quốc gia, mà chưa phải là những tiết mục có mặt trong chương trình biểu diễn thường xuyên của các đơn vị ca múa nhạc... Cũng thấy nổi lên trong số đó loạt tác phẩm với nỗ lực, tìm tòi hướng đi cho loại hình kịch múa non trẻ như *Bà Má miền Nam, Theo ngọn cờ giải phóng, Cánh chim biên giới, Rừng thương núi nhớ, Giữa mùa hoa lê, Chị Sứ, Bả Khó, Sơn Tinh - Thuỷ Tinh v.v...* Nhưng chất lượng nghệ thuật nhìn chung vẫn đang trên quá trình mò mẫm, thử nghiệm, còn giữ một khoảng cách quá xa so với ballet cổ điển thế giới, thậm chí chưa vượt khỏi cái bóng "sừng sững" của *Ngọn lửa Nghệ Tĩnh* và *Tấm Cám*. Bởi thế, kịch múa Việt Nam, dường như dừng chân quá lâu ở cái thuở ban đầu chập chững. Có nhúc nhích, xoay trở, lui tới nhưng rồi lại chùng xuống, quay về điểm xuất phát, khiến nó không giành được tình cảm ngay cả của lớp khán giả am hiểu nghệ thuật múa mà đối với công chúng rộng rãi thì lại hiện ra với dáng vẻ lạ lẫm, khó tiếp cận, ngoài tầm đón nhận!

Theo quan niệm chung, một tác phẩm kịch múa thường phải có cốt truyện, diễn biến tuần tự đi tới xung đột căng thẳng được thể hiện bằng ngôn ngữ động tác múa trên nền nhạc đệm để bày tỏ, biểu hiện tình cảm, tâm trạng, tính cách nhân vật. Tất nhiên theo thời gian, ballet hiện đại đôi khi dung nạp cả những tác phẩm phi cốt truyện, hướng tới tính biểu tượng, khái quát cao nhưng yêu cầu cốt lõi đặt ra với một vở ballet vẫn đòi hỏi không thể là con số cộng của nhiều điệu múa riêng lẻ lại mà phải thật sự là quá trình chuyển hoá, nâng cấp, tổng hợp, sáng tạo đạt tới một vở diễn múa như là một chỉnh thể, nguyên khối có khả năng diễn tả vừa bao quát lại vừa mạnh mẽ, sâu sắc cuộc sống hiện thực và số phận con người. Ngoài ra, ballet còn có cả một hệ thống động tác cơ bản, định hình chặt chẽ, nhưng trên đường giao lưu đã dần dà được bổ sung thêm những nhân tố mới, những đường nét của nhiều truyền thống múa dân tộc khác tuỳ thuộc vào đề tài và chủ đích nghệ thuật ở từng xứ sở, từng giai đoạn lịch sử khác nhau.

Song kinh nghiệm của những nước có nền ballet phát triển cho thấy, để xây dựng loại hình kịch múa, bao giờ cũng đòi hỏi những tiền đề khách quan và chủ quan nhất định, mà trong đó không thể thiếu được vai trò của đội ngũ biên đạo và nghệ sĩ biểu diễn được đào tạo chính quy và chuyên sâu về nghệ thuật ballet, đã đạt tới một trình độ nhất định. Rồi đi song song với nó là sự phát triển của dàn nhạc giao hưởng cùng các bộ môn nghệ thuật, kỹ thuật phối thuộc khác như mỹ thuật, trang trí, trang phục, chiếu sáng v.v. .. Những năm trước đây, kịch múa Việt Nam lúc rộ lên, lúc chìm xuống, thậm chí rơi vào quên lãng vì chưa hội đủ những nhân tố cần và đủ, sự xuất hiện đây đó, rải rác của một số tác phẩm kịch múa chỉ mang tính đột phá, ngẫu hứng, nhất thời nên không được nuôi dưỡng là điều dễ hiểu.

Bước vào thời kỳ đổi mới, giao lưu văn hoá nghệ thuật được đẩy mạnh trong bối cảnh ấy, nghệ thuật múa Việt Nam đã nhanh chóng có những chuyển biến mới vươn mình hoà nhập với dòng chảy của múa hiện đại thế giới. Một số đơn vị nghệ thuật được nâng cấp trở thành *nhà hát giao hưởng nhạc vũ kịch* có chức năng dàn dựng những tác phẩm kịch múa, các trường đào tạo chuyên ngành múa có kế hoạch đào tạo diễn viên ballet. Hàng trăm biên đạo, nghệ sĩ biểu diễn được đào tạo bài bản ở các học viện nổi tiếng thế giới và ở trong nước qua thực tiễn hoạt động nghệ thuật đã khẳng định được tài năng và tên tuổi của mình. Nhất là với sự hỗ trợ của các đối tác bên ngoài (cả về nguồn tài chính lẫn chuyên gia nghệ thuật), mà gần đây các đơn vị ca múa nhạc liên tiếp cho chào đời hàng loạt những vở ballet vào hàng kinh điển thế giới *Hồ Thiên Nga, Rômêo và Juliét*, hoặc những tác phẩm khác như *Spartacus, Carmen, Gizzel, Kẹp hạt dẻ v.v...* Chứng tỏ đội ngũ diễn viên múa nước ta hoàn toàn có khả năng và trình độ thể hiện những tác phẩm quy mô lớn, tầm cỡ. Hơn nữa, trong vòng mấy năm trở lại đây hai cánh chim đầu đàn của ngành ca múa nhạc là Nhà hát Nhạc vũ kịch Việt Nam và Nhà hát Giao hưởng - Vũ kịch Thành phố Hồ Chí Minh đã dàn dựng và biểu diễn thành công một loạt vở kịch múa mới sáng tác như *Huyền thoại me, Ngọc trai đỏ, Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga .v.v...*

Tất cả những điều đó khẳng định rằng điều kiện và tiền đề để xây dựng kịch múa Việt Nam đã chín muồi. Vấn đề đặt ra là phải hoạch định một chiến lược phát triển ngành múa dân tộc một cách lâu dài và chủ động, trong đó kịch múa coi như bộ phận nền tảng. Bởi không thể chỉ thoả mãn với tình trạng để cho các vũ điệu ngắn, cải biên, phóng tác hoặc sáng tạo dựa trên chất liệu truyền thống múa dân gian, dân tộc ngự trị gần như là độc tôn sân khấu múa chúng ta. Những điệu múa ngắn như những dòng suối trong mát và róc rách, tình điệu quê hương xứ sở vì tuôn chảy tự nguồn, trong khi kịch múa mang được nhịp chảy mãnh liệt, phóng khoáng, tân kỳ, hiện đại của những dòng sông khi hoà vào biển cả bốn phương, chắc chắn sẽ có một vị thế tương xứng trong xu thế hiện đại hoá và công nghiệp hoá của đất nước hiện nay.

Trên tinh thần ấy, *Liên hoan các tác phẩm kịch Múa Việt Nam lần thứ nhất - 2001* được tiến hành tại Nhà hát Lớn Hà Nội (từ ngày 25 đến 29-8-2001) do sự phối hợp của Cục Nghệ thuật Biểu diễn (Bộ VHTT) và Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam đã được dư luận đón nhận như một sự kiện văn hoá quan trọng. Bên lề Liên hoan, ngay sau khi giải thưởng được công bố, một cuộc hội thảo với tiêu đề *Kịch múa Việt Nam và hướng phát triển* cũng được tổ chức theo sáng kiến của Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam. Kể ra, sau hơn 40 năm, tính từ ngày kịch múa Việt Nam ra đời mới có một Liên hoan dành riêng cho thể loại quan trọng này thì thật là quá muộn, nhưng lại rất thực tế, hợp lý, và đúng lúc, bởi chỉ đến bây giờ mới có đầy đủ điều kiện để quy tụ đội ngũ biểu diễn và biên đạo tiêu biểu của cả nước cùng chứng kiến những tìm tòi, thử nghiệm của đồng nghiệp trong lĩnh vực kịch múa, qua đó xác định một hướng đi mới, chuẩn bị mở ra một trang mới của kịch múa Việt Nam ở thế kỷ XXI.

Hơn 300 nghệ sĩ của 9 đơn vị như Nhà hát Nhạc vũ kịch Việt Nam, Nhà hát Giao hưởng và Vũ kịch Thành phố Hồ Chí Minh, Đoàn ca múa Quân đội, Đoàn nghệ thuật dân tộc Khơme Ánh Bình Minh tỉnh Trà Vinh, Đoàn Nghệ thuật dân gian các dân tộc tỉnh Hoà Bình, Nhà hát Tuổi trẻ, Trung tâm múa Hội Văn học - Nghệ thuật thành phố Đà Nẵng, Trường Cao đẳng Văn hoá nghệ thuật Quân đội, Trường múa Thành phố Hồ Chí Minh đã đem về Liên hoan 12 tiết mục. Số lượng không nhiều, thậm chí có tiết mục dự thi chưa tương xứng với thực lực của đơn vị như trường hợp tác phẩm *Hồng hoang* của Nhà hát Nhạc Vũ kịch Việt Nam nhưng lại rất đa dạng về đề tài và phong cách thể hiện, ghi dấu những nỗ lực đáng trân trọng của đội ngũ nghệ sĩ múa Việt Nam đương đại.

Hai tác phẩm giành Huy chương Vàng *Ngọc trai đỏ* (Nhà hát Giao hưởng và Vũ kịch Thành phố Hồ Chí Minh) và *Ngọn lửa* (Đoàn ca múa Quân đội) là hai công trình nghệ thuật nghiêm túc với hai hướng tìm tòi và phong cách khác nhau. Nếu *Ngọc trai đỏ* trở về khai thác huyền tích *My Châu - Trọng Thuỷ*, thì *Ngọn lửa* đi vào khắc hoạ hình ảnh những người chiến sĩ trong cuộc chiến tranh cứu nước giữa bối cảnh rừng núi Tây Nguyên hùng vĩ, thơ mộng. Đây dường như là sự lặp lại những phát triển nâng cao hai hướng đi mở ra từ hai vở ballet Việt Nam đầu tiên - *Ngọn lửa Nghệ Tĩnh* và *Tấm Cám*.

Ba tác phẩm nhận Huy chương Bạc: *Huyền thoại Núi Đôi, Sự tích Chơi chơ nam th'mây* và *Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga* cũng có dáng nét độc đáo riêng, cho thấy rõ ràng bước tiến triển mới của kịch múa Việt Nam, trên nhiều phương diện từ biên đạo, biểu diễn, nhạc nền đến trang trí mỹ thuật đã tỏ ra đồng bộ, hài hoà để tạo nên một sức mạnh tổng thể, đánh dấu tính chuyên nghiệp cao.

Nhưng Liên hoan khép lại, nhiều băn khoăn lại nổi lên và không ít vấn đề quan thiết lại đặt ra! Liệu rằng Liên hoan kịch múa lần thứ nhất này có rơi vào lối mòn của không ít Liên hoan, Hội diễn khác, khi diễn ra thì rầm rộ, mà dư âm thì quá đỗi nhạt nhoà, dễ dàng bị khoả lấp ngay sau khi kết thúc trước áp lực khắc nghiệt của kinh tế thị trường để mở ra một tiền lệ mới, thực sự là cuộc tổng duyệt lực lượng, chuẩn bị hành trang cho loại hình kịch múa Việt Nam có chỗ đứng vững chãi trong sinh hoạt tinh thần đất nước trên bậc thềm của thiên niên kỷ mới.■

ĐỜI SỐNG VĂN NGHỆ

● **NGÀNH VĂN HOÁ - THÔNG TIN KỶ NIỆM 56 NĂM NGÀY THÀNH LẬP (28-8-1945 - 28-8-2001).** Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương đã đến dự. Bộ trưởng Phạm Quang Nghị, Uỷ viên Trung ương Đảng đã đọc diễn văn nêu bật truyền thống của Ngành Văn hóa - Thông tin trong 56 năm qua, đồng thời kêu gọi cán bộ công nhân viên trong toàn ngành phát huy truyền thống vẻ vang của ngành, hăng hái lập thành tích xây dựng ngành Văn hóa - Thông tin không ngừng lớn mạnh. Buổi lễ kết thúc bằng cuộc liên hoan các tiết mục văn nghệ của các cơ quan trong Bộ Văn hóa - Thông tin (A.T)

● **NHÀ NƯỚC VỪA TẶNG HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT** cho Nhà hát Ca múa nhạc Việt Nam, Huân chương Độc lập hạng Nhì cho Nhà hát Chèo Việt Nam và Nhà hát Cải lương Trung ương, Huân chương Lao động hạng Nhì cho PGS-NSUT Trung Kiên, nguyên Thứ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin, Tiến sĩ Kiến trúc sư Hoàng Đạo Kính nguyên giám đốc Trung tâm Thiết kế và tu bổ di tích (Bộ Văn hóa - Thông tin). 13 đơn vị và cá nhân khác được thưởng Huân chương lao động hạng Ba. (T.T)

● **NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VỚI SÁCH GIÁO KHOA PHỤC VỤ NĂM HỌC 2001-2002.** Tính đến ngày 10-9-2001, Nxb *Giáo dục* đã in và nhập kho 121 triệu bản sách, đạt 96% kế hoạch. Số lượng sách đã chuyển đến các công ty sách và thiết bị là 94,5 triệu bản, đạt 76,2% kế hoạch so với thời điểm năm 2000 là 107,2%. Tình hình chuẩn bị sách thí điểm, sách tiểu học đạt tới 100% sách Trung học cơ sở còn thiếu một cuốn sách lớp 6 và 7 và 8. Nhà xuất bản *Giáo dục* đang phối hợp khẩn trương cùng với các Vụ, Viện Khoa học Giáo dục và các tác giả để hoàn thành kịp năm học mới.

● **SÁNG 7-9-2001, ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM ĐÃ TỔ CHỨC ĐÓN NHẬN DANH HIỆU ANH HÙNG LAO ĐỘNG** thời kỳ đổi mới của Đài Tiếng nói Việt Nam tại Hội trường Ba Đình. Phó Chủ tịch Nguyễn Thị Bình trao danh hiệu Anh hùng Lao động cho Đài Tiếng nói Việt Nam. Phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm đã đọc phát biểu với bạn đọc của Đài và những phóng viên đã làm nên danh hiệu Anh hùng cho Đài Tiếng nói Việt Nam. (P.V.)

XUÂN HOÀNG...

(Tiếp theo trang 7)

cho mảnh đất sinh thành trong những ngày cuối đời sống xa xứ.

- Vâng, nhắc đến Xuân Hoàng là mọi người thường nghĩ đến nhà thơ của Đồng Hới, Qua Bố Trạch, Trên đèo Mụ Già, Bài thơ viết dưới tầm B52, ... Đây không chỉ là những bài thơ hay viết về Quảng Bình mà còn là những bài thơ thành công nhất của ông. Nếu chỉ chọn một bài ưng ý nhất trong số ấy, ông chọn bài nào?

- Thật khó. Có thể đó là Đồng Hới. Bài thơ tôi viết tháng 10-1966 trong những ngày diễn ra chiến tranh phá hoại bằng B52 rải thảm của Mỹ. Đồng Hới đổ nát thành bình địa. Người dân thị xã phải sơ tán lên vùng Cộn lập hẳn một thị xã mới để sinh sống. Mặc dù viết về chiến tranh, nhưng Đồng Hới là một bài thơ mang nét trữ tình, nên được nhiều người yêu mến.

- "Em" trong bài thơ là một cảm xúc tượng trưng hay của một hình ảnh có thật, thưa nhà thơ?

- "Em" là cô Bình, là bà nhà tôi đấy (cười hồn nhiên). Tôi còn nhiều thơ tình viết tặng bà ấy.

"Bà nhà" của nhà thơ Xuân Hoàng vốn là một nữ sinh Hà Tĩnh, thời chống Pháp vào Quảng Bình công tác phụ vận, yêu thơ rồi yêu cả... nhà thơ. Mấy năm nay khi bệnh tình ông ngày một nặng, dù được sự quan tâm chu đáo của bốn người con gái, nhưng bà phải luôn túc trực ngày đêm bên cạnh. Vốn rất sợ tiêm thuốc nhưng bây giờ bà lại thành thục cả việc tiêm cho ông. Bà cho biết, nghe tin ông bệnh nặng, các nhà thơ Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Hữu Thỉnh từ Hà Nội đã vào thăm. Gần đây, nhà văn Lê Văn Thảo thay mặt Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh cùng một số anh em cùng đến thăm ông. Cái tình văn chương thật đáng quí. Thương yêu ông, bà cũng tỏ ra rất tự hào về thi sĩ của đời mình. Ấu đó cũng là cái phúc, cái may cuối đời cho "nhà thơ Đồng Hới" vậy!■

GÓC HÀI HƯỚC

Thắc mắc

THỢ RÈN

"Si ke" dĩ lược địa[1]
Tứ diện "sơ ranh" vương...
Trị an Ba Đình quận
Trách nhiệm ai dám đương.

8-2001

(1) Si ke chiếm cả một khu đất rộng chờ xây dựng, mở "chợ Si ke ma tuý" có để đến ba năm, dân biết, quận không biết...?
Lược địa: chiếm đất. Phỏng theo hai câu thơ về Ngu Cơ:*"Hán quân dĩ lược địa. Tứ diện Sở ca thanh..."*

Người chồng trong mộng

HỒ VĂN KHUÊ

Hôm qua trong lúc ngủ mê
Bà thấy ông về mặt mũi buồn teo
"Bà ơi lắm con nhà nghèo
Thiếu tiền mua giấy để theo học hành
Mà bà đốt mã cho đành
Một đống tiền bạc biến thành khói tro
Áo quần, xe máy, ô tô...
Đều bằng giấy dán như trò trẻ thơ
Lại còn tiền âm giấy đô
Bà đưa bạc giả để cho đi tù?
Đừng theo mê tín mà hư
Cõi âm nay cũng bài trừ gian tham!

Quyết và hành!

SĨ GIANG

Mấy nhà lấn chiếm đất công,
Nay họp mai quyết vẫn không thấy gì!
Ngán chưa cái thói chây lì
Ngày qua tháng lại vẫn "i" thế thôi!
Người muốn tiến, kẻ muốn lùi,
Thông đồng gây cấn, có người đứng sau...
Hỏi rằng sự việc đến đâu,
Giơ cao đánh sẽ, còn lâu mới thành.
Bà con lắm kẻ bất bình,
Bàn qua tán lại cũng đành chịu thua!
Ô hay! sự việc như đùa,
Việc nhỏ như thế, việc to thế nào?

Không lời
Tranh CHU ĐỨC TIẾN

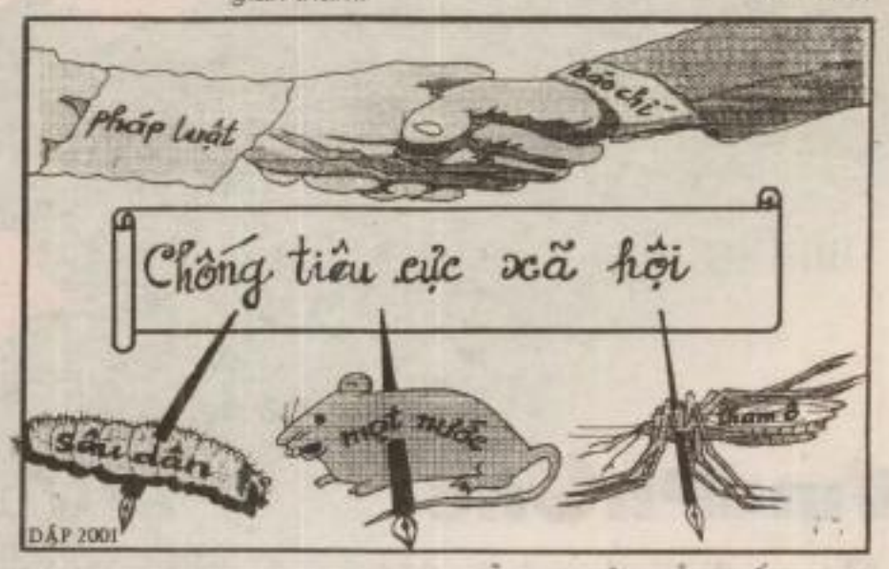

Đập 2001 *Tranh NGUYỄN PHƯỚC BẢO KIẾM*

CHUYỆN VUI NƯỚC NGOÀI

Sự thật về một điều nói dối

Nhà văn người Anh Mác Tuên đưa một thiếu phụ tới bàn tiệc và nói với bà ta:

- Bà xinh đẹp quá!

Người thiếu phụ nói lại với nhà văn:

- Rất tiếc, tôi không thể nói lời khen tặng ấy đối với ngài.

Mác Tuên mỉm cười nói với người thiếu phụ:

- Thì bà hãy làm như tôi đi: Nói dối đi.

Trao đổi thân tình

Một bà quý phái người Anh nói với nhà văn Becna Sô:

- Nếu ông mà là chồng tôi, thì tôi sẽ pha ngay thuốc độc vào cốc cà phê cho ông uống!

Nhà văn Becna Sô lập tức trả lời:

- Còn tôi, nếu mà là chồng bà, thì tôi uống ngay cốc cà phê đó!

Có hai điều kiện

Một học trò hỏi nhà hiền triết Xôcrát:

- Có bao nhiêu điều kiện mà một đám cưới lý tưởng cần tôn trọng?

Xôcrát trả lời:

- Có hai điều kiện là: người chồng phải điếc và người vợ phải mù.

CHIẾN THẮNG sưu tầm

GIAI THOẠI VỀ KRƯLÔP

Krulôp Iv. And. (1769-1844) - nhà văn, nhà viết truyện ngụ ngôn nổi tiếng, viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Nga (1841).

Giải thích thêm

Ivan Andreevich Krulôp thường tránh việc phải ra khỏi nhà đi đâu đó, ngoài việc đi tới dự các bữa cơm khách được mời. Ở một cuộc họp của Viện Hàn lâm Nga, có ý kiến nên họp hành thường xuyên hơn, Krulôp đồng ý với mọi người, nhưng ngay đó lại giải thích thêm:"Loại trừ tất nhiên là những ngày xe thư".

Bấy giờ ở Thủ đô ngày nào cũng đều có xe thư.

Tốt cho cả hai

Chủ căn hộ mà Krulôp thuê để ở trước khi ông được nhà của Nhà nước, thảo bản hợp đồng để hai bên ký kết và đến đưa ông ký.

Trong bản hợp đồng này ngoài những điểm chung khác có viết một điều khoản nữa là, trong trường hợp do sơ xuất của người thuê nhà mà nhà cháy, thì người thuê nhà buộc phải nộp đền số tiền là 10 nghìn rúp.

Krulôp ký hợp đồng và ở con số 10 nghìn ông còn cho thêm hai số không nữa.

- Mọi điều khoản hợp đồng tôi đều tán thành hết, - Ông nói và trao lại hợp đồng cho chủ nhà. - Nhưng để cho ông được hoàn toàn bảo đảm, thay vì 10 nghìn rúp tôi ghi hẳn 1 triệu. Đối với ông như thế là tốt, còn đối với tôi đằng nào cũng vậy, bởi tôi chẳng có khả năng trả cả số tiền nợ, cũng như số tiền kia.

Đã nhận ra

Tại quán giao dịch Krulôp thưởng thức món sò huyết ngồi cùng bàn với một viên tướng nọ. Viên tướng nói với chủ quán:

- Ông biết ta chứ?

- Dạ thưa đại nhân, tôi không được biết ạ? - Chủ quán đáp.

- Ta để quên ví ở nhà. - Viên tướng khệnh khạng nói. - Ta để lại địa chỉ của ta và cho người đến nhận tiền.

● **Thông báo:** "Kính gửi các ông trộm bợm.

Xin các ông đừng rình mò vô ích. Tôi đã được các ông thăm viếng ba lần hết sạch đồ đạc rồi. Không còn gì đáng giá nữa". Đây là bản thông báo có thực của một chủ nhà - ông Pampa Hoxê Ecner ở Buenos Airet Achentina - treo trước cửa.

● **Hai chiếc ủng là - một đôi**

Chỉ huy tập hợp đại đội lính để kiểm tra.

- Tôi sẽ kiểm tra dày ủng có sạch không. Nhấc chân phải lên.

Tất cả đều nhấc chân phải lên, nhưng có một người nhấc nhầm chân trái. Chỉ huy phát hiện thấy có hai chiếc ủng đối nhau liền hỏi:

- Ai nhấc cả hai chân đấy?

● **Xin ông hãy an ủi tôi**

Quản giáo nhà tù hỏi tử tù ngồi trên ghế điện chờ thi hành án:

- Nguyện vọng cuối cùng của anh?

- Xin ngài hãy cầm tay tôi. Có thế tôi mới đủ can đảm được ạ.

V.D sưu tầm

HỘP THƯ

Tuần qua, chúng tôi đã nhận được thư, tin, bài, ảnh của các bạn:

1. **VĂN XUÔI**: Trường Xuân (Phan Thiết), Lê Minh Phúc, Lâm Thế Khải, Thắm Phương Nam (Hà Nội), Mai Lan, Lâm Phương, Việt Hoà (TPHCM), Trần Anh Tuấn (Bắc Giang), Nguyễn Vĩnh Nguyên (Lâm Đồng), Bùi Thanh Minh (Hải Phòng), Bút Ngữ, Trần Văn Thước(THÁI BÌNH), Nhất Lâm (TP Huế), Nguyễn Huy Cường (Đồng Nai), Hoàng Hồng Trung (Phú Thọ), Chu Thị Phương Lan (Hà Nam).

2. **THƠ**: Đỗ Tuyết Phượng (Thanh Hoá), Trần Hạc (Phú Thọ), Nguyễn Văn Huế, Tú Tâm (Nghệ AN), Lê Văn Tiến (Vĩnh Phúc), Nguyễn Thị Hán (Hải Dương), Nguyễn Phước Vĩnh Lộc (Nha Trang),

3. **LÝ LUẬN PHÊ BÌNH:** Nguyễn Đăng Yểu, Phan Thị Thanh Minh, Mai Văn Lược, Việt Quân, Kim Dao, Dương Hằng, Dương Đình Tường, Phạm Cường, Phạm Thuý Hằng, Vũ Thanh Phong (Hà Nội), Hồ Thuỷ Giang (Thái Nguyên), Trần Hùng (Hà Tây), Phạm Văn Dũng (Thanh Hoá), Nguyễn Tư Thành, Hồ Trọng Hùng (Nghệ An), Nguyễn Quốc Thế, Nguyễn Trung Chính, Diệu Thu, Lưu Quang Phổ (Hải Phòng), Trần Văn Tuấn, Trần Viết Tuấn (Huế), Trần Thanh Vân (Tp Vinh), Nguyễn Nhật Minh (TPHCM), Hà Hiền Hiện, Nguyễn Hữu Phách (Hải Dương), Hoàng Hữu Quế, Nguyễn Thị Xuân Chi (TPHCM), Vũ Thị Thanh (Quảng Ngãi), Nguyễn Hải Lục (Hà Tĩnh), Trần Thị Tích (Bắc Ninh), Kim Chuông (Thái Bình), Huy Cường (Đồng Nai).

Toà soạn xin chân thành cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự cộng tác thường xuyên của các bạn.**V.N**

BẢN ĐỒ PHỦ SÓNG VINAPHONE

VinaPhone's Coverage Map

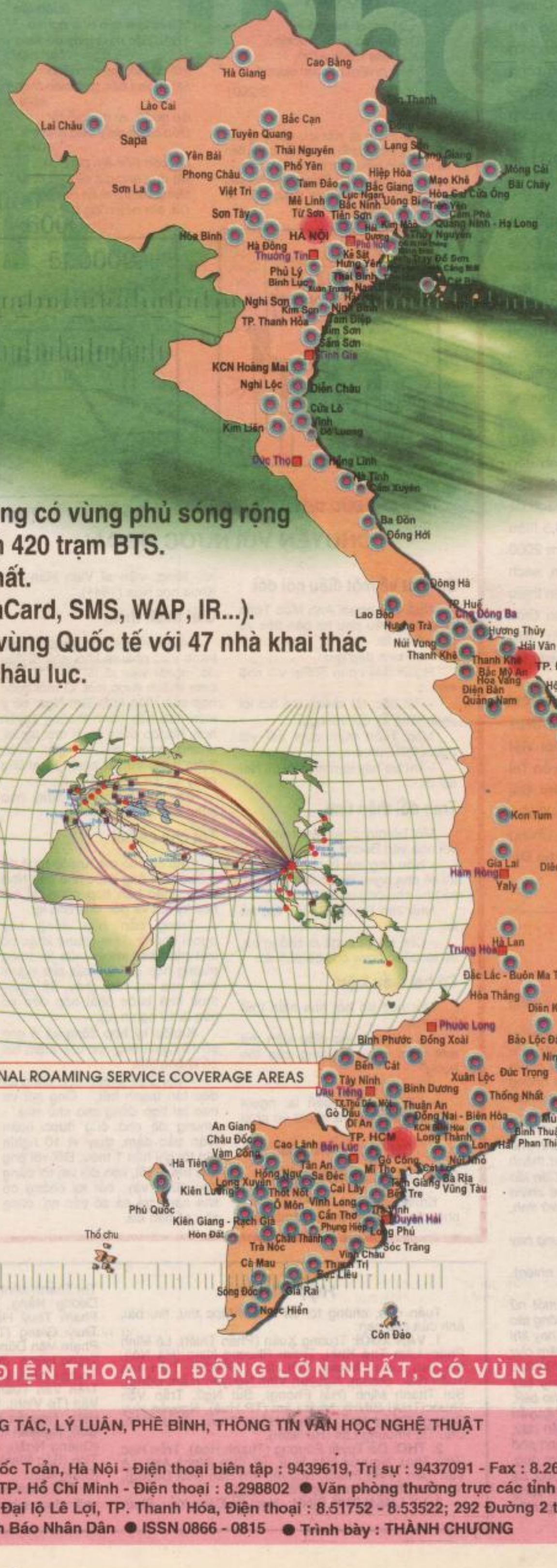

VinaPhone

* Mạng điện thoại di động có vùng phủ sóng rộng nhất Việt Nam với hơn 420 trạm BTS.
* Có số thuê bao lớn nhất.
* Dịch vụ đa dạng (VinaCard, SMS, WAP, IR...).
* Đã thực hiện chuyển vùng Quốc tế với 47 nhà khai thác ở 24 nước trên khắp châu lục.

VINAPHONE INTERNATIONAL ROAMING SERVICE COVERAGE AREAS

VINAPHONE - MẠNG ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG LỚN NHẤT, CÓ VÙNG PHỦ SÓNG RỘNG NHẤT

● VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
● Tổng Biên tập : HỮU THỈNH
● Tòa soạn, Trị sự : 17 Trần Quốc Toản, Hà Nội - Điện thoại biên tập : 9439619, Trị sự : 9437091 - Fax : 8.263926 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam : 43 Đồng Khởi, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8.298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung : 34 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng - Điện thoại : 8.21434; Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa, Điện thoại : 8.51752 - 8.53522; 292 Đường 2 tháng 4, TP. Nha Trang - Điện thoại : 8.22832 - 8.26040 ● In tại Nhà in Báo Nhân Dân ● ISSN 0866 - 0815 ● Trình bày : THÀNH CHƯƠNG Giá: Bốn nghìn năm trăm đồng